

Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 76 - 80

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cưư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập IV

Cuốn 76 - 80

(Mahàprajñàparamitàsàtra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch: HT.Thiện Siêu

| | |
|---|----|
| Cuốn 76 | 3 |
| GIẢI THÍCH: PHẨM HỌC KHÔNG KHÔNG THỦ CHỨNG THỨ 60 | 3 |
| Cuốn 77 | 21 |
| GIẢI THÍCH PHẨM MA SÀU THỨ 62 | 31 |
| Cuốn 78 | 46 |
| GIẢI THÍCH: PHẨM TỊNH NGUYỆN THỨ 64 | 46 |
| Cuốn 79 | 57 |
| GIẢI THÍCH PHẨM CHỨC LỤY THỨ 66 | 57 |
| Cuốn 79 | 70 |
| GIẢI THÍCH PHẨM VÔ TẬN THỨ 67 | 70 |
| GIẢI THÍCH: PHẨM SÁU ĐỘ TƯƠNG NHIỆP THỨ 68 | 76 |

Cuốn 76

GIẢI THÍCH: PHẨM HỌC KHÔNG KHÔNG THỦ CHỨNG THỨ 60

(Kinh Đại Bát Nhã phần 2 ghi: Phẩm Tập Cận Thứ 59)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu Bồ tát ma ha tát muốn hành Bát nhã ba la mật, làm sao học không tam muội? Làm sao chứng nhập không tam muội? Làm sao học vô tướng, vô tác tam muội? Làm sao chứng nhập vô tướng vô tác tam muội? Làm sao học bốn niệm xứ? Làm sao tu bốn niệm xứ? Cho đến làm sao tám thánh đạo phần? Làm sao tu tám thánh đạo phần?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật nên quán sắc không, thọ, tướng, hành, thức không; mùi hai nhập, mùi tám giới không; cho đến nên quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không. Khi tu quán ấy khiến tâm không loạn. Bồ tát ma ha tát nếu tâm không loạn thì không thấy pháp ấy; nếu không thấy pháp ấy thì không khởi tâm chứng đắc, vì sao? Vì Bồ tát ấy khéo học tự tướng không, không có dư thừa, không có phân biệt, pháp chứng người chứng đều không thể thấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy: "Bồ tát không nên khởi tâm chứng đắc pháp không". Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Bồ tát trú trong pháp không mà không khởi tâm chứng đắc?

Phật bảo Tu bồ đề: nếu Bồ tát quán "Không" đầy đủ trước tiên nguyện rằng ta nay không nên khởi tâm chứng đắc pháp "không", khi ta học chẳng phải là khi ta chứng. Bồ tát không chuyên nhiếp tâm buộc ở trong các duyên, thế nên Bồ tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thối thất, cũng không thủ chứng A la hán lậu tận. Nay Tu bồ đề! Bồ tát như vậy là thành tựu pháp thiện diệu lớn, vì sao? Vì trú trong "không" ấy nghĩ rằng: Khi ta tu chẳng phải là khi ta chứng. Nay Tu bồ đề! Bồ tát nên nghĩ như vậy, khi ta học Thí ba la mật chẳng phải là khi ta chứng. Khi ta học Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật; khi tu bốn niệm xứ cho đến khi tu tám thánh đạo phần, chẳng phải là khi ta chứng, khi tu "không" tam muội, vô tướng vô tác tam muội chẳng phải là khi chứng. Khi tu mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi của Phật chẳng phải khi chứng, khi ta học trí Nhất thiết chủng, chẳng phải là khi chứng đắc quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật.

Như vậy Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật học quán không, trú trong không; học quán vô tướng, vô tác, trú trong vô tướng, vô tác. Tu bốn niệm xứ, không chứng bốn niệm xứ, cho đến tu tám thánh đạo phần, không chứng tám thánh đạo phần. Bồ tát ấy, tuy học ba mươi bảy đạo phẩm, tuy tu ba mươi bảy đạo phẩm mà không chứng quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật. Nay Tu bồ đề! Thí như tráng sĩ tráng kiện dũng mãnh, giỏi binh pháp, đủ sáu mươi bốn khả năng, cầm chắc binh khí, đứng vững không lay động, khéo các nghệ thuật, đoan chính, trong sạch, được mọi người yêu kính. Tạo ít sự nghiệp, được báo lợi nhiều, do nhân duyên ấy nên được mọi người cung kính, tôn trọng, tán thán; thấy người kính trọng lại càng vui mừng. Khi có chút nhân duyên phải đi đến xứ khác, đem theo người già yếu đi qua chỗ hiểm nạn, khủng bố; an ủi cha mẹ, hiểu dụ vợ con chớ có sợ hãi, tôi có thể đi qua đây, chắc chắn không có việc gì khổ nạn. Trên con đường hiểm nạn có nhiều kẻ oán tặc ẩn núp cướp hại, người kia nhờ có trí lực đầy đủ nên có thể vượt qua đường hiểm, trở về nhà không còn gặp giặc nạn, hoan hỷ, an vui.

Này Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, có tâm từ, bi, hỷ, xả đầy đủ cùng khắp đối với hết thảy chúng sanh. Bấy giờ Bồ tát trú bốn tâm vô lượng, đầy đủ sáu ba la mật mà không thủ chứng A la hán lậu tận; học trí nhất thiết chủng, tu ba môn giải thoát là không, vô tướng, vô tác; khi ấy Bồ tát không theo tất cả tướng cũng không chứng vô tướng tam muội; vì không chứng vô tướng tam muội nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, thí như chim có hai cánh bay lượn giữa không mà không bị rơi, tuy ở trong không mà cũng không ở trong không. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, học ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, cũng không khởi tâm chứng đắc; vì không chứng đắc nên không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Chưa đầy đủ mười trí lực, đại từ đại bi, vô lượng Phật pháp, trí Nhất thiết chủng của Phật cũng không chứng ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác, thí như người mạnh học các phép bắn cung, giỏi nghệ thuật bắn, ngửa mặt bắn lên không trung, lại dùng mũi tên sau bắn mũi tên trước, mỗi mũi tên bám vào nhau không để rớt xuống, tùy ý tự tại; nếu muốn để rơi liền ngưng bắn mũi tên sau, tự nhiên rơi xuống đất. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, tu hành Bát nhã ba la mật, nhờ sức phương tiện nên vì các thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chưa đầy đủ, không khởi tâm chứng đắc thực tế; nếu thiện căn thành tựu, bấy giờ bèn khởi tâm chứng đắc thực tế. Vì thế nên Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật phải như vậy quán các pháp tướng.

Tu bỏ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Việc làm của Bồ tát ma ha tát rất khó, vì có sao? Vì tuy học các pháp tướng, học thực tế, học "như" học tự tướng không, và ba môn giải thoát mà hoàn toàn giữa đường không đọa lạc, việc ấy rất hiếm có.

Phật bảo Tu bỏ đề! Bồ tát ma ha tát ấy vì không bỏ rơi chúng sanh nên phát thệ nguyện như vậy. Nếu Bồ tát ma ha tát ấy nghĩ rằng: "Ta không nên bỏ rơi chúng sanh, chúng sanh bị chìm trong pháp không có gì của chính nó, ta nên độ thoát". Bấy giờ liền vào ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác. Nay Tu bỏ đề! Nên biết Bồ tát ấy thành tựu sức phương tiện, tuy chưa được trí Nhất thiết chủng mà tu hành ba môn giải thoát ấy cũng không giữa đường thủ chứng thực tế.

* Lại nữa, Tu bỏ đề! Bồ tát ma ha tát nếu muốn quán các pháp thậm thâm, đó là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát. Bấy giờ Bồ tát nên sanh tâm như vậy: Các chúng sanh suốt đêm dài hành theo ngã tướng cho đến tướng kẻ biết, kẻ thấy, đấm nơi pháp sở đắc, ta vì dứt các tướng ấy cho chúng sanh, nên khi chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ thuyết pháp. Bấy giờ Bồ tát tu ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác cũng không thủ chứng thực tế (*Niết bàn - N.D*) vì không thủ chứng nên không rơi vào quả Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật. Nay Tu bỏ đề! Bồ tát ma ha tát ấy vì tâm muốn thành tựu thiện căn ấy nên không giữa đường khởi tâm chứng đắc thực tế, không mất bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác và mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật. Khi ấy Bồ tát thành tựu hết thấy pháp trợ đạo cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không hao giảm. Bồ tát ấy nhờ có sức phương tiện, thường tăng ích pháp hành, các căn thông lợi hơn căn tánh A la hán, Bích chi Phật.

* Lại nữa, Tu bỏ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài đấm trước bốn điên đảo là tướng thường, tướng vui, tướng sạch, tướng ta; vì chúng sanh ấy nên ta cầu Nhất thiết trí, khi ta chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ vì chúng sanh nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Bồ tát thành tựu tâm ấy do sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật tuy không được tam muội của Phật, chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bấy giờ Bồ tát tu môn giải thoát vô tác, tuy chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế (*Niết bàn*).

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài. đấm trước vào pháp sở đắc là ta, là chúng sanh, cho đến kẻ biết kẻ thấy, là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức; là mười hai nhập, là mười tám giới, là bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; ta thật hành như vậy, như khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có pháp sở đắc ấy. Bồ tát thành tựu tâm ấy nhờ sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ, đại bi, mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bây giờ Bồ tát tu "không" tam muội đầy đủ.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng chúng sanh suốt đêm dài tập hành theo các tướng là tướng nam tướng nữ, tướng sắc tướng vô sắc; ta tập hành như vậy khi ta chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ khiến chúng sanh không có các tướng tội lỗi ấy. Tâm ấy thành tựu do sức phương tiện tu hành Bát nhã ba la mật, tuy chưa đầy đủ mười trí lực cho đến mười tám pháp không chung của Phật, cũng không khởi tâm chứng đắc thực tế. Bây giờ Bồ tát tu vô tướng tam muội đầy đủ.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát học sáu ba la mật, học nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; học bốn niệm xứ cho đến ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác; học mười trí lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung của Phật. Thành tựu trí tuệ như vậy mà nếu còn đấm trước pháp tạo tác, hoặc còn ở trong ba cõi thời không có lẽ đó. Bồ tát ấy khi học pháp trợ đạo, hành pháp trợ đạo nên thử hỏi: Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao học pháp ấy, quán không nhưng không chứng thực tế? Vì không chứng nên không rơi vào quả Tu đà hoàn cho đến đạo Bích chi Phật; quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, cũng không thủ chứng thực tế mà tu hành Bát nhã ba la mật, nên hỏi như vậy. Nay Tu bồ đề! Nếu khi Bồ tát thử hỏi, mà Bồ tát ấy nếu đáp như vậy: Bồ tát chỉ nên quán "không", chỉ nên quán vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu; Bồ tát không nên học "không" vô tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô sở hữu, không nên học pháp trợ đạo ấy.

Này Tu bồ đề! Nên biết Bồ tát ấy Phật chưa thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì người ấy không thể nói, không thể chỉ bày, không thể đáp về tướng sở học của Bồ tát chẳng thoái chuyển. Nếu Bồ tát ấy nói được, chỉ bày được, đáp được về tướng sở học của Bồ tát chẳng thoái chuyển, thì nên biết Bồ tát ấy đã tập học đạo Bồ tát, bước vào Bạt địa như các Bồ tát chẳng thoái chuyển khác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn có thể có vị Bồ tát chưa được chẳng thoái chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Bồ tát ấy hoặc nghe, hoặc không nghe sáu ba la mật, đều đáp được như vậy như Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề thưa: Bạch đức Thế Tôn, có nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà ít có Bồ tát đáp được như vậy, như Bồ tát chẳng thoái chuyển, như trong hàng học đạo, vô học đạo.

Phật dạy Tu bồ đề: Như vậy! Như vậy! Bồ tát ấy rất ít, vì sao? Vì ít có Bồ tát được thọ ký tập hành địa vị chẳng thoái chuyển và Càn huệ, nếu được thọ ký thời người ấy có thể đáp như vậy, người ấy thiện căn sáng suốt, chơn thiện và người đời không thể phá hoại.

LUẬN: Hỏi: học "không" chứng nhập "không" có sai khác gì?

Đáp: Đầu gọi là học "không", sau là chứng nhập "không", hơn là học "không", quả là chứng nhập "không", phương tiện là học "không", chứng đắc là nhập "không", vô tướng, vô tác, ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng như vậy. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy pháp trợ đạo là con đường đi đến Niết bàn của Thanh văn, Bích chi Phật, Phật dạy Bồ tát nên đi con đường ấy. Tu bồ đề nghĩ rằng: Làm sao Bồ tát đi theo con đường Niết bàn ấy mà không thủ chứng Niết bàn? Phật dạy: Bồ tát quán hết thấy pháp sắc v.v... là không. Bồ tát ấy do vào sâu thiền định tâm không rối loạn, được sức trí tuệ mãnh lợi nên không thấy pháp không ấy, vì không thấy nên không có gì thủ chứng; còn hành Thanh văn, Bích chi Phật dứt ngã chấp, bỏ tâm ưa đắm, đi thẳng tới Niết bàn. Bồ tát khéo học tự tướng "không" đối với sắc pháp cho đến mảy bụi cũng không lưu lại vi tế nhất; đối với pháp vô sắc cho đến cũng không lưu lại một ý tưởng, đi thẳng vào rốt ráo không, cho đến không còn thấy pháp không ấy, để có thể chứng đắc.

Tuy Phật pháp như vậy, Tu bồ đề chưa hiểu ý Phật lại hỏi: Như lời Phật dạy, Bồ tát không nên thủ chứng pháp không, nay vào trong pháp không, làm sao không thủ chứng?

Phật đáp: Vì thâm nhập nên không thủ chứng; đầy đủ tức là thâm nhập, thí như cầm cây cỏ may, cầm lỏng thì xước tay, cầm chắc thì không xước, Bồ tát cũng như vậy, vì thâm nhập không, nên biết "không" cũng không, Niết bàn cũng không, nên không có gì chứng đắc.

* Lại nữa, Bồ tát khi chưa vào không, suy nghĩ rằng: Ta nên quán xét khắp các pháp "không", chẳng nên không biết đầy đủ mà thủ chứng. Thế nên không chuyên tâm nhiếp niệm vào thiền, buộc nó ở trong cảnh duyên "không", vì sao? Vì nếu chuyên tâm buộc ở trong cảnh duyên "không" thời tâm mềm yếu, không thể từ "không" tự ra được.

Hỏi: trên nói sâu vào thiền định, không để tâm tán loạn, sao nay nói không chuyên tâm, nhiếp niệm?

Đáp: Nay nói không chuyên tâm nhiếp niệm là vì khi mới vào, không thể tự đi ra được; trên nói sâu vào là vào đã sâu, biết "không" cũng "không", không để tâm ở vào việc khác, nên nói không tán loạn.

* Lại nữa, Bồ tát nên nghĩ rằng: Ta chưa đầy đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, mười trí lực, bốn điều không sợ, các Phật pháp làm sao thủ chứng Niết bàn. Ta nay khi đang học, mong các phiền não, giáo hóa chúng sanh đưa vào Phật đạo, nếu ta được đầy đủ các Phật sự, khi ấy sẽ thủ chứng Niết bàn. Thế nên Bồ tát tuy vào ba cửa giải thoát mà không thủ chứng.

Trong đây nói thí dụ: Tráng sĩ là Bồ tát, cha mẹ thân tộc là chúng sanh khả độ, đường hiểm là ba cõi sanh tử, giặc ác là ma dân và các phiền não; khí cụ là năm thần thông và các sức phương tiện của Bồ tát, trở về chỗ cũ là con đường đi của Bồ tát, đứng vững không lay động là Bồ tát an trú rốt ráo không, dùng bốn tâm vô lượng vận chuyển chúng sanh khả độ đặt vào Niết bàn an vui. Khi ấy, hội chúng nghi rằng: Trong "không" không có gì, làm sao đi được? Thế nên Phật nói thí dụ con chim: Như chim bay giữa hư không, không nương tựa đâu hết mà bay xa không rớt.

* Lại nữa, Bồ tát chưa đầy đủ đạo Pháp, chưa đến Phật đạo, ở trung gian đó không thủ chứng, như chim chưa đến chỗ cần đến, trọn không ngừng bay giữa chừng. Học pháp không ấy để tự dứt phiền não và độ chúng sanh. Lại vì muốn rõ ràng nên nói thí dụ giỏi bắn, như người giỏi nghệ thuật bắn, cái cung là thiền định của Bồ tát; mũi tên là trí tuệ, hư không là ba cửa giải thoát, đất bằng là Niết bàn. Bồ tát dùng mũi tên trí tuệ bắn vào hư không ba cửa giải thoát, do sức phương tiện nên dùng mũi tên sau bắn vào mũi tên trước không để rớt xuống đất bằng Niết bàn. Vì chưa đầy đủ Phật sự là mười trí lực v.v... nên trọn không thủ chứng.

Tu bồ đề vui mừng bạch Phật rằng: Việc làm của Bồ tát rất khó, thật là hy hữu, đó là tu tập "không" mà không thủ chứng.

Phật dạy: Bồ tát ấy có bản nguyện khiến các chúng sanh được lìa khổ, vì tâm đại bi bản nguyện ấy bảo trì, nên tu tập không mà không thủ chứng.

* Lại nữa, nếu Bồ tát nghĩ rằng: Hết thầy chúng sanh ở trong khổ, vì bị điên đảo trôi buộc chìm ở trong chỗ không có gì, khi ấy chính là khi tập hành ba cửa giải thoát. Nên biết Bồ tát ấy có sức phương tiện tập hành ba cửa giải thoát mà không bỏ chúng sanh. Lại nữa, Bồ tát muốn quán pháp thậm thâm là mười tám không, ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát trước tiên nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài chấp trước tướng ngã v.v... hành giả nếu quán thắng pháp thậm thâm thời hoặc được đạo Thanh văn, hoặc rơi vào tà kiến, vì không có tâm từ mẫn, và không thể sâu vào tự tướng không. Vì thế Bồ tát muốn quán pháp thậm thâm, trước tiên sanh bi tâm nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài tâm chấp tôi, ta, sinh ra các phiền não. Đêm dài có nghĩa là lâu xa; vô lượng kiếp lại đây cái ta ấy chắc chắn không thể có được, chỉ là trống không hư dối điên đảo nên chịu các ưu não. Bồ tát thấy như vậy rồi, phát nguyện: " Ta sẽ vì chúng sanh mà thành Phật đạo, dứt cái điên đảo chấp ngã cho chúng sanh". Khi ấy chính là tập hành ba môn giải thoát mà không thủ chứng thực tế. (*Niết bàn, Chân lý - N.D*). Thiện căn ấy thành tựu, Bồ tát không thủ chứng thực tế, cũng không mất các công đức bốn thiên v.v... Bồ tát vì sâu vào "không" nên các căn mãnh lợi hơn hàng Nhị thừa. Ý nghĩa pháp bốn điên đảo như trên nói.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Chúng sanh suốt đêm dài chấp trước pháp sở đắc là ta, chúng sanh, cho đến hoặc chấp trước pháp tạo tác, hoặc ở ba cõi là không có lẽ đó. Ý nghĩ đều đồng với nghĩa quán không mà không thủ chứng.

Hỏi: Làm sao biết Bồ tát chưa đắc đạo mà có thể tập hành pháp không sâu xa ấy?

Đáp: Trong kinh này tự nói nhân duyên, Bồ tát nên thử hỏi làm sao Bồ tát nên học không mà không thủ chứng? Nếu Bồ tát đáp rằng chỉ nên niệm không, nhứt tâm tập hành như Thanh văn, Bích chi Phật đạo chứ không chỉ học biết mà thôi, cho đến học vô sanh, vô sở hữu cũng như vậy. Nên biết Bồ tát ấy chưa được Phật thọ ký, vì sao? Vì không nói phương tiện học biết nên quán không. Nếu Bồ tát đáp cách khác, nên biết ấy là Bồ tát chẳng thoái chuyển, đã tập học vào Bát địa: Tập học nghĩa là trước tập học biết không. Bát địa là ở trong địa vị chẳng thoái chuyển, các phiền não mỏng.

Tu bồ đề nghe tướng trạng không thoái chuyển chẳng phải không thoái chuyển rồi bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể có Bồ tát chưa được chẳng thoái chuyển mà đáp được như vậy chăng?

Phật dạy: Có. Có Bồ tát hoặc nghe sáu ba la mật, hoặc không nghe có thể đáp được như Bồ tát chẳng thoái chuyển. Hoặc nghe là chỉ nghe từ Phật dạy, tự mình chưa đầy đủ Bồ tát địa; hoặc nghe là tự suy nghĩ, nhớ nghĩ đúng, tuy chưa được vô sanh nhẫn mà có thể cầu các pháp tướng, đáp được như Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề thưa: Có nhiều người cầu Phật đạo mà ít ai đáp được như vậy, đáp như hàng Bồ tát chẳng thoái chuyển ở học địa, vô học địa. Chưa được vô sanh pháp nhẫn gọi là học địa; được vô sanh pháp nhẫn gọi là vô học địa.

Phật dạy: Ít! Vì sao ít? Có Bồ tát theo Phật được thọ ký, đã được Phật thọ ký rồi nên đáp được như vậy, vì sao? Vì thực tướng các pháp chỉ có Phật biết được cùng khắp, Phật biết người ấy đáp đúng như Pháp, nên huyền ký cho. Hàng Bồ tát ấy tuy ít mà thiện căn sáng suốt, có thể rộng làm lợi ích chúng sanh, không ai phá hoại được.

GIẢI THÍCH: PHẨM MỘNG THỆ THỨ 61

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Mộng Trung)

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Tăng Thượng Mạn Thứ 60)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát cho đến trong mộng không tham địa vị Thanh văn, Bích chi Phật cũng không tham ba cõi, tuy quán các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như sấm nắng, như hóa cũng không thủ chứng. Tu bồ đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy Phật thuyết pháp cho số trăm ngàn vạn ức Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Khẩn na la v.v...; theo Phật nghe pháp liền hiểu đúng nghĩa, thực hành theo pháp, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy Phật 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, có hào quang lớn, vọt lên giữa hư không, thuyết pháp cho đại Tỳ kheo Tăng; hiện thần lực lớn, hóa làm hóa như đi đến quốc độ Phật khác thi hành Phật sự. Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ở trong mộng thấy binh lính nổi lên phá làng xóm, hoặc thấy phá thành ấp hoặc thấy hỏa hoạn, hoặc thấy loài hổ lang sư tử dững mãnh sát hại, hoặc thấy người muốn đến cướp cho cái đầu họ, hoặc thấy cha mẹ chết, anh em, chị em, và thân hữu tri thức chết. Thấy các việc sâu khổ như vậy mà không kinh, không sợ, cũng không ưu não, từ mộng thức dậy liền suy nghĩ: Ba cõi hư dối đều như mộng! Khi ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ vì chúng sanh nói ba cõi như mộng. Nay Tu bồ đề! nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Làm sao biết Bồ tát chẳng thoái chuyển ấy khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong nước không có ba đường ác. Nay Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ở trong mộng thấy cảnh địa ngục, súc sinh, ngã quỷ liền nghĩ rằng: Ta sẽ siêng tinh tấn, khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến trong nước ta không có ba đường ác, vì sao? Vì mộng ấy và các pháp không hai không khác. Nay Tu bồ đề! Nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sanh, liền thề rằng: Nếu ta thực là bậc chẳng thoái chuyển, thời lửa ấy sẽ tắt! Lửa ấy liền tắt; nếu lửa địa ngục liền tắt thời đó là tướng trạng của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trong ban ngày thấy lửa nổi lên giữa thành quách liền nghĩ rằng: Ta ở trong mộng, thấy hành, loại, tướng, mạo chẳng thoái chuyển, nay ta thực có việc ấy, tự lập thệ rằng: Lửa ấy sẽ tắt. Nếu lửa ấy tắt thời nên biết Bồ tát ấy đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, an trú địa vị chẳng thoái chuyển. Nếu lửa không tắt, thời đốt một nhà, chừa một nhà, đốt một làng, chừa một làng. Nay Tu bồ đề! Nên biết nhà bị đốt là vì nhân duyên của nghiệp phá pháp sâu dày. Vì thế nên đốt một nhà chừa một nhà, ấy là các chúng sanh đời nay chịu dư ương của nghiệp phá pháp nên bị đốt. Nay Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

Phật bảo Tu bồ đề: Nay sẽ lại vì ông nói hành, loại, tướng, mạo của địa vị chẳng thoái chuyển. Nay Tu bồ đề! Hoặc nam tử, hoặc nữ nhơn bị hàng phi nhơn cầm giữ, khi ấy hàng Bồ tát nghĩ rằng: Nếu ta được chư Phật quá khứ thọ ký, tâm ta thanh tịnh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành chánh đạo thanh tịnh, xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, xa lìa niệm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, nên sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta chắc chắn được

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng phải không được; vô lượng chư Phật hiện tại trong mười phương quốc độ, không có điều gì không biết, không thấy, không hiểu, không chứng. Chư Phật biết thâm tâm của ta, thẩm định biết ta chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do thệ nguyện chí thành ấy nên thiện nam thiện nữ kia bị hàng phi nhơn cầm giữ, não hại, thì hàng phi nhơn ấy sẽ rời bỏ đi xa. Nay Tu Bồ đề! Nếu Bồ tát thệ nguyện như vậy, hàng phi nhơn không bỏ đi, thì nên biết Bồ tát ấy chưa được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu Bồ đề! Bồ tát ấy thệ nguyện như vậy, nếu hàng phi nhơn bỏ đi, thì nên biết Bồ tát ấy đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu Bồ đề! Do hành, loại. tướng mạo như vậy nên biết đó là tướng trạng chẳng thoái chuyển của Bồ tát chẳng thoái chuyển.

* Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát xa lìa sáu Ba la mật và sức phương tiện, không tu hành lâu bốn niệm xứ cho đến không, vô tướng, vô tác tam muội, chưa vào Bồ tát vị, bị ma quấy nhiễu, Bồ tát thề rằng: Nếu ta thật được chư Phật thọ ký thời hàng phi nhơn ấy sẽ bỏ đi. Khi ấy ác ma liền khéo léo bảo kẻ phi nhơn bỏ đi. Ác ma có uy lực hơn hàng phi nhơn nên kẻ phi nhơn liền bỏ đi. Khi ấy Bồ tát nghĩ rằng vì nguyện lực của ta nên kẻ phi nhơn bỏ đi.

Vì không biết đó là do sức của ác ma, mà ỷ thị vào chứng có ấy nên khinh động, chê bai các Bồ tát khác nói rằng: "Ta đã được chư Phật thọ ký, còn người chưa được". Dùng lời thề trống không ấy, không có sức phương tiện tu tập, nên sinh ra tăng thượng mạn. Vì việc ấy nên xa lìa Nhất thiết trí, xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu Bồ đề! Nên biết người ấy rơi vào hai địa vị hoặc Thanh văn, Bích chi Phật, do nhân duyên của lời thề ấy nên khởi lên ma sự. Người ấy không thân cận, nương tựa thiện tri thức, không hỏi tướng trạng của chẳng thoái chuyển, nên bị ma trói buộc, càng thêm bền chắc, vì có sao? Vì Bồ tát ấy không tu hành lâu sáu ba la mật, không có sức phương tiện. Nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nay Tu Bồ đề! Tại sao Bồ tát không tu hành lâu sáu ba la mật cho đến chưa vào Bồ tát vị, bị ác ma quấy nhiễu? Nay Tu Bồ đề! Ác ma biến hoá thành nhiều thân đến nói với Bồ tát rằng: "Người ở chỗ Phật được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tên người, tên cha người như vậy, tên mẹ người như vậy, tên anh em, chị em như vậy, tên cha mẹ bảy đời của người như vậy, người sanh ở nước ấy, thành ấy, xóm làng ấy". Nếu thấy Bồ tát tánh hạnh nhu hòa liền nói tiếp với Bồ tát rằng: Người đời trước cũng nhu hòa; nếu thấy Bồ tát tánh hạnh bạo ngược liền nói: Người đời trước cũng có tánh như vậy; nếu thấy Bồ tát tu hành

tịch tịnh thời liền nói: Người đời trước cũng tu hạnh tịch tịnh; nếu thấy Bồ tát mặc áo vá đi khát thực, sau giờ Ngọ không uống thức ăn lỏng, một lần ngồi ăn, một bình bát xin ăn nơi người khác, nghỉ ở giữa gò mả, ở chỗ đất trống, dưới cây, thường ngồi không nằm, như trái tòa ngồi, chỉ dùng ba y, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ, hoặc ở chỗ xa làng xóm, hoặc không dùng dầu xoa chân, hoặc ít nói năng. Liền nói với Bồ tát ấy rằng: Người đời trước cũng có hạnh như vậy, vì sao? Vì người nay có công đức khổ hạnh ấy nên biết người đời trước cũng chắc chắn có công đức ấy. Bồ tát ấy nghe việc và tên họ đời trước của mình, nghe tán thán công đức khổ hạnh của mình, liền vui mừng sanh tâm kiêu mạn. Khi ấy ác ma nói với Bồ tát rằng: Người có công đức như vậy, có tướng mạo như vậy, thật người đã được chư Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu bồ đề! Ác ma hoặc làm Tỳ kheo mặc áo pháp, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm thân cha mẹ đi đến chỗ Bồ tát nói như vậy: Người đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì tướng trạng công đức của bậc chẳng thoái chuyển, người đã có đầy đủ. Này Tu bồ đề! Ta đã nói Bồ tát ấy vĩnh viễn thật không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển. Nên biết Bồ tát ấy bị ma cầm giữ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì nghe danh tự nên sinh tâm kiêu mạn, khinh lộng chê bai người khác, Này tu bồ đề, ấy là Bồ tát bị ma cầm giữ, nên biết đó là ma sự của Bồ tát.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát không tu hành lâu sáu Ba la mật, không biết tướng danh tự, không biết tướng sắc, thọ, tướng, hành, thức. Ác ma đi đến nói rằng: Tương lai ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có tên gọi như vậy, tùy theo bản niệm người kia mà nói lên danh hiệu của nó. Vì Bồ tát không có trí, không có phương tiện liền nghĩ rằng: Ta đời trước cũng có danh hiệu thành Phật, người kia nói đúng như ý nghĩ của ta, lời người kia nói hợp với bản nguyện của ta, ta chắc chắn đã được Phật thọ ký. Này Tu bồ đề! Ta đã nói Bồ tát ấy vĩnh viễn không có hành, loại, tướng mạo của bậc chẳng thoái chuyển, chỉ vì chấp lấy danh tự suông mà khinh lộng chê bai người khác, vì thế nên xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy xa lìa Bát nhã ba la mật, không có sức phương tiện, xa lìa thiện tri thức, tương đắc với ác tri thức, nên rơi vào hai địa vị Thanh văn và Bích chi Phật. Nếu nhiều lần qua lại trong đường sanh tử, vậy sau trở lại nương tựa Bát nhã ba la mật, hoặc gặp thiện tri thức thường theo dõi, thân cận, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy ở ngay thân này, nếu không hồi cải liền, thời sẽ rơi vào hai địa vị hoặc A la hán hoặc Bích chi Phật.

Thí như Tỳ kheo đối với bốn trọng giới, nếu phạm một giới tức chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Người ấy hiện thân không được bốn quả Sa môn. Này Tu bồ đề! Tâm của Bồ tát đắm vào danh tự suông cũng như vậy, vì khinh lộng chê bai người khác, nên biết tội ấy nặng hơn tội phạm bốn trọng giới của Tỳ kheo, hơn nữa còn quá hơn tội ngũ nghịch. Vì đắm vào danh tự mà sanh tâm cao ngạo, khinh lộng chê bai người khác, nếu sanh tâm như vậy, nên biết tội ấy rất nặng, các ma sự vi tế về danh tự như vậy, hàng Bồ tát nên giác tri.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ở nơi chỗ xa vắng, không nhàn, núi chằm, ma đi đến chỗ Bồ tát, khen ngợi việc ở xa lìa xóm làng ấy rằng: "Thiện nam tử! Việc người làm đúng theo lời Phật khen ngợi". Này Tu bồ đề! Ta không khen ngợi xa lìa là chỉ ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chằm, khoáng đạt xa xôi.

Tu bồ đề thưa: Nếu chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chằm, khoáng đạt xa xôi không phải là cách xa lìa, vậy lại có cách xa lìa khác thế nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật mà ở chỗ trống không, nhàn tịnh, núi chằm, khoáng đạt xa xôi thời đó là cách xa lìa được Phật khen ngợi. Này tu bồ đề! Cách xa lìa như vậy, Bồ tát nên phải ngày đêm thực hành các xa lìa ấy, đó gọi là Bồ tát tu hạnh xa lìa. Này Tu bồ đề! Nếu ác ma nói cách xa lìa là ở chỗ trống, không nhàn tịnh, núi chằm, khoáng đạt xa xôi, thì Bồ tát đó tâm vẫn ở chỗ huyền não là vì không xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật, không siêng tu Bát nhã ba la mật, Bồ tát ấy không thể đầy đủ tí Nhất thiết chủng. Bồ tát ấy hành theo cách xa lìa của ác ma nói, nên tâm không thanh tịnh, khinh khi Bồ tát khác ở gần thành thị mà tâm thanh tịnh, khinh khi không có sự huyền não của Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không có các tâm tạp ác khác; được đầy đủ thiền định, giải thoát, trí tuệ, thần thông. Bồ tát lìa Bát nhã ba la mật không có sức phương tiện, thời tuy ở chỗ cảm thú, quý thần, la sát ở, xa ngoài trăm ngàn do tuần, trải qua hoặc một năm, trăm ngàn vạn ức năm, hoặc quá vạn ức năm mà không biết cách xa lìa của Bồ tát, đó là Bồ tát do cách xa lìa ấy, mà thâm tâm phát nguyện được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, không hành tạp nhạp. Bồ tát tu ở chỗ huyền não mà nương tựa, đắm trước tướng xa lìa, việc làm người ấy, Phật không chấp thuận hứa.

Này Tu bồ đề! Ta nói cách xa lìa thật là Bồ tát không ở trong đó cũng không thấy tướng "xa lìa", vì sao? Vì chỉ thực hành hạnh không "xa lìa". Khi ấy ma đến ở giữa hư không khen ngợi rằng: "Lành thay! Lành thay! thiện nam tử, đó là cách xa lìa chơn chánh của Phật nói, người thực hành hạnh xa lìa ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" Bồ tát ấy nghe như vậy, khởi niệm đắm trước

hạnh xa lìa mà khinh dễ các Tỳ kheo thanh tịnh cầu Phật đạo cho là huyền ảo, lấy huyền ảo làm không huyền ảo, lấy không huyền ảo làm huyền ảo, nên cung kính lại không cung kính, không nên cung kính lại cung kính. Bồ tát ấy nói rằng: "Kẻ phi như nghĩ đến ta mà khen ngợi ta sở hành của ta là hạnh xa lìa chơn chánh, còn người ở gần thành thị thì ai đến khen ngợi ông!" Do nhân duyên ấy nên khinh các Bồ tát khác. Nay Tu bồ đề! Nên biết đó là hạng Bồ tát Chiên đà la làm ô nhiễm các Bồ tát; người ấy tương tự Bồ tát mà thật là giặc lớn giữa trời người, cũng là kẻ giặc trong hàng Sa môn mặc áo pháp. Người như vậy, các người cầu Phật đạo không nên thân cận, không nên cúng dường cung kính, vì sao? Nay Tu bồ đề! Vì nên biết người ấy đã rơi vào tăng thượng mạn. Thế nên nếu Bồ tát muốn không bỏ Nhất thiết trí, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất tâm muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn lợi ích chúng sanh, thì không nên thân cận, cung kính, cúng dường người ấy. Pháp của Bồ tát là thường nên siêng cầu tư lợi, nhằm sợ thế gian, tâm thường xa lìa ba cõi, đối với người ấy nên khởi tâm từ, bi, hỷ, xả, ta tu Bồ tát đạo, không nên sinh các tội lỗi như vậy, nếu sinh hãy nên diệt gấp. Nay Tu bồ đề! Bồ tát nên khéo giác tỉnh việc ấy, đối với việc ấy khéo tự mình ra khỏi.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát thâm tâm muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hãy nên thân cận, cung kính, cúng dường thiện tri thức.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Thế nào là thiện tri thức của Bồ tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Các đức Phật là thiện tri thức Bồ tát, các Bồ tát cũng là thiện tri thức của Bồ tát, A la hán cũng là thiện tri thức của Bồ tát, sáu Ba la mật cũng là thiện tri thức của Bồ tát, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng là thiện tri thức của Bồ tát. Như như, thực tế, pháp tánh cũng là thiện tri thức của Bồ tát.

Nay Tu bồ đề! Sáu Ba la mật là Thế Tôn, sáu Ba la mật là đạo, sáu Ba la mật là ánh sáng lớn, sáu Ba la mật là ngọn đuốc, sáu Ba la mật là cứu vớt, sáu Ba la mật là trí, sáu Ba la mật là tuệ, sáu Ba la mật là cứu vớt, sáu Ba la mật là chỗ về, sáu Ba la mật là gò bãi, sáu Ba la mật là đạo rốt ráo, sáu Ba la mật là cha mẹ. Bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì sáu Ba la mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo cũng là cha mẹ của chư Phật quá khứ, cũng là cha mẹ của chư Phật vị lai, hiện tại, vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo xuất sanh. Vì thế nên Bồ tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nghiêm tịnh cõi Phật, thành

tự tuệ giác chúng sanh, nên học sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo và bốn nhiếp pháp mà nhiếp thủ chúng sanh.

Những gì là bốn nhiếp pháp? Đó là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Nay Tu bồ đề! Vì sự lợi ích ấy nên ta nói sáu Ba la mật và ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn của Bồ tát; là đạo, là ánh sáng lớn, là ngọn đuốc, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rốt ráo, là cha mẹ của Bồ tát. Do lẽ ấy nên Bồ tát muốn không theo lời dạy của người khác, mà an trú muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sanh, muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, nên học Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật nói rộng các pháp, đó là chỗ Bồ tát nên học.

LUẬN - Hỏi: Trong phẩm "Chẳng thoái chuyển" đã nói rộng tướng trạng chẳng thoái chuyển, có sao nay nói lại?

Đáp: Nghĩa Bát nhã ba la mật được nói đều là tướng trạng chẳng thoái chuyển, nhưng trong phẩm "chẳng thoái chuyển" nói nhiều việc ấy; còn trong các phẩm khác cũng có nhiều chỗ nói tướng trạng chẳng thoái chuyển nhưng không có thứ lớp. Có người nói: Vì chúng sanh hậu lai mà nói tướng trạng chẳng thoái chuyển với lời lẽ khác. Có người nói: Có hai thứ chẳng thoái chuyển: 1. Là đã được thọ ký; 2. Là chưa được thọ ký. Được thọ ký có hai: 1. Là được thọ ký trong hiện tiền. 2. Là không được thọ ký trong hiện tiền. Không được thọ ký trong hiện tiền có hai: 1. Là đầy đủ nhân duyên thọ ký. 2. Là chưa đầy đủ nhân duyên thọ ký. Đầy đủ nhân duyên thọ ký là biết thực tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba la mật; không đầy đủ nhân duyên thọ ký là chỉ biết thực tướng các pháp, được một phần Bát nhã ba la mật, còn các Ba la mật khác chưa đầy đủ. Bồ tát ấy có thể đối đáp như Bồ tát chẳng thoái chuyển, đây là tướng trạng chẳng thoái chuyển, được nói ở cuối phẩm trước. Thế nên thứ lớp nói: Trong mộng không tham hai địa Nhị thừa, nên tuy chưa đầy đủ pháp chẳng thoái chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển, như vậy nên trong phẩm này thứ lớp nói. Bồ tát ấy trong ban ngày, thường tu tập "không" nên ban đêm ở trong mộng cũng không tham ba cõi; người ấy thường tu hành tâm từ bi đối với chúng sanh, ưa vui Phật pháp, nên không tham Nhị thừa, hoặc khi mộng, khi thức đều quán các pháp như mộng, như huyễn. Bồ tát ấy tuy chưa được hiện tiền thọ ký, chưa đầy đủ các pháp khác, cũng được gọi là tướng trạng chẳng thoái chuyển, vì sao? Vì Bồ tát thoái chuyển ở hai nơi. 1. Là đắm trước cái vui của thế gian nên thoái chuyển. 2. Là thủ chứng Nhị thừa nên thoái chuyển. Còn Bồ tát tâm kiên cố, sâu vào "không" và có tâm từ bi, nên cho đến trong mộng cũng không tham ba cõi Nhị thừa, huống gì trong khi thức.

* Lại nữa, nếu Bồ tát trong mộng thấy Phật thuyết pháp ở giữa đại chúng trời, người, đó là nghĩa thực tướng các pháp. Bồ tát biết nghĩa ấy tâm hợp với pháp.

* Lại nữa, Pháp bí mật của chư Phật, Bồ tát trong mộng được thấy, đó là thấy thân Phật vô lượng quá núi Tu di, sắc vàng Diêm phù đề, tự trang nghiêm với 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, phóng ra vô lượng hào quang, phạm âm thuyết pháp; lại từ lỗ chân lông trên thân, biến ra vô lượng hóa Phật đi đến mười phương dùng sức phương tiện, thi hành Phật sự, độ thoát chúng sinh. Bấy giờ Bồ tát ấy thấy sức thần thông của Phật, nên tâm trong sạch, hỏi Phật pháp, biết được thực tướng các pháp, ấy gọi là chẳng thoái chuyển. Bồ tát ấy thường tập hành rất ráo không, nên các phiền não chấp ta và của ta bị bể mỏng, cho đến đối với tự thân không tiếc, huống gì kẻ thân thích khác. Vì nhân duyên ấy nên nếu trong mộng thấy hoặc tự thân, hoặc cha mẹ, hoặc bị giết, hoặc chết, và làng xóm bị phá hoại cũng không ưu não sợ hãi. Khi thức dậy suy nghĩ: Như trong mộng không chết mà thấy chết, không sợ mà thấy sợ, hết thấy ba cõi đều như vậy, chứ đâu chỉ trong mộng. Khi ta thành Phật sẽ vì chúng sanh nói các pháp rất ráp không, như mộng.

* Lại nữa, có Bồ tát khi gieo trồng nhân duyên về cõi nước thanh tịnh nguyện rằng: Ta trong thời gian bao nhiêu chứa nhóm công hạnh làm cõi nước thanh tịnh. Tu tập tâm ấy, nên trong mộng nếu thấy chúng sanh ba đường ác, liền được tâm ấy, khi ta thành Phật khiến cõi nước ta cho đến không có danh tự ba đường ác.

* Lại nữa, Bồ tát thường tu tâm từ bi, nên trong mộng thấy lửa địa ngục đốt chúng sinh liền thề, lửa liền tắt; khi thức dậy giữ lấy tướng ấy, nếu thấy lửa thiêu đốt thành quách liền nghĩ rằng: Ta trong mộng có thể làm tắt lửa, thời lửa này cũng sẽ tắt, vì có sao? Vì Phật nói cảnh mộng và thức không khác nhau. Do Bồ tát ở trong vô lượng kiếp tu tập phước đức, được thật tướng các pháp nên quỷ thần, long vương giúp đỡ làm tắt lửa. Trong đó có thứ lửa không tắt mà đốt cháy một nhà chùa một nhà, đó là vì chúng sinh tội nặng, sức phước đức và trí tuệ của Bồ tát không thể dứt tội nặng ấy vì đó là tội phá pháp. Pháp đây là Bát nhã ba la mật. Sự lợi ích của các pháp khác không sánh kịp Bát nhã ba la mật, thế nên phá Bát nhã ba la mật mắc tội nặng. Do sức thệ nguyện của Bồ tát nên lửa không thứ lớp đốt cháy, chỉ vì tội nặng không thể cứu, chứ không ngại gì tướng trạng chẳng thoái chuyển. Bị kẻ phi nơn cầm giữ cũng như lửa chú thuật. Có Bồ tát chưa biết vô sinh pháp nhẫn, nghe nói đọc câu chú chẳng thoái chuyển, quỉ bỏ đi, liền đọc chú. Bồ tát ấy tự mình chưa có sức, ác ma đến khiến quỷ thần

bỏ đi, lại tự ý thị cho là do sức của mình. Vì có lỗi lầm như vậy nên Phật dạy phải giác tỉnh.

* Lại nữa, Bồ tát chưa vào chính vị, ác ma hiện các loại hình, theo tâm niệm của Bồ tát đi đến nói rằng: Ông đã được thọ ký, ông có tướng ấy, chỉ vì mắt thịt nên không biết. Do nhân duyên đó, nên Bồ tát sinh tâm tăng thượng mạn, khinh miệt người khác.

* Lại nữa, Bồ tát không ngộ được thực tướng các pháp, không biết năm uẩn hòa hợp bèn có ra tướng danh tự. Ác ma đi đến thọ ký cho rằng: Ông sẽ làm Phật, danh tự như vậy. Bồ tát ấy suy nghĩ, ta vốn có ý nghĩ về danh tự ấy, nay ma nói đồng với sở nguyện của ta, chắc chắn chư Phật thọ ký cho ta thế nên sanh tâm kiêu mạn, khinh các đại Bồ tát khác. Do nhân duyên ấy nên xa lìa đạo Vô thượng, khi chịu tội xong, lại rơi vào hàng Nhị thừa. Nếu ngay thân này biết sám hối, thời sau khi đền tội xong sẽ trở lại nương tựa Bát nhã ba la mật được làm Phật, vì có sao? Nếu để qua thân khác mới sám hối thời tội càng nặng khó dứt, không được làm Phật. Tâm Bồ tát ấy đắm trước vào danh tự suông, mắc tội nặng, nên Phật nói thí dụ về bốn trọng cấm; phá trọng cấm; phá trọng cấm ấy thời hiện thân không được thành bốn đạo quả, vì có sao? Vì trong bốn trọng cấm, tội đại vọng ngữ là tự xưng ta là A la hán; còn trong kinh này, đắm trước theo danh từ thọ ký mà tự cho mình sẽ làm Phật, nên tội nặng hơn phạm bốn trọng cấm.

Quá hơn tội ngũ nghịch là như trong phẩm ĐỊA NGỤC đã nói về tội phá hoại Bát nhã ba la mật.

Ma sự vi tế: Tế là không trái ý kia, tùy theo bản nguyện của người kia giúp thành tâm niệm họ; Bồ tát ấy chưa pháp chẳng thoái chuyển, bị ma dối gạt nói đã được; đó là ma sự vi tế. Hàng Bồ tát lợi căn nên giác tỉnh trừ bỏ xa lìa.

* Lại nữa, Bồ tát ở chỗ xa lìa làng xóm, ác ma đi đến khen ngợi rằng: "Người có thể xa lìa thân tộc, bạn đồng học, một mình ở giữa rừng sâu, hành Phật đạo, ấy là đạo hạnh của vị chơn Bồ tát". Bồ tát nghe lời nói ấy sanh tâm kiêu mạn, khinh các Bồ tát khác đang ở giữa đại chúng. Vì việc ấy nên xa lìa Phật đạo, rơi vào Nhị thừa. Phật dùng mọi cách, quở trách Bồ tát ấy là giặc là Chiên đà la v.v... như trong kinh này nói, không nên thân cận hạng người ấy. Phật nói xa lìa là tâm xa lìa Nhị thừa, ba cõi, ấy là "chơn xa lìa". Như trong kinh nói rộng về các ma sự vi tế như vậy, hãy nên giác tỉnh mà xa lìa.

* Lại nữa, Bồ tát thâm tâm muốn cầu được đạo Vô thượng; thâm tâm là nhưt tâm, là tâm chuyên nhưt, tâm cẩn trọng, tâm ưa Phật đạo, vượt ra ngoài cái vui thế gian, nên thân cận thiện tri thức, vì có sao? Vì có hai nhân duyên được vô thượng đạo: 1. Là trong. 2. Là ngoài. Trong là nhớ nghĩ, tư duy, trù lượng các pháp một cách đúng đắn; ngoài là thiện tri thức. Phật ở nhiều nơi nói về tướng mạo thiện tri thức, thế nên Tu bồ đề hỏi Phật: Thế nào là thiện tri thức của Bồ tát? Phật đáp: Chư Phật, đại Bồ tát và Thanh văn là thiện tri thức của Bồ tát; sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, như như, pháp tánh, thực tế cũng là thiện tri thức. Vì các pháp ấy có thể làm thành tựu sự việc Bồ tát nên nói sáu Ba la mật v.v... là thiện tri thức. Ba hạng Thánh như lấy sáu Ba la mật ấy, khiến Bồ tát phụng hành, được làm Phật. Thế nên pháp và người, chung gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Phật và Bồ tát, sáu Ba la mật có thể làm thành Bồ tát nên là thiện tri thức, còn Tiểu thừa đạo thì khác, làm sao cùng làm thiện tri thức được?

Đáp: Có người Tiểu thừa đời trước cầu Phật đạo nên có lợi căn, tuy là Tiểu thừa mà có tâm thương xót, xem xét họ có thể thành Đại thừa nên vì họ nói pháp Đại thừa, biết báo ân Phật, khiến cho giống Phật không dứt. Như Xá lợi phất trong 60 kiếp cầu Phật đạo, tuy thoái chuyển là A la hán, nhưng cũng có trí tuệ lợi căn có thể vì hàng Bồ tát nói pháp Đại thừa. Tu bồ đề thường tu hạnh vô tánh tam muội, thường có tâm từ bi đối với chúng sanh nên cũng có thể giáo hóa hàng Bồ tát về pháp Đại thừa. Như Ma Ha Ca Diếp dùng sức thần thông duy trì thân này cho đến ngày Phật Di lặc ra đời, ở núi Cửu túc đi ra, làm nhân duyên đắc đạo cho đại chúng. Những việc như vậy rất nhiều.

Hỏi: Sáu ba la mật thu nhiếp hết các pháp, sao nay còn nói riêng ba mươi bảy pháp trợ đạo cho đến "như như, pháp tánh, thật tế"?

Đáp: Sáu Ba la mật là nói lược, bốn niệm xứ v.v... là nói rộng, giải thích sáu Ba la mật. Sáu ba la mật là sơ đạo của Bồ tát, hơi xa, còn ba mươi bảy pháp trợ đạo là nhân duyên gần. Trong sáu Ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật rất lớn; thí như tuy có nhiều sao sáng, mà mặt trời, mặt trăng sáng hơn. Trong hai Ba la mật ấy, bốn niệm xứ và mười trí lực của Phật rất thù diệu, có thể làm lợi ích lớn, hiện đời làm cho người ta đắc đạo, còn trì giới, bố thí v.v... không sánh bằng. Nói riêng về pháp vô vi, như như, pháp tánh, thật tế, vì là chân thật không hư dối, nên có thể thành Bồ tát sự. Tu bốn niệm xứ, ngộ được như như, pháp tánh khiến Bồ tát ra khỏi hư dối nên gọi là thiện tri thức.

* Lại nữa, sáu Ba la mật như Phật không khác, hiện tại Phật dùng pháp ấy độ người, nên gọi là Thế Tôn. Lời Thế Tôn nói không thể hoại, lời của sáu Ba la mật nói cũng không thể hoại, thế nên nói sáu Ba la mật là Thế Tôn. Đó là đạo, tu theo đạo ấy đi thẳng vào vô lượng Phật pháp. Những lời nói trong sáu Ba la mật, người biết trừ lượng tư duy phân biệt thường tu hành thời được trí tuệ lớn, phá các vô minh thế gian, thế nên nói sáu Ba la mật là ánh sáng lớn, là đức lớn, là trí, là tuệ, là cứu vớt, là chỗ về, là gò bãi, là đạo rất rạo như trên nói.

Bát nhã ba la mật là mẹ, năm Ba la mật kia là cha hợp lại nói sáu Ba la mật là cha mẹ, như sáu Ba la mật nói về bốn niệm xứ cũng như vậy. Trong kinh này nói nhân duyên sáu Ba la mật cũng là cha mẹ của chư Phật mười phương ba đời. Sáu Ba la mật là pháp tự lợi. người tu hành muốn lấy sáu Ba la mật giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh cõi Phật, nên lấy bốn nhiếp pháp thủ chúng sanh. Tự lợi, lợi tha như vậy nên Phật nói sáu Ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo là Thế Tôn, là đạo. Thế nên Bồ tát nếu muốn không tùy theo giáo lý khác, không tùy theo giáo lý khác là tự biết thực tướng các pháp, cho đến gặp ma biến làm thân Phật đi đến nói khác với pháp thực tướng cũng không tin, không theo. Tự được Bồ tát đạo, dần dần đầy đủ Phật pháp, nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sanh, được Phật đạo nên có thể dứt nghi làm cho chúng sanh; nếu muốn được đạo ấy nên học Bát nhã. Trong Bát nhã ba la mật nói đủ các việc thế gian, xuất thế gian, hoặc lớn hoặc nhỏ.

(Hết cuốn 76 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 77

KINH: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Như tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Nay Tu bồ Đề! Bát nhã ba la mật không có tướng gì.

Tu bồ đề bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vả chẳng có nhân duyên như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các pháp cũng như vậy ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy! Như vậy! như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các pháp cũng như vậy, vì sao? Vì tướng các pháp là tướng lìa, là tướng không, vì nhân duyên ấy, như tướng Bát nhã ba la mật, tướng các pháp cũng như vậy, đó là tướng lìa, tướng không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp hết thấy pháp lìa, hết thấy pháp hết thấy pháp không, làm sao biết chúng sanh hoặc nhớ, hoặc sạch. Bạch đức Thế Tôn! Pháp tướng lìa không nhớ, không sạch; pháp tướng không, không nhớ không sạch; pháp tướng lìa, tướng không, không thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng lìa tướng không thì không có pháp có thể thủ đắc. Bạch đức Thế Tôn! Trong tướng lìa, tướng không không có Bồ tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch đức Thế Tôn! Tôi làm sao hiểu được nghĩa Phật nói.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao, chúng sanh suốt đêm dài hành theo tâm chấp ngã, ngã sở chẳng? Như vậy bạch Thế Tôn, chúng sanh suốt đêm dài hành theo tâm chấp ngã, ngã sở.

Ý ông nghĩ sao? Tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy là xa lìa, là "không" chẳng?

Tu bồ đề thưa: Tướng tâm chấp ngã, ngã sở ấy, là xa lìa, là không.

Ý ông nghĩ sao, do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử chẳng? Như vậy bạch Thế Tôn, do tâm chấp ngã, ngã sở mà chúng sanh qua lại trong đường sanh tử.

Đúng như vậy Tu bồ đề! Vì chúng sanh qua lại trong đường sanh tử nên biết có cấu uế phiền não. Nếu chúng sanh không có tâm chấp ngã, ngã sở, không có tâm nhiễm trước thời chúng sanh ấy không còn qua lại trong đường sanh tử; nếu

không qua lại trong đường sanh tử, thời biết không có cấu uế phiền não. Như vậy, chúng sanh có được thanh tịnh.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát tập hành như vậy là không tập hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức; là không tập hành theo bốn niệm xứ cho đến tám thánh đạo phần; là không tập hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; là không tập hành mười trí lực cho đến trí Nhất thiết chủng của Phật, vì sao? Vì pháp ấy không thể có được, cũng không có chỗ tập hành, cũng không có pháp tập hành. Bồ tát tập hành như vậy, hết thấy thế gian người, trời, A tu la không thể hàng phục được. Bồ tát ấy, hết thấy Thanh văn, Bích chi Phật không thể sánh kịp, vì sao? Vì nơi trú xứ không thể sánh kịp, đó là Bồ tát vị. Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy tập hành tâm tương ứng với Nhất thiết trí nên không có ai có thể sánh kịp. Tu bồ đề, Bồ tát tập hành như vậy mau gần Nhất thiết trí.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, nếu chúng sanh trong cõi Diêm phù đề đều được làm thân người, được làm thân người rồi, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ suốt đời cúng dường, tôn trọng, tán thán các chúng sanh ấy, rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, thiện nam, thiện nữ ấy do nhân duyên đó được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ ở giữa đại chúng diễn nói, chỉ bày, phân biệt, khai triển Bát nhã ba la mật và nhớ nghĩ đúng đắn, thực hành ứng hợp Bát nhã ba la mật, phước đó rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng như vậy.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, chúng sanh ở trong cõi Diêm phù đề cùng một lúc đều được làm thân người, được làm thân người rồi, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ dạy họ tu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, dạy họ khiến được đạo Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, dạy họ khiến được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi đem thiện căn ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao, kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy được phước nhiều chăng? Tu bồ đề thưa: Rất nhiều, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Chẳng bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ đem Bát nhã ba la mật thậm thâm, vì chúng sanh thuyết giảng, chỉ bày, phân biệt, soi sáng, khai triển và

chẳng lìa Nhất thiết trí, được phước rất nhiều. Cho đến đối với chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng lại như vậy. Bồ tát ấy, không xa lìa tâm tương ứng với Nhất thiết trí, thời đạt đến bờ mé hết thảy phước điền, vì sao? Vì trư Phật ra không có pháp nào khác sánh bằng thế lực của Bồ tát, vì sao? Vì Bồ tát khi tu Bát nhã, đối với hết thảy chúng sanh khởi tâm đại từ, thấy chúng sanh đi đến chỗ chết mà khởi tâm đại bi; khi tu đạo vui vẻ sanh tâm đại hỷ, không có ý tưởng phân biệt, liền được đại xả. Tu bồ đề, ấy là đại trí sáng suốt của Bồ tát. Đại trí sáng suốt là sáu Ba la mật.

Này Tu bồ đề! Các thiện nam tử ấy, tuy chưa làm Phật mà có thể vì chúng sanh làm ruộng phước lớn, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thoái chuyển. Được thọ nhận sự cúng dường, y phục, ăn uống, đồ nằm, giường chiếu, thuốc chữa bệnh và các thứ cần để nuôi sống, tập hành tương ứng với Bát nhã ba la mật, nhớ nghĩ tới ân thí chủ, có thể báo đáp, chóng gần Nhất thiết trí. Vì thế, nên nếu Bồ tát muốn không hư phí ăn của thí chủ trong quốc độ, muốn chỉ bày con đường ba thừa cho chúng sanh, muốn vì chúng sanh làm ánh sáng lớn, muốn vớt chúng sanh ra khỏi lao ngục ba cõi, muốn cho chúng sanh con mắt sáng, thời nên thường tập hành Bát nhã ba la mật, khi tập hành Bát nhã ba la mật nếu muốn giảng nói chỉ giảng nói Bát nhã ba la mật; giảng nói Bát nhã ba la mật rồi thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật; thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật rồi, thường thực hành Bát nhã ba la mật không để cho ý niệm khác khởi lên, ngày đêm siêng tập hành niệm tương ứng với Bát nhã ba la mật, không ngừng, không nghỉ. Thí như kẻ sĩ phu, chưa từng được ngọc ma ni, lúc sau mới được, được rồi rất vui mừng nhảy nhót, sau đó lại mất đi, liền rất ưu sầu thương nhớ nghĩ ngọc ma ni ấy, nghĩ rằng: Ta vì sao bỗng chốc mất của báu lớn ấy. Này Tu bồ đề! Bồ tát cũng như vậy, thường nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật, tâm không lìa Nhất thiết trí.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: bạch đức Thế Tôn! Tính của hết thảy ý niệm tự "xa lìa". tính của hết thảy ý niệm tự "không", làm sao Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, không lìa ý niệm tương ứng với Nhất thiết trí? Trong pháp "xa lìa" và "không" ấy, không có Bồ tát, không có ý niệm, không có tương ứng Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát biết tính hết thảy pháp tự xa lìa, tính hết thảy pháp tự không, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, cũng chẳng phải Phật làm. Biết tướng các pháp là thường trú, pháp trụ, pháp vị, như như thật tế, ấy gọi là Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật, không xa lìa tâm niệm tương ứng với Nhất

thiết trí, vì sao? Vì tính Bát nhã ba la mật tự xa lìa, tự không, không thêm, không bớt.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu tính Bát nhã ba la mật tự xa lìa, tự không, thời làm sao Bồ tát cùng với Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát với Bát nhã ba la mật không thêm, không bớt, vì sao? Vì như như, pháp tính, thật tế không thêm, không bớt, vì có sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải một, chẳng phải khác. Nếu Bồ tát nghe nói tướng Bát nhã ba la mật như vậy mà tâm không kinh, không thối mất, không sợ, không hãi, không nghi, nên biết Bồ tát ấy tập hành Bát nhã ba la mật, nên biết Bồ tát ấy chắc chắn trú trong địa vị chẳng thoái chuyển.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật không, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố ấy là tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Lìa "không" lại có pháp tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn ! Bát nhã ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Lìa Bát nhã ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức, tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Sáu Ba la mật tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung tập hành Bát nhã ba la mật chăng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Tướng sắc không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, tướng sắc như như, pháp tính, pháp vị, thật tế tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Tướng thọ, tướng, hành, thức cho đến mười tám pháp không chung không, hư dối không thật, không có gì của chính nó, tướng không kiên cố, như như, Pháp tính, Pháp trụ, Pháp vị, thật tế tập hành Bát nhã ba la mật chẳng? Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy đều không tập hành Bát nhã ba la mật thì làm sao tập hành, gọi là Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao, ông thấy riêng có pháp tập hành Bát nhã ba la mật chẳng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Ông thấy chỗ khả hành Bát nhã ba la mật của Bồ tát chẳng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Pháp mà ông không thấy, pháp ấy có thể có được chẳng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! Nếu pháp không thể có được, pháp ấy sẽ sinh ra chẳng? - Thưa không, bạch đức Thế Tôn.

Này Tu bồ đề! ấy gọi là Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, Bồ tát thành tựu nhẫn ấy, thời được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Ấy gọi là trí không ngại, không sợ của chư Phật. Bồ tát tập hành Pháp ấy một cách siêng năng, tinh tấn, nếu không được trí lớn, trí nứt thiết chừng tức là trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy, vì sao? Vì Bồ tát ấy từ khi được vô sanh pháp nhẫn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không giảm, không thối.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Tướng các pháp là vô sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn: Tướng các pháp sinh, ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch Thế Tôn: Tướng các pháp chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh ở trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? - Không phải, Tu bồ đề.

Bạch Thế Tôn: Vậy các Bồ tát làm sao biết các pháp mà được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ông thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Thừa không, bạch Thế Tôn, con không thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thấy pháp có người được và chỗ được. Phật dạy: Như vậy! Như vậy.

Nếu Bồ tát khi đối với hết thảy pháp không có sở đắc gì, nên không nghĩ rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc dùng việc ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là chỗ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì các Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật không có các ức tướng phân biệt. Vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có các ức tướng phân biệt.

LUẬN - Hỏi: Trên đã nói mỗi mỗi tướng Bát nhã, sao nay còn hỏi lại?

Đáp: Bát nhã ba la mật vi diệu đệ nhất, nghe không chán, không có khi nào đủ, không có tướng nhất định nên không nên nạn hỏi. Như đại Bồ tát ở ngôi thập trụ đối với Bát nhã ba la mật còn chưa đầy đủ, huống gì Tu bồ đề là hạng người Tiểu thừa!

* Lại nữa, nghe trên kia mỗi mỗi khen ngợi Bát nhã là cha, là mẹ v.v... thế nên hỏi lại. Phật nhân Tu bồ đề hỏi, nên vì các chúng sanh khác nói rộng tướng Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề gọi tướng hư không là tướng Bát nhã ba la mật. Như tướng hư không không có sắc, không có tướng phi sắc; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, không có tướng gì của chính nó. Tu bồ đề lại hỏi: Và chẳng có nhân duyên mà tướng các pháp như tướng Bát nhã chăng? Phật đáp: Có, vì hết thảy pháp rất ráo không, rất ráo lìa tướng, nên nói như tướng Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp cũng vậy. Tu bồ đề gạn hỏi: Nếu hết thảy lìa tướng, không tướng thời làm sao biết có như có sạch? làm sao Bồ tát được đạo Vô thượng?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh suốt đêm dài hành theo tướng ngã, ngã sở; theo nghĩa của Phật nói: Như ngã, ngã sở rất ráo không có, vì chúng sinh điên đảo, si cuồng chấp có nên sinh các phiền não, nhân các phiền não nên có nghiệp, nhân nghiệp nên qua lại trong đường sinh tử; các việc ấy rất ráo không, vì sao? Vì ngã không có, nên tâm ngã sở hư dối; tâm ngã sở hư dối nên các pháp nhân quả khác, triển chuyển đều hư dối; tâm ngã sở hư dối nên các nhân quả khác, triển chuyển đều hư dối. Nếu do thật trí tuệ Bát nhã ba la mật quán năm uẩn vô thường, khổ, không, vô ngã, lìa tự tướng, tự tướng không, từ xưa nay rất ráo không sinh. Bấy giờ tâm chấp ngã, ngã sở tiêu diệt; như mặt trời xuất hiện, các bóng tối đều mất. Vì tâm chấp ngã, ngã sở diệt nên các phiền

não diệt; vì các phiền não diệt nên nghiệp duyên cũng diệt; vì nghiệp duyên diệt nên việc qua lại trong đường sinh tử chấm dứt; ấy gọi là tịnh.

Tuy tướng hết thấy pháp đều không, nhưng cũng do nhân duyên như vậy nên có sạch có nhơ. Khi ấy Tu bồ đề suy nghĩ, trừ lượng lời Phật xong, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát hành như vậy thật không hành sắc ... vì sao? Vì Bồ tát không thủ đắc tướng tập hành, chỗ tập hành, người tập hành. Bạch Thế Tôn, Bồ tát tập hành được như vậy thời hết thấy trời, người, thế gian không ai hàng phục được. Người thế gian đều chấp trước giả danh, còn hành giả thời tu hành thật pháp, cho nên không thể hàng phục. Người thế gian chấp đắm vào mọi thứ hư dối, điên đảo và quả báo hư dối, còn Bồ tát đối với rốt ráo không, còn không chấp trước, huống gì các pháp khác! Như vậy làm sao hàng phục được?

Trời, người, A tu la, thế gian là hạng người có trí tuệ trong ba đường thiện, nên nói không thể hàng phục. Lại nữa, hết thấy Thanh văn, Bích chi Phật là không thể sánh kịp, đây là hạng ở trên ba đường thiện, là y cứ nơi người chưa đắc đạo mà nói, còn trong đây nói người đắc đạo không thể sánh kịp. Lý do không thể sánh kịp là khi Bồ tát vào pháp vị thời hết thấy ma, kẻ ma xui khiến không thể làm nào hại. Bồ tát ấy thường tập hành tâm tương ưng Nhất thiết trí, gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì không chấp trước hết thấy pháp, thường chứa nhóm hết thấy pháp trợ đạo, nên Phật chấp thuận lời kia mà khen ngợi.

Phật muốn đem trí tuệ như vậy, vì người khác nói, nên trước tán thán hạnh tự lợi của Bồ tát, nay vì lợi tha, phân biệt quả báo phước đức nên hỏi Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh ở cõi Diêm phù đề đều được làm thân người như trong kinh này nói rộng, cho đến tâm tương ưng với Nhất thiết trí là vượt trên hết thấy ruộng phước. Trong đây nói nhân duyên rằng: Nếu Bồ tát tự tu Bát nhã ba la mật, cũng dạy người khác tu; người ấy đối với hết thấy ruộng phước có thể đạt đến bờ mé nó.

Ruộng phước là từ Tu đà hoàn cho đến Phật. Bồ tát có thể thực hành như Bát nhã nói, thời được làm Phật; các phước đức thiện pháp khác vì lìa Bát nhã ba la mật, nên đều cùng tận, còn Bát nhã ba la mật không thể cùng tận.

Kinh nói: Không có phước đức nào khác bằng thế lực của Bồ tát, là khi Bồ tát tu hành Bát nhã, được các nhẫn lực đối với các pháp bình đẳng; được bình đẳng nhẫn nên tuy tu hành "không", cũng có thể tu bốn tâm vô lượng. Trong bốn tâm vô lượng, tâm đại bi là gốc của đại thừa, thấy chúng sinh đi đến cái chết như

người tù bị giết, các Bồ tát có thể phát sinh sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, nên tuy chưa được đạo Vô thượng, đã là ruộng phước cho hết thầy chúng sinh. Thế nên nói: Bồ tát nếu muốn không luống uổng ăn của thí chủ trong nước, hãy nên học Bát nhã ba la mật. Không luống uổng ăn là có thể báo đáp ơn thí chủ, có thể phát sinh đạo, có thể làm cho phước đức của thí chủ không cùng tận cho đến vào Niết bàn. Nếu chỉ bày đạo ba thừa cho chúng sinh, chỉ bày Nhất thiết trí rất sáng cho chúng sinh, cũng muốn kéo chúng sinh ra khỏi bốn trời buộc trong ngục ba cõi, muốn chúng sinh được năm mắt, phải nên thường tu niệm tương ưng với Bát nhã ba la mật. Niệm tương ưng tức là tâm Bát nhã. Nếu tập hành tâm Bát nhã thời nếu có nói gì chỉ nói Bát nhã ba la mật mà thôi.

Phật sắc dạy đệ tử, nếu hòa hợp cộng trú thường nên hành hai việc: một là hiền thánh im lặng; hai là thuyết pháp. Hiền thánh im lặng là tâm Bát nhã; thuyết pháp là thuyết Bát nhã ba la mật. Người ấy từ tâm Bát nhã phát xuất, thuyết Bát nhã ba la mật; thuyết Bát nhã ba la mật rồi trở lại vào trong Bát nhã, không để cho tâm khác, lời khác xen vào, ngày đêm thường tu như vậy không ngừng, không nghỉ như vậy sẽ được công như trước nói. Phật muốn làm cho việc ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như người nghèo mất của báu có giá trị lớn, thường nhớ mãi không rời, Bồ tát cũng như vậy, không rời tâm Nhất thiết trí, thường tu Bát nhã ba la mật không ngừng, không nghỉ.

Bấy giờ Tu bồ đề nghe việc ấy liền bạch Phật rằng; Bạch đức Thế Tôn, nếu hết thầy tâm niệm đều không, làm sao Bồ tát không rời niệm Nhất thiết trí? Vì trong không, Bồ tát không thể có được, Nhất thiết trí cũng không thể có được?

Phật đáp: Nếu Bồ tát biết hết thầy pháp xa rời tự tánh, chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm ra, cũng chẳng Phật làm ra, mà từ nhân duyên xuất sinh các pháp tướng như như, thật tế thường trụ thế gian, tức là Bồ tát không rời hạnh Bát nhã ba la mật. Phật tự nói nhân duyên, vì Bát nhã ba la mật không, xa lìa, nên không thêm không bớt.

Tu bồ đề nghe như vậy lại hỏi Phật: Nếu Bát nhã ba la mật tánh không, làm sao Bồ tát hợp cùng Bát nhã được đạo Vô thượng? Phật theo câu hỏi của Tu bồ đề mà nói rằng: Nếu Bồ tát hợp cùng Bát nhã ba la mật thời không thêm không bớt; vì các pháp như như, pháp tánh, thật tế, không thêm không bớt nên Bát nhã ba la mật không thêm không bớt. Bát nhã tức là các pháp như như, pháp tánh, thật tế; như như, pháp tánh, thật tế tức là Bát nhã ba la mật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Như như như, pháp tánh, thực tế chẳng phải một, chẳng phải khác, Bát nhã cũng như vậy. Pháp thế gian chẳng phải một tức là hai, chẳng khác tức

là một, còn Bát nhã ba la mật không như vậy, nên Bát nhã ba la mật vô lượng vô biên. Vì không, vô tướng, vô tác nên không thêm không bớt; nếu Bồ tát ngộ được tính không thêm không bớt ấy, thời chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát nghe việc ấy mà thông suốt, không chướng ngại vào trí tuệ Phật, nên tuy chưa làm Phật nhưng nhờ tín lực mà đối với Phật pháp cũng không nghi, không kinh, không sợ, vì có sao? Vì kẻ phàm phu tâm chấp ngã nên có sợ, Bồ tát dứt hết ngã tưởng nên không sợ, nên biết Bồ tát ấy an trụ địa vị chẳng thoái chuyển, cũng có thể hành đúng Bát nhã.

Tu bồ đề nghe nói Bồ tát hành đúng Bát nhã nên lại hỏi Phật: Bát nhã ba la mật quán hết thấy đều không, không bền chắc, tướng không ấy là hành Bát nhã chăng? - Phật đáp: Không phải, vì sao? Vì nếu pháp không, không có, làm sao hành Bát nhã? - Lại pháp không ấy lại riêng có pháp hành Bát nhã chăng? - Phật đáp: Không phải, vì sao? Vì nếu hết thấy pháp không, vô tướng, vô tác làm sao lìa không lại có pháp khác, thế nên đáp không phải. Tu bồ đề nghe nói "Không" chẳng phải hành Bát nhã; lìa "Không" chẳng phải hành Bát nhã; hết thấy pháp đều thu nhiếp ở trong Bát nhã, nay chỉ hỏi Bát nhã tập hành Bát nhã chăng? - Pháp không tự tập hành, phải do pháp khác tập hành, nên đáp "không".

Lại hỏi lìa Bát nhã lại riêng có pháp tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì hết thấy pháp thu nhiếp ở trong Bát nhã, không thể riêng có pháp tập hành Bát nhã. Từ trước lại đây lược hỏi người thực hành Bát nhã, nay hỏi về lý do danh tự năm uẩn tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì năm uẩn từ nhân duyên hoà hợp hư dối, không tự tại không có tướng "tác vi", làm sao tập hành được? Tu bồ đề lại hỏi: Nếu Bồ tát chỉ là danh tự giả, trống không, không thật, nên không tập hành Bát nhã, vậy Ba la mật và các pháp trợ đạo tập hành Bát nhã ba la mật chăng? Phật đáp: Không, vì sao? Vì như năm uẩn do hoà hợp mà có nên không thể tập hành, sáu Ba la mật cũng như vậy. Sắc pháp tướng không, không bền chắc; như như, pháp tính, pháp vị, pháp trụ, thật tế, pháp ấy tập hành Bát nhã chăng? Phật đáp: Pháp ấy là pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, tự tính thường trú nên không tập hành.

Tu bồ đề lại hỏi Phật: Người là danh tự giả, nên không tập hành; các pháp cũng do nhân duyên hoà hợp sinh, không có tự tính nên cũng không tập hành, vậy ai sẽ tập hành Bát nhã? Nếu không tập hành làm sao được đạo Vô thượng? Phật đáp bằng cách hỏi ngược lại: Ý ông nghĩ sao? Vì thấy Tu bồ đề gấp rút tìm biết người tập hành Bát nhã, thế nên Phật hỏi: Ông lấy mắt tuệ xem thấy có một pháp nhất định tập hành Bát nhã chăng? Tu bồ đề nhân ba cửa giải thoát được vào thật tướng các pháp, tướng các pháp còn không thể có được, hướng đi

người tập hành? Thế nên đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Không thấy có người tập hành Bát nhã. Phật lại hỏi: Ông thấy có chỗ Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật? Tu bồ đề đáp: Không thấy, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp quán hoặc thường hoặc vô thường; hoặc sinh hoặc diệt đều dứt; không có một pháp có tướng nhất định gọi là Bát nhã, làm sao nói đó là Bát nhã ba la mật!

Phật lại hỏi: Nếu ông dùng mắt tuệ không thấy pháp, vậy pháp không thấy ấy là có hay là không? Tu bồ đề đáp: Không, vì sao? Vì theo Phật nói, mắt tuệ chơn thật, còn mắt thịt, mắt trời hư dối, Tu bồ đề dùng mắt tuệ quán sát không thấy, nên đáp: Không. Phật lại hỏi: Nếu pháp không, không thể có được, pháp ấy có sinh chăng? Tu bồ đề đáp: Không sinh. Pháp ấy vốn tự không có, rất ráo không, không có gì của chính nó, Hý luận về các pháp có hay không đã diệt làm sao có sinh? Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát đối với pháp ấy thông suốt vô ngại, có tín lực, tuệ lực nên có thể an trú trong pháp ấy, ấy gọi là Vô sinh nhẫn.

Trong năm uẩn giả gọi là Bồ tát, được pháp như vậy, ấy gọi là hành đúng Bát nhã ba la mật. Đây theo pháp thế tục nên nói, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa, trong đệ nhất nghĩa, các hý luận tức là vô sinh. Được vô sinh nhẫn ấy liền được thọ ký đạo Vô thượng. Phật dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm, siêng tinh tấn, không ngừng không nghỉ, hành theo Vô sinh nhẫn mà không được trí tuệ lớn, trí tuệ vô thượng, Nhất thiết trí, thời không có lẽ đó, vì sao? Vì như Kinh nói: Nếu không nhân không duyên thời không có quả báo, tà nhân tà duyên cũng không có quả báo, nhân duyên ít cũng không có quả báo. Bồ tát được nhân duyên pháp nhẫn như vậy, khi bỏ nhục thân sinh tử liền được thân pháp tánh sinh, trú trong quả báo thần thông của Bồ tát, trong một lúc có thể biến hóa làm vô lượng thân, nghiêm tịnh cõi Phật, độ thoát chúng sanh. Người ấy ở thân cuối cùng đầy đủ Phật pháp, ngồi đạo tràng. Đầy đủ nhân duyên chính, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy, vì có sao? Vì người ấy được pháp vô sinh nhẫn, nhất tâm tiến thẳng, không có lùi bỏ. Bồ tát chưa được Vô sinh pháp nhẫn, còn đắm sâu pháp thế gian, các phiền não sâu dày; tuy có thiện tâm phước đức mà mỏng manh không chứa nhóm được, nên bị phiền não ngăn che, nếu được vô sinh pháp nhẫn thời không còn có việc ấy. Chưa được vô sinh pháp nhẫn thời dùng sức khó khăn, thí như đi bộ; được vô sinh pháp nhẫn rồi thời dùng sức rất dễ, thí như cỡi thuyền.

Thế nên các Bồ tát quý vô sinh pháp nhẫn, vì quý nên Tu bồ đề hỏi Phật: Được pháp vô sinh nên được thọ ký chăng? Phật đáp: Không phải, vì sao? Vì pháp vô sinh không sinh không diệt, không có tướng được, làm sao nhân được thọ ký. Tu bồ đề lại hỏi: Pháp sinh được thọ ký ư? Phật đáp: Không được, vì sao? Vì pháp

sinh là hư dối, các pháp là pháp vọng ngữ tạo tác, làm sao được pháp chơn thật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề lại hỏi: Pháp sinh và chẳng sinh được thọ ký chăng? Phật đáp: Không được, vì sao? Vì cả hai đều có lỗi. Tu bồ đề lại hỏi: Nếu như vậy làm sao sẽ được thọ ký? Phật hỏi ngược lại: Ông lấy mắt tuệ quán sát thấy có pháp thọ ký cho hàng Bồ tát chăng? Tu bồ đề đáp: Không thấy, vì sao? Vì pháp ấy từ trước lại đây tướng tịch diệt, trong đó không có thấy và chẳng thấy, không có thọ ký và chẳng thọ ký, cũng không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp để đắc cũng không có người đắc. Vì Bát nhã ba la mật không có sự ước tưởng phân biệt ấy.

Hỏi: Trên đây Tu bồ đề hỏi Bồ tát do được vô sinh hẳn nên được thọ ký chăng? Phật đáp không, sao nay Phật lại lấy lý vô sinh để đáp rằng Bồ tát khi tu Bát nhã không có các ước tưởng phân biệt?

Đáp: Hành giả thật do vô sinh hẳn nên được thọ ký, nhưng Tu bồ đề vì hàng Bồ tát nên lấy tâm chấp trước, tâm sở đắc để hỏi, vì vậy Phật đều đáp không. Như hết thấy pháp thật không có ngã mà Phạm chí Bà sa hỏi Phật có ngã chăng? Phật im lặng không đáp. Hỏi không có ngã chăng? Phật cũng im lặng không đáp. Hết thấy pháp tuy thật không có ngã, nhưng vì Phạm chí đem tâm chấp trước hỏi, muốn hý luận vô ngã, nên Phật không đáp.

Ý Tu bồ đề hỏi, biết chắc chắn có việc thọ ký nhưng không biết quán pháp gì mà được thọ ký nên hỏi. Thế nên Phật đem điều sở đắc của Tu bồ đề hỏi lại: Ông lấy mắt tuệ thấy nhất định có pháp thọ ký chăng? Tu bồ đề trong ba cửa giải thoát, quán pháp tánh không thấy nhất định có người thọ ký, vì tánh của các pháp là vô tướng, vô lượng. Nếu không thấy có pháp thọ ký thì làm sao sẽ có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề nghe người thọ ký ấy không, tâm nạn vấn liền dứt, tự hiểu rõ không nghi. Phật chấp nhận ý ông, nói: Như vậy, như vậy! Ông chẳng thấy pháp chẳng được là thật, vì sao? Vì tướng Bát nhã ba la mật không có phân biệt.

GIẢI THÍCH PHẨM MA SÀU THỨ 62

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Vấn Học Thứ 61)

KINH: Bấy giờ trời Đế Thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật không có các ước tưởng phân biệt, vì rốt ráo xa lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Chúng sinh nghe Bát nhã ba la mật có thể thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ

đúng, thân cận, tu đúng như nói cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không xen lẫn các tâm, tâm sở khác; việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến không xen lẫn các tâm sở khác, việc ấy không do công đức nhỏ đưa lại.

Này Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Nếu chúng sinh ở cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; lại có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã thậm thâm, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói, thời hơn chúng sinh ở cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn ức lần, cho đến toán số thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Bấy giờ, có một Tỳ kheo nói với trời Đế Thích rằng: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu hành Bát nhã ba la mật được công đức nhiều hơn hơn giả. Trời Đế Thích nói: Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chỉ phát tâm còn hơn tôi, hướng chi nghe Bát nhã ba la mật rồi viết chép, giữ gìn, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tu đúng như nói! Kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy tu Bát nhã ba la mật chẳng phải chỉ hơn tôi mà còn hơn hết thầy thế gian, trời, người, A tu la; chẳng phải chỉ hơn hết thầy trời, người, A tu la mà cũng hơn Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật; chẳng phải chỉ hơn Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật mà cũng hơn vị Bồ tát tu năm Ba la mật nhưng xa lìa Bát nhã ba la mật; chẳng phải chỉ hơn vị Bồ tát tu năm Ba la mật nhưng xa lìa Bát nhã ba la mật mà cũng hơn vị Bồ tát tu Bát nhã ba la mật nhưng không có sức phương tiện. Bồ tát ấy đúng như kinh nói: Tu Bát nhã ba la mật không dứt giống Phật, thường được thấy chư Phật, chóng đến đạo tràng. Bồ tát tu như vậy vì muốn cứu vớt chúng sinh ra khỏi dòng chìm đắm. Bồ tát học như vậy là không học Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát học như vậy trời Tứ thiên vương đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: "Thiện nam tử hãy siêng học mau, khi ngồi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như chư Phật quá khứ được nhận bốn chiếc bát, ông cũng sẽ được, chúng tôi cũng sẽ đem đến dâng cúng". Lại các trời khác, trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ xoa, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, cho đến trời Thủ đà hội cũng sẽ đến cúng dường. Chư Phật mười phương cũng sẽ thường nghĩ đến vị Bồ tát ấy là người đúng như kinh nói, tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm. Vị Bồ tát ấy vĩnh viễn không còn các việc ách nạn, khổ nhọc của thế gian. Thân vị Bồ tát ấy không có 404 bệnh như thế gian, do tu hành Bát nhã ba la mật thậm thâm nên được công đức hiện đời như vậy.

Bấy giờ A nan nghĩ rằng: Trời Đế Thích do tự lực nói ra hay nhờ thần lực của chư phật nói ra? Trời Đế Thích biết ý nghĩ của A nan, nói với A nan rằng: Lời tôi nói ra đều do oai thần của Phật. Phật bảo A nan: Như vậy, như vậy! như lời trời Đế Thích đều do oai thần của Phật.

Này A nan! Khi Bồ tát ấy học tập Bát nhã ba la mật thậm thâm, ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sinh hồ nghi: Bồ tát ấy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư? Hay sẽ giữa đường thủ chứng Niết bàn rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật?

* Lại nữa, A nan! Nếu khi Bồ tát không rời Bát nhã ba la mật thời ma rất sâu khổ, như mũi tên đâm vào tâm. Khi ấy ma lại phóng ra ngọn gió lửa lớn dậy khắp bốn phương, muốn làm cho tâm Bồ tát biến mất, sợ hãi, biếng nhác cho đến khởi lên một niệm loạn động đối với Nhất thiết trí.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ma quấy nhiễu hết thầy Bồ tát hay có người không bị quấy nhiễu?

Phật bảo A nan: Có người bị quấy nhiễu, có người không bị quấy nhiễu.

A nan bạch Phật: Hạng Bồ tát nào bị ma quấy nhiễu.

Phật dạy: Hạng Bồ tát đời trước nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, tâm không tin hiểu; hạng Bồ tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Bồ tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, ý nghi ngờ Bát nhã ấy là thật có hay là thật không có? Hạng Bồ tát như thế ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Có hạng Bồ tát xa lìa thiện tri thức, bị ác tri thức nhiếp phục, nên không nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, không nghe nên không biết, không thấy, không hỏi nên làm sao tu hành Bát nhã ba la mật; nên làm sao tu Bát nhã ba la mật; hạng Bồ tát ấy ác ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát xa lìa Bát nhã ba la mật, lãnh thọ pháp ác, Bồ tát ấy ma tìm được chỗ tiện lợi. Nó nghĩ rằng bọn ta sẽ có bạn đảng, sẽ thỏa mãn nguyện ta. Bồ tát ấy tự rơi vào nhị địa, cũng khiến người khác rơi vào nhị địa.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, liền nói với người khác rằng: "Bát nhã ba la mật ấy thậm thâm, ta còn không thể biết được thấu đáo, vậy người nghe làm gì, học làm gì Bát nhã ba la mật ấy": Hạng Bồ tát như vậy, ma tìm được chỗ tiện lợi để quấy nhiễu.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát khinh các Bồ tát khác rằng: Ta hành Bát nhã ba la mật, hành hạnh "viễn ly không", còn người không có công đức ấy. Khi ấy ác ma rất vui mừng nhảy nhót. Nếu có Bồ tát tự ý thị tên họ mình nhiều người biết đến, nên khinh các Bồ tát hành thiện khác. Hạng Bồ tát ấy thật không có công đức về hành, loại, tướng mạo của chẳng thoái chuyển. Vì không có công đức ấy nên sinh các phiền não, chỉ đấm trước hư danh nên khinh dễ người khác, nói rằng: Người không ở trong pháp của ta có được. Bấy giờ ác ma nghĩ rằng: nay cảnh giới cung điện của ta chẳng trống không, lại tăng thêm ba đường ác. Ác ma giúp thêm uy lực khiến người khác tin thọ lời người kia nói; vì tin thọ lời người kia nói nên tin chịu làm theo kinh sách nó, tu học như lời nó nói; khi tu học như lời nó nói, thời tăng thêm các kiết sử. Vì tâm các người ấy điên đảo nên ba nghiệp thân, miệng, ý họ làm đều chịu ác báo. Do nhân duyên ấy làm tăng thêm ba đường ác, quyền thuộc, cung điện của ma càng thêm nhiều. Nay A nan! Ma thấy các lợi đó nên rất vui mừng, nhảy nhót.

Này A nan! Nếu người hành đạo Bồ tát tranh đấu với người cầu đạo Thanh văn, ma liền nghĩ rằng, thế là xa lìa Nhất thiết trí. Nay A nan! nếu Bồ tát tranh đấu với Bồ tát, sân giận, mắng nhiếc, khi ấy ác ma liền rất vui mừng, nhảy nhót nói rằng: Cả hai đều xa lìa Nhất thiết trí.

* Lại nữa, A nan! Nếu Bồ tát chưa được thọ ký, hướng tới Bồ tát đã được thọ ký sinh ác tâm tranh đấu, mắng nhiếc, tùy theo niệm ác trong nhiều ít kiếp, bằng kiếp số bao nhiêu, nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng, vậy sau mới được bỏ túc bấy nhiêu kiếp đại trang nghiêm.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Ác tâm ấy trải qua số kiếp bấy nhiêu, ở giữa khoảng đó có thể được giải trừ chăng?

Phật bảo A nan: Ta tuy nói người cầu đạo Bồ tát và Thanh văn được xuất tội, nhưng nếu người cầu đạo Bồ tát tranh đấu nhau, sân giận, mắng nhiếc, ôm hận không hối cải, không xả bỏ, ta không nói người đó được xuất tội, chắc chắn sẽ lại phải trải qua nhiều kiếp số nếu không bỏ trí Nhất thiết chủng vậy sau mới được trang nghiêm. Nếu Bồ tát tranh đấu, sân giận, mắng nhiếc, liền tự biết hối cải, nghĩ rằng: Ta có lỗi lớn, ta phải vì tất cả chúng sinh mà khuất mình xuống, khiến đời nay, đời sau được hòa giải; ta sẽ nhẫn chịu cho chúng sinh bước qua như cầu đò, như điếc, nhu ngọng chứ làm sao ta dùng lời ác đáp trả người! Ta không nên phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ nên độ hết thầy chúng sinh khổ não, chứ làm sao ta lại khởi lên tâm sân giận!

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Còn Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì thế nào?

Phật bảo A nan: Bồ tát với Bồ tát cộng trú thì nên xem nhau như Thế Tôn, vì sao? Vì Bồ tát nên nghĩ rằng: Đó là bạn thật của ta, đi chung một thuyền; kia học ta học Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ tát kia tu hành tạp nhạp, lia tâm Nhất thiết trí; ta không nên học như vậy; nếu Bồ tát kia không tu hành tạp nhạp, không lia tâm Nhất thiết trí, ta nên học như vậy. Bồ tát học như vậy là đồng học.

LUẬN: Trên kia trời Đế thích nói người thiện nam viết chép, trì thọ Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng được vô lượng công đức. Nay nói về ý nghĩa ấy. người đọc tụng Bát nhã cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không để cho tâm tâm số pháp khác xen vào là được công đức như đã nói trên. Chỉ từ người khác nghe mà không thể thực hành, khiến các tâm khác không xen vào, thời tuy công đức nhưng không gọi là vô lượng.

Tâm tâm số pháp xen vào là có người nói đó là xan tham, là ác tâm phá sáu Ba la mật. Có người nói chỉ cần không để ác tâm tăng trưởng thì thế lực ma đi đến liền bị diệt trừ. Có người nói không để cho tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật được xen vào. Có người nói tâm vô ký tán loạn tuy chẳng phải ác, song vì chướng ngại thiện đạo, cũng không để cho xen vào. Thế nên người ấy không phải từ công đức nhỏ đưa đến. Phật chấp thuận lời đó rằng: đúng như vậy. Vì muốn phân biệt thế lực của hạnh thanh tịnh nên hỏi ngược lại Kiều thi ca rằng: Nếu hết thầy người cõi Diêm phù đề thành tựu mười thiện đạo như kinh nói, phước đức ấy tuy nhiều song vì lia thật tướng các pháp nên hư dối, không bền chắc, vô thường, tận diệt, không đủ cho là nhiều, giống như cỏ tuy rất nhiều song không bằng một chút kim cương.

Hỏi: Tỳ kheo ấy vì sao nói với trời Đế thích rằng: Phước đức người thiện nam ấy hơn ông?

Đáp: trời Đế thích đã ở trong quả báo phước đức làm chủ cả trời người, tuy rất được tôn trọng, nhưng Tỳ kheo ấy vì quý trọng chuyện khác, muốn nêu bày công đức thiện pháp nên nói hơn trời Đế thích.

* Lại nữa, Tỳ kheo ấy nghe nói trời Đế thích được đạo Thanh văn, nên nói ông tuy có phước đức mà không bằng Bồ tát. Trời Đế thích đắc đạo, thâm niệm Phật pháp nên nhận lời nói của Tỳ kheo, không sinh tâm cao ngạo, nói rằng: Bồ tát vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ phát tâm là đã hơn tôi, huống gì còn tu

hành như kinh nói, vì sao? Vì phước đức của trời Đế thích mỏng ít, còn công đức của Bồ tát sâu dày. Lại, vì phước đức của trời Đế thích đắm vào cái vui cõi trời, chỉ vì tự thân, còn công đức của Bồ tát là vì hết thầy chúng sinh mà hồi hướng đến cái vui Phật đạo. Khi ấy hội chúng nghe Tỳ kheo nói hơn trời Đế thích, trời Đế thích nhận lời nói đó, họ đều sinh tâm khinh trời Đế thích. Thế nên trời Đế thích nói: Không chỉ hơn tôi mà còn hơn cả vị Bồ tát tập hành Bát nhã mà không có sức phương tiện, như kinh nói tập hành Bát nhã ba la mật mà không lìa tâm tâm số pháp. Trong đây trời Đế thích tự nói lý do hơn, đó là Bồ tát tu hành Bát nhã đúng như kinh nói, không dứt giống Phật, cho đến do tu hành Bát nhã ba la mật nên được công đức đời này.

Hỏi: Vì sao A nan nghĩ rằng: Trời Đế thích do tự lực nói ra hay nhờ Phật lực?

Đáp: A nan biết trời Đế thích là Thanh văn mà nói rất sâu, hơn trí Thanh văn, Bích chi Phật, thế nên sinh nghi mà hỏi.

Hỏi: Trời Đế thích tự có trí hay hỏi hay đáp, cứ sao nói nhờ Phật lực?

Đáp: Bát nhã rất sâu, rất khó, vô lượng, vô biên; nếu ở chỗ khác nói còn khó, huống gì ở trước Phật, trước đại chúng nói! Thế nên nói nhờ Phật lực. Như kinh Trì Tâm nói: Do oai thần sáng nhập vào tâm kia, nên có thể đối trước Phật nói lời nạn vấn.

Phật bảo A nan: Chấp thuận lời Đế thích nói; lại khen ngợi vị Bồ tát tu hành Bát nhã thậm thâm, có uy đức lớn. Đó là A nan, khi vị Bồ tát tập học Bát nhã thậm thâm, ác ma liền sinh nghi. Ác ma là giặc oán của Bồ tát, thường tìm lúc thuận tiện để phá Bồ tát như nói ở trong phẩm Ma. Vì Bồ tát tu hành sâu Bát nhã ba la mật, nên ma dùng phương tiện lớn phá hoại tâm Bồ tát. Nếu Bồ tát giải đãi thời ma rất vui mừng, nói rằng: Người ấy sẽ tự sa đọa.

Có người nói hết thầy Bồ tát đều phải bị ma oán. Thế nên A nan hỏi: Tất cả đều có ma oán hay có người không bị? Phật phân biệt đáp: Người có tâm thanh tịnh sâu xa, hành đạo Bồ tát thời không có bị ma phá; người không thanh tịnh thời bị ma phá; như kinh nói rộng.

Hỏi: Như Phật nói hết thầy pháp hữu vi đều có thể chuyển đổi, có thể xả bỏ, cứ sao A nan nghi mà hỏi Phật, tội ấy có thể hối cải chăng?

Đáp: A nan biết Bát nhã ba la mật là nhân duyên vô tận, nếu ai cúng dường sẽ được phước vô biên cho đến khi thành Phật, phước đức ấy vẫn bất tận; nếu trách mắng Bát nhã, tội ấy cũng vô biên; thế nên hỏi Phật. Phật đáp: Ta tuy nói

có thể xuất tội, nhưng nếu Bồ tát kết hận, đấu tranh nhau không chịu bỏ thì không thể xuất tội được, vì sao? Vì Bồ tát ấy có tâm khinh mạn quá sâu, sân giận các Bồ tát khác. Vì tâm sân giận, kiêu mạn nên không thể hạ mình cùng sám hối, lại muốn làm công đức khác để mong dứt tội ấy. Phật dạy: Tội ấy không thể dứt được, vì tâm ôm hận nên tuy làm phước khác đều không thanh tịnh, không thanh tịnh nên không có lực, không có lực nên không thể diệt tội. Người ấy nếu muốn làm Phật, không bỏ Nhất thiết trí, hạ mình sám hối, cho đủ bấy nhiêu kiếp mới được đại trang nghiêm.

Hỏi: Trong tâm ôm hận, làm sao có thể dứt tội?

Đáp: Vì phá sân hận như kinh nói. A nan biết chúng sinh tùy thuộc vào nghiệp duyên, không được tự tại, không ai cứu hộ, ôm tâm sợ hãi, hỏi Phật: Bồ tát cộng trú như thế nào? Dụng tâm cung kính thế nào? - Phật đáp: Bồ tát nên cúng dường, cung kính, xem nhau như Phật, vì đó là Phật vị lai. trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát cộng trú nên nghĩ rằng, đây là bạn chơn thật của ta, cùng đi đến Phật đạo, cùng chèo một thuyền. Thuyền là chỉ sáu Ba la mật; ba cõi và ba lậu hoặc là nước; bờ kia là Phật đạo. Điều người kia học ta cũng nên học, đó là sáu Ba la mật, đồng giới, đồng kiến, đồng đạo. Như anh em trong hàng cư sĩ, không nên đấu nhau; ta và kia là anh em đồng pháp, không nên tranh nhau. Nếu Bồ tát kia tu hành tạp nhạp, lìa tâm Nhất thiết trí, ta không nên học như vậy, vì sao? Vì việc tốt nên học theo, việc xấu nên bỏ. Bồ tát nếu hoặc được như vậy thì việc khinh mạn, sân hận chấm dứt; ấy gọi là Bồ tát đồng học.

GIẢI THÍCH PHẨM ĐĂNG HỌC THỨ 63

Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Đồng Tánh Thứ 62)

KINH: - Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp bình đẳng của các Bồ tát, Bồ tát nên học?

Này Tu bồ đề! Nội không là pháp bình đẳng của Bồ tát; ngoại không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. Sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức tướng không cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. An trú pháp bình đẳng ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát vì sắc tận nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc lìa nên học, vì sắc diệt nên học, là học Nhất thiết trí; vì sắc chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tận, ly diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí?

Phật bảo Tu bồ đề: Như lời ông nói: vì sắc, tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí; vì thọ, tưởng, hành, thức, cho đến mười tám pháp không chung tận, ly, diệt, chẳng sinh nên học, là học Nhất thiết trí.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như như, thọ, tưởng, hành, thức như như cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như như; Phật như như; các như ấy tận, diệt, đoạn chẳng? Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí. Như như ấy không thủ chứng, không diệt, không đoạn. Tu bồ đề! Bồ tát như vậy học như như, là học Nhất thiết trí, là học sáu Ba la mật, là học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Nếu học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung ấy là học Nhất thiết trí. Học như vậy là tận bờ mé của sự học, học như vậy ma hoặc ma tròi không thể phá hoại; học như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển; học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được ủng hộ, là học đại từ đại bi, là học nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu tuệ giác cho chúng sinh; học như vậy là học pháp luân có ba lần chuyển, mười hai hành tướng; học như vậy là học độ chúng sinh; học như vậy là học không dứt giống Phật; học như vậy là học mở cửa cam lồ; học như vậy là học muốn chỉ bày tính vô vi. Nay Tu bồ đề! Người hạ liệt không thể học như vậy. Người học như vậy là vì muốn kéo chúng sinh ra khỏi đấm chìm sinh tử. Bồ tát học như vậy trọn không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; trọn không sinh nơi biên địa; trọn không sinh nhà Chiên đà la; trọn không điếc, đui, ám ố, què quặt; các căn đầy đủ, quyền thuộc thành tựu; trọn không mờ côi cùng khổ. Bồ tát học như vậy trọn không sát sinh cho đến trọn không tà kiến, không sống theo tà mạng, không thâu nhiếp người ác và người phá giới. Học như vậy do có sức phương tiện, nên không sinh cõi trời trường thọ.

Thế nào là sức phương tiện? - Như đã nói trong phẩm Bát nhã ba la mật. Bồ tát do sức phương tiện nên vào bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, mà không theo thiên vô lượng vô sắc định sinh ra. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với hết thảy pháp được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hết thảy pháp tính vốn thanh tịnh, vì sao nói Bồ tát đối với hết thảy pháp thanh tịnh?

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Hết thầy pháp tính vốn thanh tịnh, nếu Bồ tát đối với pháp ấy tâm thông suốt, không thối mất tức là Bát nhã ba la mật. Các pháp như vậy hàng phàm phu không biết không thấy. Bồ tát vì chúng sinh ấy nên tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, tu bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với hết thầy pháp được trí lực không có sợ gì; học như vậy vì liễu tri tâm chúng sinh hướng về đâu. Thí như đại địa, ít chỗ xuất sinh vàng bạc trân bảo. Chúng sinh cũng như vậy, ít người học được Bát nhã ba la mật, nhiều người rơi vào Thanh văn, Bích chi Phật địa. Thí như ít người chịu tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương, nhiều người tạo nghiệp làm tiểu vương. Cũng như vậy, ít chúng sinh tu Bát nhã ba la mật cầu Nhất thiết trí, nhiều người tu đạo Thanh văn, Bích chi Phật. Tu bồ đề! Trong các Bồ tát phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có người tu hành đúng như kinh nói, nhiều người trụ vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Có nhiều Bồ tát tu Bát nhã ba la mật vì không có sức phương tiện nên ít người trụ địa vị chẳng thoái chuyển. Tu bồ đề! Do lẽ đó Bồ tát muốn trụ địa vị chẳng thoái chuyển, muốn ở trong số bồ tát chẳng thoái chuyển, hãy nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Khi Bồ tát học Bát nhã ba la mật không sinh tâm xan tham, không sinh tâm phá giới, sân hận, giải đãi, tán loạn, ngu si; không sinh các tâm tội lỗi khác; không sinh tâm thù tướng sắc, thù tướng thọ, tướng, hành, thức; không sinh tâm thù tướng bốn niệm xứ cho đến không sinh tâm thù tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì Bồ tát tu Bát nhã ba la mật thậm thâm, không có pháp khả đắc; vì không có pháp khả đắc nên đối với các pháp không sinh tâm thù tướng. Tu bồ đề! Bồ tát học Bát nhã ba la mật thậm thâm như vậy, thu nhiếp các Ba la mật làm cho các Ba la mật tăng trưởng, các Ba la mật đều đi theo, vì sao? Vì các Ba la mật đều thu vào trong Bát nhã ba la mật thậm thâm; thí như trong ngã kiến thu nhiếp hết sáu mươi hai kiến. Cũng như vậy, Bát nhã ba la mật thậm thâm thu nhiếp hết các Ba la mật; thí như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác đều diệt theo. Như vậy, Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật thậm thâm thì các Ba la mật kia đều đi theo. Tu bồ đề! Bồ tát muốn làm cho các Ba la mật qua đến bờ kia, nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm. Bồ tát học Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, thời vượt lên trên hết thầy chúng sinh.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều chẳng? Tu bồ đề thưa: Chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề còn nhiều, huống gì trong ba ngàn đại thiên thế giới!

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới cùng một lúc đều được làm thân người, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu có Bồ tát suốt đời cúng dường bấy nhiêu đức Phật đó y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang, vật cần dùng nuôi sống. này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy do nhân duyên ấy được phước đức nhiều chăng? - Tu bồ đề thưa: Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: không bằng kẻ thiện nam, người thiện nữ học Bát nhã ba la mật, tu đúng như kinh nói, nhớ nghĩ đúng, được phước đức nhiều hơn, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật có thể lực có thể làm cho Bồ tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Bồ tát muốn vượt lên trên hết thầy chúng sinh, nên học Bát nhã ba la mật; muốn vì chúng sinh không có ai cứu hộ làm người cứu hộ; muốn làm chỗ nương về cho chúng sinh không có chỗ nương về; muốn làm đạo rất ráo cho chúng sinh không có đạo rất ráo; muốn làm mắt cho người đui; muốn được công đức Phật; muốn làm tiếng rống Sư tử của Phật; muốn đánh chuông trống Phật; muốn thổi loa Phật; muốn lên tòa cao Phật thuyết pháp; muốn dứt hết nghi lầm cho chúng sinh thời nên học Bát nhã ba la mật thậm thâm. Tu bồ đề! Bồ tát nếu học Bát nhã ba la mật thậm thâm thời các công đức lành không việc gì không làm được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có thể còn được công đức Thanh văn, Bích chi Phật chăng? Phật dạy: Công đức Thanh văn, Bích chi Phật có thể được nhưng không trụ ở trong đó. Dùng trí quán sát rồi, đi thẳng qua mà vào Bồ tát vị. Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy là gần Nhất thiết trí, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát học như vậy là làm ruộng phước cho hết thầy thế gian trời, người, A tu la. Bồ tát học như vậy là vượt quá trên ruộng phước của Thanh văn, Bích chi Phật, chóng gần Nhất thiết trí. Bồ tát học như vậy gọi là không bỏ, không rời Bát nhã ba la mật mà thường tu Bát nhã ba la mật. Bồ tát học như vậy nên biết là Bồ tát chẳng thối chuyển, chóng gần Nhất thiết trí, xa lìa Thanh văn, Bích chi Phật, gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề! Bồ tát khi hành Bát nhã ba la mật nếu nghĩ rằng: Ta do Bát nhã ba la mật mà được trí Nhất thiết chủng. Nếu nghĩ như vậy không gọi là hành Bát nhã ba la mật. Nếu không nghĩ rằng: Đó là Bát nhã ba la mật, đó là người có Bát nhã ba la mật, đó là pháp Bát nhã ba la mật, đó là người hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là hành Bát nhã ba la mật. này Tu bồ đề! Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Không có Bát nhã ba la mật, không có người Bát nhã ba la mật, không có người hành Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác, vì sao? Vì hết thấy pháp đều như như, pháp tánh, thật tế, thường trú. Hành nhu vậy gọi là Bồ tát hành Bát nhã ba la mật.

LUẬN: - Trên kia A nan hỏi về đấu tranh. Phật đáp về đồng học thanh tịnh. Nay Tu bồ đề hỏi Phật những pháp bình đẳng về đồng tâm sâu xa là học xứ của Bồ tát. Phật đáp: Nội không cho đến tự tướng không là pháp bình đẳng của Bồ tát. Có hai đẳng nhãn: Ở cuối phẩm trên nói về *Chúng sinh đẳng nhãn*, ở phẩm này nói về *Pháp đẳng nhãn*; như chiếc cân hai đầu đứng ngang nhau. Như vậy, nội không v.v... là bình đẳng giữa các pháp. Như pháp bên trong thân mỗi mỗi sai biệt, nếu được "nội không" thời đều bình đẳng không hai; cho đến "tự tướng không" thời hết thấy pháp tướng đều tự không, khi ấy thời tâm bình đẳng. Bồ tát trú trong bình đẳng ấy, đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề hỏi: Vì sắc diệt tận hay vì học Nhất thiết trí nên quán sắc vô thường, niệm niệm diệt không an trụ; nếu tu được quán ấy thời tâm lìa sắc, tâm lìa sắc nên các phiền não diệt; phiền não diệt nên được pháp vô sinh.

Tu bồ đề hỏi: Học như vậy là học Nhất thiết trí chăng? - Phật hỏi ngược lại Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Sắc như v.v... và Như lai như, như ấy bị tận, diệt, đoạn chăng? Tu bồ đề thưa: Không. Như ấy từ trước tới nay không nhóm, không hòa hợp làm sao có tận; Xưa nay chẳng sinh làm sao có diệt; Pháp ấy vốn hư dối, không có định tướng làm sao có thể đoạn. Tu bồ đề! Bồ tát học "như" được như vậy là học Nhất thiết trí. Như ấy thường không thể chứng, không thể diệt, không thể đoạn; tận, ly, đoạn là vì trừ điên đảo cho nên tu hành, chẳng phải rốt ráo. Ở trong này nói việc rốt ráo được Phật khen ngợi: Học như vậy tuy không cố định vì một pháp mà học Nhất thiết trí, nếu học Nhất thiết trí tức là học sáu Ba la mật; nếu học được sáu Ba la mật là cùng tận bờ mé các pháp học. Nếu tận cùng bờ mé các pháp học, thời người ấy đầy đủ vô lượng phước đức và trí tuệ; ma hoặc ma dân không thể hàng phục. Học cách chính đáng như vậy đi thẳng đến địa vị chẳng thoái chuyển. Học như vậy là học đạo sở hành của Phật; học như vậy là được mười phương chư Phật và đại Bồ tát, chư thiên và người lành thủ hộ. Học được như vậy, người ấy không có tà kiến, tâm không vướng mắc gì, đối với chúng sinh khởi tâm đại từ đại bi; vì đại từ đại bi nên có thể giáo hóa chúng sinh; tâm chúng sinh thanh tịnh nên cõi Phật thanh tịnh; cõi Phật thanh tịnh rồi được Phật đạo chuyển pháp luân ba lần chuyển mười hai hành tướng, dùng pháp ba thừa độ vô lượng chúng sinh. Vì dùng pháp Đại thừa độ chúng sinh nên không dứt giống Phật; không dứt giống Phật nên thường mở cửa pháp cam lồ giữa thế gian, thường chỉ bày cho chúng sinh tính vô vi. Tính vô vi là như như, pháp tánh, thật tế, Niết bàn; cam lồ là tính vô vi; cửa là ba cửa giải thoát. Kẻ hạ liệt là kẻ

biếng nhác, buông lung, không ưa Phật pháp, không nhất tâm hành đạo, làm tội phước hỗn tạp. Những người như vậy không thể học pháp vô vi, vì sao? Vì kẻ hạ liệt nghĩ rằng: Thân ta và quyền thuộc ta, ta nên bảo hộ, các chúng sinh khác can dự gì việc ta, mà ta đem đầu, mắt, tủy, não cho họ để họ được vui; hết thầy mọi người đều dùng phương tiện tìm vui, sao ta lại bỏ vui tìm khổ. Hoặc sinh tà kiến nghĩ rằng: Chúng sanh vô lượng vô biên độ không thể hết, nếu có thể độ hết, tức là có lượng có biên, một đức Phật có thể độ hết. Hoặc nghĩ rằng: Phật nói hết thầy pháp không, không sinh không diệt, vậy ta còn độ cái gì! Cầu Phật đạo hay không cầu Phật đạo đều đồng như huyễn mộng. Người hạ liệt nghĩ như vậy, do vì tà kiến tham dục nên không thể học đại pháp này. Hoặc có khi Đại nhơn xuất thế, trừ lượng, suy nghĩ thực tướng các pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, chẳng phải có, chẳng phải không. Hành đạo như vậy có thể phá tà kiến điên đảo xong, trở lại bỏ đạo ấy, đi thẳng vào pháp tánh và thường an trú trong pháp tánh thanh tịnh ấy. Vì chúng sinh không không biết việc ấy nên sinh tâm đại bi, vậy sau tu tập các công đức sáu Ba la mật, thần thông, trí tuệ, giải thoát vô ngại, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng các môn phương tiện, rộng độ chúng sinh, hạng người như vậy thật hiếm có.

Hỏi: Như trước nói chúng sinh vô lượng vô biên, lại nói chúng sinh không, vậy còn độ cái gì? làm sao có thể độ?

Đáp: Đó là lời nói của người hạ liệt, đâu đủ lấy đó làm chứng.

* Lại nữa, trước đã nói lý do vì tà kiến, tham dục nên người hạ liệt nghĩ rằng: Chúng sinh có biên, không biên, hết thầy pháp không, không có gì của chính nó, hoặc nghĩ rằng hết thầy pháp thường, thật, đó đều nhiếp thuộc vào 62 tà kiến. Bậc đại nhơn không có ham muốn, suy nghĩ, trừ lượng lìa các tội lỗi như vậy, an trú trong pháp tính, sinh tâm đại bi. Thí như người lớn chỉ đem tâm bố thí, thí tài vật cho người khác mà không lấy giá cả. Còn người tham dục tìm có lý do mới bố thí. Người tà kiến dựa vào chấp kiến có biên, không biên nên không có việc gì không có lợi mà làm. Thí như tiểu nhơn buôn bán giữa chợ, cầu có lợi mới trao cho. Lại Đại nhơn Bồ tát không có cầu mong gì vẫn có thể đem đầu mắt thí cho chúng sanh, được quả báo gì cũng thí luôn; tâm không nương tựa vào một pháp nào mà vẫn tập hợp được các công đức. Thế nên Phật dạy: Muốn kéo chúng sinh ra khỏi dòng sinh tử chìm đắm, hãy nên học như vậy.

* Lại nữa, Bồ tát học như vậy, thường có tâm từ bi thương xót, không nào hại chúng sinh, nên không đọa địa ngục, thường quán thật tướng của các pháp

nhơn duyên sinh, không sinh ngu si nên không đọa súc sinh; thường tu bố thí, diệt tâm xan tham, nên không sinh vào ngạ quỷ. Đối với 12 bộ Kinh, 84.000 pháp tụ của Phật dạy, thường không lẫn tiếc, nên không sinh nơi biên địa. Thường cúng dường bậc Thiện nhơn Tôn trưởng, bỏ tính kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện Chiên đà la. Vì thâm tâm yêu mến chúng sinh, làm đủ hạnh lợi ích nên thọ thân hoàn mỹ. Lấy thiện pháp giáo hóa chúng sanh nên quyến thuộc thành tựu, trọn không bị mồ côi nghèo cùng. Vì ưa vui sâu xa thí Ba la mật, nên không làm mười điều ác và sống tà mạng. Vì không có tâm chấp ngã, chỉ vì lợi ích chúng sinh, không tự vì thân mình nên không thâm nhiếp kẻ ác và người phá giới. Người ác là người có tâm ác, người phá giới là người có thân và miệng ác.

Lại ý làm ba việc chẳng lành gọi là người ác, thân và miệng làm bảy việc chẳng lành gọi là phá giới. Lại Bồ tát nếu ở nhà, thu nhiếp người ác gọi là người ác, xuất gia thu nhiếp người ác gọi là phá giới.

Hỏi: Bồ tát vì độ người ác nên xuất hiện ở đời, thí như lương y chữa các bệnh tật, cơ sao không thâm nhiếp người ác?

Đáp: Người ác, người phá giới có hai hạng: Hạng có thể hóa cải, hạng không thể cải hóa, trong đây nói hạng không thể cải hóa, nếu thâm nhiếp họ ở chung, thời tự hoại đọa mình mà đối với họ vô ích. Thí như cứu kẻ bị chìm, tự mình không nổi được mà muốn cứu kẻ kia, thời cả hai đều chết, thế nên nói: Nên xa lìa người ác. Vì cõi Dục nhiều ác, sinh tâm thương xót nên sinh cõi Dục; tuy hành thiện, tâm điều hòa mềm dịu, do có sức phương tiện nên khi mệnh chung không sinh theo thiện, như trong kinh rộng nói: Tu bồ đề! Bồ tát học như vậy, đối với các pháp tâm được thanh tịnh, nghĩa là sạch tâm Thanh văn, Bích chi Phật, thanh tịnh nghĩa là lìa bỏ, rốt ráo không, không có gì.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Nếu hết thấy pháp từ trước lại đây vốn "không", vốn thanh tịnh tại sao nói Bồ tát học như vậy được tâm thanh tịnh đối với hết thấy các pháp?

Phật chấp thuận lời Tu bồ đề và nói nhơn duyên rằng: Nếu Bồ tát biết hết thấy pháp từ trước lại đây vốn "không" thanh tịnh, đối với trong đó tâm không biến mất không từ khước. Không biến mất tức là không nghi ngờ, không sinh tà kiến, thông suốt, không chống trái với "không" ấy gọi là Bát nhã ba la mật. Hàng phàm phu không nhiếp, không thấy pháp thanh tịnh như vậy, vì hạng người ấy nên Bồ tát tu sáu Ba la mật và các pháp trợ đạo. Pháp của Bồ tát là phải giáo hóa chúng sinh, ấy gọi là Bồ tát được thanh tịnh đối với hết thấy pháp, nghĩa là bỏ cái điên

đảo của ba cõi, vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, được lực trí tuệ thanh tịnh đối với hết thầy pháp. Được công đức ấy nên có thể biết khắp về nghiệp nhơn duyên và tâm tâm số pháp, biết tâm hành khởi lên của chúng sinh trong ba đời mười phương; biết rồi theo sự thích hợp với họ nói pháp khai hóa họ. Những việc lợi ích như vậy đều do học Bát nhã nên có được, thế nên nói cùng tận bờ mé các sự học. Ít có người học được như vậy, người học như vậy khó có được. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ vàng, bạc, và tạo nghiệp làm Chuyển luân Thánh vương.

* Lại nữa, Bồ tát khi học Bát nhã, không sinh tâm xan tham. Không sinh tâm xan tham là Bồ tát học Bát nhã nên ức chế các phiền não, phiền não tuy chưa sạch hết, nhưng không thể làm chi được, nên nói là chẳng sinh. Bồ tát học Bát nhã biết tướng hết thầy pháp đều hư dối không thật, nên không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì không muốn bị rơi vào tà kiến chấp cố, chấp không, nên đi thẳng trung đạo tập hành Bồ tát. Trong đây Phật tự nói nhơn duyên: Bồ tát tu Bát nhã đối với hết thầy pháp không có sở đắc, vì không có sở đắc nên không có tướng pháp khả thủ là lành, hoặc chẳng lành. Bồ tát nếu học như vậy là tổng nhiếp hết các Ba la mật, Thí ba la mật v.v... không lìa Bát nhã ba la mật kia đều được tăng trưởng, lìa các tà kiến tham đắm. Phật muốn làm cho nghĩa ấy rõ ràng nên nói thí dụ: Như ngã kiến và mạng căn đã hết.

Hỏi: Ngã kiến và các kiến đều có tướng riêng, có sao các kiến lại nhiếp vào trong ngã kiến?

Đáp: Tuy có tướng riêng mà ngã kiến là gốc; người ta vì vô minh nên trong năm uẩn trống rỗng sinh ra ngã kiến. Vì sinh ngã kiến nên nói thân này sau khi chết như đi từ đây đến kia, hoặc không như đi từ đây đến kia. Nếu như đi từ đây đến kia tức là *thường kiến*, nếu không như đi từ đây đến kia tức là *đoạn kiến*. Nếu cho là đoạn diệt lo thụ hưởng cái vui say sẩm năm dục đời nay, lấy ác pháp cho là tối ưu, thời sinh *kiến thủ*. Nếu bảo thường mà xuất gia học đạo, giữ giới, khổ hạnh, thời sinh *giới cấm thủ*. Hoặc thấy thường, đoạn đều có lỗi bèn nói không có nhơn duyên quả báo thời sinh *tà kiến*. Từ trong năm kiến ấy chấp thế gian hoặc thường, hoặc vô thường, hoặc hữu biên, hoặc vô biên v.v... sinh ra 57 chấp kiến. Thế nên nói thân kiến (ngã kiến) thu nhiếp 62 kiến, không có lỗi. Do các nhơn duyên và thí dụ như vậy nên biết Bát nhã ba la mật là tối đệ nhất trong các pháp; vì Bát nhã ba la mật tối đệ nhất trong các pháp nên Bồ tát học Bát nhã là người đệ nhất giữa chúng sinh. Phật muốn lấy việc ấy, thiện hóa chúng sinh nên nói thí dụ: Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới

nhiều chẳng? Như vậy! Cho đến Bồ tát học Bát nhã như vậy, nên biết đó là bậc chẳng thoái chuyển, xa lìa Nhị thừa, gần gũi Phật thừa.

* Lại nữa, Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật là khai thị tướng Bát nhã ba la mật hoặc có, hoặc không v.v...; nếu thấy có Bát nhã, được Bát nhã là chấp trước Bát nhã. Ta nhờ Bát nhã ba la mật được trí Nhất thiết chủng, biết năm uẩn hòa hợp giả gọi là Bồ tát, Bồ tát theo tên gọi giả, chấp cho là ngã, cho đó là Bát nhã có làm; Bát nhã là không có tướng được, không có tướng chấp trước mà người ấy bảo có tướng Bát nhã đệ nhất nghĩa, người ấy theo tên gọi giả, mà sinh ngã tâm. Bát nhã tướng không có làm mà người ấy muốn dùng Bát nhã tạo tác, cho rằng ta dùng Bát nhã mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên Phật dạy: Người nghĩ như vậy không gọi là tu Bát nhã; nếu không nghĩ như vậy thì gọi là tu Bát nhã.

Hỏi: Nghĩ như vậy, không nghĩ như vậy, việc đã rồi, có sao còn nói lần thứ ba?

Đáp: Đầu hết là chỉ tướng tà hạnh; thứ hai là ngăn tà hạnh nhưng chưa nói tướng chánh hạnh; thế nên thứ ba nói tướng chánh hạnh.

* Lại nữa, đầu là tâm chấp trước thủ tướng; thứ hai là phá tướng chấp trước ấy mà không nói thế nào là tướng các pháp; thứ ba phá chấp trước tà và nói thật tướng. Bồ tát nghĩ rằng: Nơi hết thấy chỗ không hiển bày tướng Bát nhã ba la mật; cũng không sinh ngã tâm rằng, ta dùng Bát nhã ba la mật có công việc làm; chỉ biết hết thấy pháp thường trú trong như, pháp tánh, thực tế không tranh cãi. Thế nên nói lần thứ ba, không có lỗi.

(Hết cuốn 77 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 78

GIẢI THÍCH: PHẨM TỊNH NGUYỆN THỨ 64

(Kinh Ma Ha Bát Nhã ghi: Phẩm Nguyện Lạc Tùy Hỷ)

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Vô Phân Biệt Thứ 63)

KINH: Bấy giờ trời Đế Thích nghĩ rằng: Khi Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là đã vượt lên trên hết thấy chúng sinh; huống gì khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh nghe Nhất thiết trí mà tin, còn được thiện lợi, được sống lâu hơn giữa loài người, huống gì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh khác hãy nên tùy nguyện vui mừng.

Khi ấy trời Đế Thích lấy hoa Mạn đà la cõi trời rải lên trên Phật, cất tiếng nói rằng: Do phước đức này, nếu có người cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời khiến người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ trí Nhất thiết chủng, đầy đủ pháp tự nhiên; nếu người cầu Thanh văn, khiến người ấy đầy đủ pháp Thanh văn. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, con trọn không bao giờ sinh một niệm làm cho họ thoái chuyển, cũng không sinh một niệm làm cho họ chuyển trở lại địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Bạch Thế Tôn! Con nguyện các Bồ tát càng tinh tấn gấp bội đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy các chúng sinh chịu khổ não trong đường sinh tử, muốn làm lợi ích an vui cho hết thấy thế gian trời, người, A tu la, đem tâm ấy nguyện rằng: Con đã tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, con đã giải thoát cũng sẽ giải thoát cho người chưa được giải thoát; con đã an ổn cũng sẽ an ổn cho người chưa được an ổn ; con đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ.

Bạch Thế Tôn! Kẻ thiện nam, người thiện nữ sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát mới phát tâm, được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát đã phát tâm lâu ngày được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, được bao nhiêu phước đức? Sinh tâm tùy hỷ đối với công đức của vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo trời Đế Thích: Kiêu thi ca! Thế giới trong bốn châu thiên hạ có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều thi ca! Ba ngàn đại thiên thế giới đều có thể cân lường biết được, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể cân lường.

Này Kiều thi ca! Trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy nước biển, lấy một sợi tóc chẻ làm một trăm phần, lấy một phần sợi tóc chấm lấy nước biển có thể đếm biết số giọt nước bao nhiêu, còn phước đức của tâm tùy hỷ ấy không thể đếm biết được.

Trời Đế Thích bạch Phật rằng: Nếu có chúng sinh không tùy hỷ với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, họ đều là quyến thuộc của ma; các kẻ tâm không tùy hỷ ấy từ trong ma sinh đến, vì sao? Vì các Bồ tát phát tâm tùy hỷ sinh ra để phá cảnh giới ma, thế nên muốn ái kính Tam bảo, nên sinh tâm tùy hỷ; tùy hỷ rồi nên hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không một, không hai tướng.

Phật dạy: Như vậy, như vậy! Kiều thi ca! Nếu có người đối với Bồ tát tùy hỷ và hồi hướng được như vậy, thời thường được gặp Phật, trọn không thấy sắc tướng dữ, trọn không nghe âm thanh dữ, trọn không ngửi mùi hương dữ, trọn không ăn vị dữ, trọn không chạm vật dữ, trọn không theo niệm dữ, trọn không xa lìa Phật; từ một cõi Phật đi đến một cõi Phật, thân cận chư Phật, gieo trồng căn lành, vì sao? Vì kẻ thiện nam, người thiện nữ vì tùy hỷ và hồi hướng với các thiện căn của vô lượng, vô số vị Bồ tát mới phát tâm. Vì thiện căn vô lượng, vô số vị Bồ tát ở đệ Nhị địa, đệ Tam địa cho đến đệ Thập địa và Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật mà tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên của thiện căn ấy, nên chóng gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi độ vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh.

Này Kiều thi ca! Do nhân duyên ấy nên kẻ thiện nam, người thiện nữ đối với thiện căn của Bồ tát mới phát tâm, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm; đối với thiện căn của Bồ tát đã lâu, Bồ tát chẳng thối chuyển, và Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, nên tùy hỷ và hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm, chẳng phải lìa tâm.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Ông thấy tâm ấy như huyễn chẳng? - Thưa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy huyễn, cũng không thấy tâm như huyễn.

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu không có huyễn, không có tâm như huyễn, vậy ông thấy tâm ấy chẳng? - Thừa không, bạch Thế Tôn!

Này Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, ông thấy lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng? - Thừa không, bạch Thế Tôn! Con không thấy lìa huyễn, lìa tâm như huyễn, lại có pháp khác được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không thấy lại có pháp có thể nói hoặc có hoặc không, vì tướng pháp ấy rất ráo lìa, nên không rơi vào có, không rơi vào không. Nếu pháp rất ráo lìa thì không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; không có pháp gì cả, cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì hết thấy pháp không có gì của chính nó, trong ấy không như không sạch. Vì thế nên Bát nhã ba la mật rất ráo lìa; Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật rất ráo lìa tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất ráo lìa. Nếu pháp rất ráo lìa thì không thể tu, không thể hoại. Tu Bát nhã ba la mật cũng không có pháp có thể thủ đắc, vì rất ráo lìa.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã rất ráo lìa, làm sao nhân Bát nhã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rất ráo lìa, trong hai lìa làm sao có sở đắc?

Phật bảo Tu bồ đề: Lành thay, lành thay!

Bát nhã ba la mật rất ráo lìa, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật rất ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng rất ráo lìa. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật rất ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng rất ráo lìa, do vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật chẳng phải rất ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải rất ráo lìa ấy không gọi là Bát nhã ba la mật chẳng phải rất ráo lìa, cho đến trí Nhất thiết chủng chẳng phải rất ráo lìa, ấy không gọi là Bát nhã ba la mật, không gọi là Thiền ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Này Tu bồ đề! Nếu Bát nhã ba la mật rất ráo lìa cho đến trí Nhất thiết chủng rất ráo lìa, do vậy nên chẳng phải nhân Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không vì lìa, được lìa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng chẳng phải nhân Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Ý nghĩa sở hành của Bồ tát rất sâu!

Phật dạy: Như vậy! Ý nghĩa sở hành của Bồ tát rất sâu. Bồ tát làm được việc khó làm, đó là nghĩa sở hành ấy rất sâu mà không chứng quả vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa con theo Phật được nghe sở hành của Bồ tát không là khó, vì sao? Vì Bồ tát không thể thủ chứng được nghĩa ấy, cũng không thủ chứng được Bát nhã, cũng không có người thủ chứng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thầy pháp không thể có được, nghĩa ấy thế nào, có thể thủ chứng? Thế nào là Bát nhã có thể thủ chứng? Thế nào là người thủ chứng? Thủ chứng rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ tát không có sở đắc mà tu Bồ tát hạnh, đối với hết thầy pháp đều được rõ ràng. Bạch đức Thế Tôn! nếu Bồ tát nghe pháp sâu xa, tâm không khinh, không nghi, không sợ, không hãi; ấy gọi là Bồ tát tu Bát nhã ba la mật. Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật không thấy ta tu Bát nhã ba la mật, cũng không thấy đó là Bát nhã ba la mật, cũng không thấy ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì khi Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như hư không, không nghĩ rằng nghĩ rằng có vật cách xa ta hay cách gần ta, vì sao? Vì hư không không có phân biệt.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát tu Bát nhã cũng không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta, vì sao? Vì trong Bát nhã không có phân biệt. Thí như người huyễn hóa không nghĩ rằng: Vị thầy huyễn thuật cách gần ta, người xem huyễn thuật cách xa ta, vì sao? Vì người huyễn hóa không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta. Thí như ảnh tượng trong gương không nghĩ rằng: Gương và tượng cách gần ta, còn cái khác cách xa ta, vì sao? Vì ảnh tượng không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Nhất thiết trí cách gần ta, vì sao? Vì trong Bát nhã không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã không có yêu ghét, vì sao? Vì tự tính Bát nhã không thể có được. Thí như Phật không có yêu ghét, vị Bồ tát tu Bát nhã không có yêu ghét cũng như vậy, vì sao? Vì trong Bát nhã không có yêu ghét. Thí như Phật đã dứt hết thầy ức tướng phân biệt, vị Bồ tát tu Bát nhã cũng như vậy, hết thầy tướng phân biệt dứt, rốt ráo không. Thí như người Phật biến hóa ra, không nghĩ rằng Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta, vì sao? Vì người Phật biến hóa ra không có phân biệt. Vị Bồ tát tu Bát nhã cũng như vậy, không nghĩ rằng: Thanh văn, Bích chi Phật địa cách xa ta, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách gần ta. Thí như có việc

phải làm nên biến hóa làm, việc biến hóa làm không có phân biệt; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, có việc phải làm nên làm, việc ấy thành tựu, nhưng Bát nhã ba la mật không có phân biệt. Thí như người thợ hoặc đệ tử người thợ có việc phải làm nên làm ra người gỗ hoặc trai hay gái, hoặc voi, ngựa, trâu, dê; các loại ấy có thể làm mà cũng không có phân biệt. Bạch Thế Tôn! Bát nhã ba la mật cũng như vậy, có việc phải làm nên nói việc ấy thành tựu mà Bát nhã ba la mật không có phân biệt.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Chỉ Bát nhã ba la mật không có phân biệt hay Thiền ba la mật cho đến Thí ba la mật cũng không có phân biệt?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát: Thiền ba la mật không có phân biệt, cho đến Thí ba la mật cũng không phân biệt.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Sắc không có phân biệt, cho đến thức cũng không có phân biệt; mắt cho đến ý không có phân biệt; sắc cho đến pháp cũng không có phân biệt; mắt, thức, xúc cho đến ý, thức, xúc không có phân biệt; thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo; không, vô tướng, vô tác, Phật mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tính vô vi ... cũng không có phân biệt. Này Tu bồ đề! Nếu sắc không có phân biệt cho đến tính vô vi không có phân biệt; nếu hết thấy pháp không có phân biệt, thời làm sao phân biệt có sáu đường sinh tử là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A tu la; làm sao phân biệt được Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật và chư Phật?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát: Chúng sinh vì điên đảo nên tạo nghiệp thân, miệng, ý; theo chỗ ham muốn nghiệp báo cũ mà thọ thân trong sáu đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, A tu la. Như ông nói làm sao phân biệt có Tu đà hoàn cho đến Phật đạo? Thưa Xá lợi phát, Tu đà hoàn chính là vì không có phân biệt nên có, quả Tu đà hoàn cũng là vì không có phân biệt nên có; cho đến A la hán, quả A la hán, Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, Phật và Phật đạo cũng là vì không có phân biệt nên có. Thưa Xá lợi phát, chư Phật quá khứ cũng là vì không có phân biệt, dứt phân biệt nên có. Vì thế nên biết, tướng hết thấy pháp không có phân biệt, không thể phá hoại, vì các pháp là như như, pháp tính, thật tế. Thưa Xá lợi phát, như vậy Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt; tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt rồi, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có phân biệt.

LUẬN - Khi ấy trời Đế Thích và hội chúng đều vui mừng. Trời Đế Thích nghĩ rằng: Bồ tát khi tu đạo Bồ tát, công đức có được còn hơn hết thầy chúng sinh, huống gì thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Chúng sinh có hai hạng: Hạng phát tâm và hạng chưa phát tâm. Hạng phát tâm Bồ tát hơn hàng chưa phát tâm, vì có sao? Vì hạng ấy gieo trồng nhân duyên về với vô lượng vô thượng Phật pháp, muốn độ chúng sinh khiến lìa khổ được vui, còn chúng sinh khác chỉ cầu cái vui cho mình, muốn đưa cái khổ cho người khác. Do nhân duyên ấy nên người phát tâm hơn.

Hỏi: Các A la hán, Bích chi Phật và người được năm thần thông là người ly dục, còn người phát tâm hoặc chưa ly dục, chỉ mới phát tâm, làm sao hơn được?

Đáp: Việc ấy ở trong phẩm trước đã mỗi mỗi đáp: A la hán tuy đã sạch hết lậu hoặc chẳng bằng Bồ tát mới phát tâm. Thí như thái tử của Chuyển luân Thánh vương tuy ở trong thai đã hơn con của người khác. Lại như thái tử của Quốc vương, tuy chưa lên ngôi đã hơn các đại thần có tước vị giàu sang. Bồ tát phát tâm có hai hạng: một là tu các đạo Bồ tát Ba la mật; hai là chỉ âm thầm phát tâm. Trong đây nói về hàng tu Bồ tát đạo, người ấy tuy việc chưa thành tựu đã có thể hơn hết thầy chúng sinh, huống gì khi thành tựu! Thí như chim A lãng tần già còn ở trong trứng chưa cất tiếng kêu đã hơn các chim khác, huống gì khi ra khỏi trứng cất tiếng kêu! Bồ tát cũng như vậy, tuy chưa thành tựu Phật, tu Bồ tát đạo, còn phát âm thanh nói về thật tướng các pháp, khởi phá các hý luận của ngoại đạo và ma dân, huống gì khi thành Phật. Có người nói: Nếu có người một lần phát tâm nói rằng: "Ta sẽ làm Phật, diệt khổ cho chúng sinh". Người ấy tuy chưa dứt phiền não, chưa làm việc khó làm, mà do nghiệp tâm và miệng mạnh hơn hết thầy chúng sinh. Hết thầy chúng sinh đều tự tìm vui, tự vì mình nên yêu thương thân thích. A la hán, Bích chi Phật tuy không ham cái vui thế gian, nhưng chỉ tự vì diệt khổ cho mình, cầu cái vui Niết bàn, không thể vì chúng sinh, còn Bồ tát tâm sinh miệng nói đều vì hết thầy chúng sinh, cho nên hơn. Thí như có một vị A la hán đủ sáu thần thông, đem theo một Sa di khiến mang y bát ven theo đường mà đi. Sa di suy nghĩ: "Ta sẽ do thừa nào cầu vào Niết bàn? Nghĩ rồi liền phát tâm rằng: Phật là Thế Tôn tối thượng, Ta sẽ do Phật thừa mà vào Niết bàn". Vị thầy biết ý nghĩ của Sa di, liền lấy y bát tự mang lấy, đẩy Sa di đi phía trước. Sa di lại suy nghĩ: "Phật đạo quá khó, phải ở lâu trong sinh tử chịu vô lượng khổ, còn theo Tiểu thừa sớm vào Niết bàn" Vị thầy lại lấy y bát, đẩy lọc nước đưa lại Sa di, khiến mang và bảo đi sau. Cứ như vậy đến lần thứ ba, Sa di thưa với thầy: Tuổi thầy già cả mà sao giống như trẻ con, mới vừa khiến con đi trước, lại bảo con đi sau một cách mau chóng? Vị thầy đáp: Người niệm đầu

phát tâm làm Phật, tâm ấy quý trọng. Theo lẽ, người là thầy ta, người như vậy, các Bích chi Phật còn nên cúng dường, hướng gì A la hán, thế nên ta đẩy người đi trước. Nhưng tâm người trở lại ăn năn, muốn đi theo Tiểu thừa mà chưa thể được, như vậy người cách ta rất xa, thế nên ta khiến người đi sau. Sa di nghe rồi kinh hãi tỉnh ngộ: Thầy ta biết được tâm ta, Ta một lần phát tâm đã hơn A la hán, hướng gì khi được thành tựu! Liên tục phát tâm kiên cố ở trong pháp Đại thừa.

* Lại nữa, hơn là không hẳn trong mọi việc đều hơn, mà chỉ do một lần phát tâm, muốn thành Phật độ chúng sinh, việc ấy là hơn. Các thiên đing, giải thoát còn chưa có được, sao lại nói hơn! Thí như lấy việc bay lượn nói là chim hơn người, còn công đức sẽ được trong tương lai không luận đến. Người Tiểu thừa nói: Cho đến vị Bồ tát còn một đời bồ xứ làm Phật còn không hơn vị Sa di có đủ vô lượng luật nghi. Trong luận Đại thừa hoặc có người nói như vậy: Người có phát tâm Đại thừa, tuy ở trong hàng tiểu nhân xấu ác vẫn hơn người Nhị thừa được giải thoát; ấy gọi là Nhị biên, là Nhị biên ấy gọi là Trung đạo. Nghĩa trung đạo như trên đã nói. Vì nó có nghĩa lý thật nên phải thủ lấy. Thế nên nói khi mới phát tâm đã hơn hết thầy chúng sinh, hướng gì khi thành Phật!

Nghe nói Nhất thiết trí mà tin là được thiện lợi trong loài người. Có người nói sáu Ba la mật là lợi, có người nói quả báo của sáu Ba la mật là lợi, đó là quả báo làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời Đế Thích, Phạm thiên, vua người, vua pháp. Có người nói: Được chẳng thoái chuyển, không đọa đường ác, thường sinh chỗ giàu sang trong cõi người cõi trời. Có người nói: Bồ tát trú nơi quả báo thần thông, đạo khắp mười phương cúng chư Phật, dùng mỗi mỗi phương tiện giáo hóa chúng sinh. Như duyên của việc tín thọ, giáo hóa chúng sinh được các lợi lớn như vậy.

Sống lâu trong hàng sống lâu là chúng sinh có hai mạng sống: 1. Là mạng căn; 2. Là tuệ mạng. Người được tuệ mạng nên nói sống lâu trong hàng sống lâu. Hướng gì phát tâm, người phát tâm là người đáng kính, đáng quý, vì có sao? Vì như trước nói, người ấy có thể bỏ cái vui của riêng mình, đem cái vui đến người khác, không lo mình khổ, mà lo người khác khổ. Bấy giờ trời Đế Thích muốn hiện tướng hoan hỷ, nên lấy hoa Mạn đà la trời (*hoa biểu tượng - N.D*) rải lên trên Phật, như kinh đã nói rộng.

Hỏi: Tội phước không thể đem cho người, tuy muốn cho cũng không được, có sao trời Đế Thích muốn lấy phước đức này khiến người cầu Phật đạo đầy đủ Phật pháp?

Đáp: Tuy không thể cho người nhưng tự làm cho tâm mình tốt, lại trời Đế Thích tỏ bày không đấm trước phước ấy nên đem tâm tùy hỷ cho người cầu Phật đạo; cho người cầu Thanh văn cũng như vậy.

Trời Đế Thích bạch Phật: Tôi tuy được Thanh văn đạo cũng không sanh một niệm, khiến tâm Bồ tát xoay trở lại hướng về Nhị thừa, vì có sao? Vì các Bồ tát thấy chúng sanh chịu khổ trong đường sanh tử, muốn lấy lợi ích hết thảy thế gian nên phát nguyện rằng: Người chưa được độ tôi sẽ độ.

Bấy giờ trong hội chúng có người nghĩ rằng: Nếu như trên nói, tùy hỷ cũng có công đức, vậy tùy hỷ với người mới phát tâm và tùy hỷ với người phát tâm đã lâu có gì sai khác? Trời Đế Thích muốn giải cái nghi đó cho chúng nên hỏi Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tùy hỷ với công đức của Bồ tát mới phát tâm được bao nhiêu phước đức? Như Kinh nói rộng, phước đức ấy vô lượng, vô biên vì gieo vào vô lượng, vô biên ruộng phước, người ta không thể đếm biết được, nên nói thí dụ để giải thích như trong Kinh đã nói rộng. Phước đức của tùy hỷ tuy vô lượng, vô biên nhưng phước đức của tùy hỷ đối với người gần thành Phật đạo càng nhiều hơn. Khi ấy trời Đế Thích hoan hỷ nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có người nghe công đức ấy tâm không tùy hỷ thì đó là ma dân, từ ma trời đi đến, vì có sao? Vì ở cảnh giới ma chứa nhóm ác tâm nên không tùy hỷ. Trong đây nói nhân duyên: Tâm tùy hỷ có thể phá cảnh giới ma, nên người cầu Phật đạo, muốn ái kính Tam Bảo không bỏ, hãy đem tâm tùy hỷ, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chẳng một chẳng hai tướng là không thấy các pháp có tướng nhất định không thuộc nhân duyên, nên nói chẳng một; không phân biệt tâm tùy hỷ với tâm hồi hướng nên nói chẳng hai, vì rốt ráo không. Phật chấp thuận ý của trời Đế Thích, lại khen ngợi công đức tùy hỷ rằng: Người ấy thường nhớ nghĩ tùy hỷ với công đức của mười phương chư Phật nên mau được thấy Phật. Lại do thâm tâm muốn khiến hết thảy chúng sinh lìa khổ được vui, nên qua lại trong đường sanh tử, sáu căn ban sơ không chịu sáu trần xấu ác, về sau thường được sinh ở trước chư Phật. Vì không dứt gieo trồng hạnh thấy Phật. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy đối với vô lượng, vô số vị Bồ tát mới phát tâm, cho đến vô lượng vị Bồ tát còn một đời bồ xứ làm Phật, đều tùy hỷ, nên được quả báo như trên, chóng thành Phật đạo, độ vô lượng vô số chúng sinh.

* Lại nữa, Kiêu thi ca! Bồ tát ấy như phước đức ấy mà hồi hướng đúng như pháp thật tướng ở trong thật tướng tâm không thể có được, nên nói chẳng phải

tâm, cũng chẳng lìa tâm. Như trên nói ý nghĩa chẳng một, chẳng hai vì sự việc có khác nên lại nói thêm.

Tu bỏ đề nghe xong, chấp lấy tướng tâm không, không có, để gạn hỏi Phật; tâm ấy chẳng phải tâm không, không có gì như huyền, làm sao có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phật hỏi ngược lại Tu bỏ đề: Ông thấy tâm không ấy có định tướng như huyền chẳng? Tu bỏ đề nghĩ rằng: Nếu tâm không, như huyền làm sao thấy được? Nếu thấy được thì chẳng phải không, thế nên đáp rằng: Không phải. Phật dạy: Tâm nếu không, không có gì, ông thấy trong ấy có hý luận nói hoặc có hoặc không chẳng? Đáp, không. Lìa tâm không, không có gì, như huyền ấy, ông lại thấy có pháp có thể được đạo Vô thượng chẳng? Đáp: Không thấy. Không thấy, không thể có được nên đâu có pháp hoặc có hoặc không, vì sao? Vì hết thấy pháp rất ráo lìa tướng, rất ráo không, nên không rơi vào có không; nếu pháp không rơi vào có không, thì pháp ấy rất ráo không có gì của chính nó, không thể được đạo Vô thượng. Do nhân duyên ấy nên Bát nhã ba la mật rất ráo lìa tướng, thấy có thấy không, cả hai đều có lỗi. Thiền ba la mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rất ráo lìa tướng như vậy. Nếu pháp rất ráo lìa tướng, thì không thể thấy được, không thể tu được, không thể chứng được. Tu pháp ấy lại không có sở đắc, vì rất ráo lìa tướng. Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật rất ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất ráo lìa tướng, thì làm sao do rất ráo lìa tướng, được rất ráo lìa tướng? Nếu một pháp rất ráo lìa tướng còn không thể có được, huống gì hai pháp lìa tướng. Thí như lấy ngón tay chạm hư không, vì hư không không có chạm được nên ngón tay không thể chạm, huống gì cả hai đều không có chạm, cũng như hư không, như Niết bàn.

Bát nhã ba la mật rất ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất ráo lìa tướng thì làm sao dùng lìa tướng được lìa tướng? Phật biết Tu bỏ đề nói theo thật tướng các pháp, nên chấp nhận lời ấy rằng: Lành thay! Lành thay! Liền nói nhân duyên: Nay Tu bỏ đề! nếu Bát nhã ba la mật rất ráo lìa tướng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất ráo lìa tướng, do nhân duyên ấy nên có thể được lìa tướng, vì sao? Vì nếu một pháp nhất định có tướng chẳng phải không thì đó là tướng pháp thường chẳng sinh, từ vị lai đến hiện tại, từ hiện tại đến quá khứ. Nếu không có tướng thật sinh thì không có tướng thật diệt; nếu không sinh diệt, thì không có Tứ đế; nếu không có Tứ đế thì không có Pháp bảo; Pháp bảo không có nên cũng không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì Pháp bảo tức Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; nếu không có Pháp bảo, thì không có Phật bảo, nếu không có Phật pháp, thì không có Tăng bảo; nếu

không có Tam bảo, thời không có hết thầy các pháp, có các tội lỗi như vậy. Rốt ráo lìa tướng, thời thông suốt không chướng ngại. Nếu nói rốt ráo lìa tướng nên biết cũng lìa không; nếu chẳng lìa không thời chẳng gọi rốt ráo lìa tướng. Thế nên Kinh nói: Vì nói Bát nhã ba la mật rốt ráo lìa tướng nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy chẳng lìa Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng do hai lìa tướng mà được hai lìa tướng, vì rốt ráo không, không nên nạn hỏi.

Tu Bồ đề biết Phật nói tướng thậm thâm nên bạch Phật rằng: Nếu Bồ tát tu hành được như vậy là tu hành theo nghĩa thậm thâm. Phật chấp nhận lời ấy rằng: Bồ tát có thể làm việc khó làm, có thể tu theo nghĩa thậm thâm như vậy mà không chứng quả Nhị thừa, vì có sao? Vì Bồ tát nhất tâm dùng lợi trí thâm nhập vào "không" mà không chứng Niết bàn, ấy là việc khó. Tu Bồ đề thưa: Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói, việc ấy không khó, vì sao? Vì người ấy không nắm bắt được tướng nhất định của nghĩa thậm thâm có thể thủ chứng, không nắm bắt được tướng Bát nhã ba la mật, không nắm bắt được tướng người chứng, thời ai sẽ do nghĩa thậm thâm để thủ chứng. Nếu không thủ chứng thậm thâm ấy, thời ai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy gọi là Bồ tát tu hành không có đắc gì; tu đạo ấy thời soi rõ hết thầy pháp.

Hỏi: Phật nói rằng khó, Tu Bồ đề nói rằng không khó, nghĩa của thầy và đệ tử phải đồng nhau, có sao lại trái nhau?

Đáp: Phật theo nghĩa Thế đế nên nói khó; Tu Bồ đề theo đệ nhất nghĩa nên nói không khó; Phật nói Bồ tát được nghĩa thậm thâm; Tu Bồ đề nói Bồ tát không được nghĩa thậm thâm. Phật cho rằng: Tu Bồ đề vì chúng sinh nên nói: Có người nghe việc khó thời phát tâm nên nói là khó, có người nghe việc khó mà thoái thất nên nói không khó, ấy gọi là Bồ tát hành hạnh không có đắc gì. Trú trong hạnh ấy, thông suốt hết thầy pháp không chướng ngại. Tu Bồ đề nói: Nếu Bồ tát nghe nói Bồ tát rốt ráo lìa tướng như vậy, không có pháp khả chứng, không có người thủ chứng, cũng không có Bát nhã và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không kinh, không nghi, thông suốt không chướng ngại, ấy gọi là tu Bát nhã ba la mật. Người tu Bát nhã ba la mật gọi là chơn hành, thâm hành, vì sao? Vì Bồ tát ấy không thấy Bát nhã ba la mật, cũng không thấy ta tu Bát nhã ba la mật, không thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thấy do pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều không có phân biệt. Bồ tát ấy an trú trong thật tướng các pháp, nên không khởi tâm phân biệt rằng: Nhị thừa cách xa ta, Phật đạo cách gần ta. Trong đây nói thí dụ hư không là để rõ

nghĩa rất ráo không. Bát nhã ba la mật tuy không nhưng nếu có chỗ tu hành có thể thành việc ấy. Thí như người gỗ, tùy ý làm việc gì đều có thể làm được.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Chỉ Bát nhã ba la mật không có phân biệt hay các Ba la mật khác cũng không có phân biệt? Nếu chỉ Bát nhã ba la mật không, không có phân biệt thì các Ba la mật khác lẽ đáng là có tướng, vậy thời Bồ tát đạo có chỗ khác biệt không bình đẳng, lại trong phẩm đầu nói khi tu Thí ba la mật, không có người thí, người nhận, cũng không có tài vật, làm sao nói khác. Nếu cả năm Ba la mật đều không, thì không có phân biệt, không có sáu tên gọi khác nhau cũng không thể tu hành.

Tu bồ đề đáp: Năm Ba la mật cũng không, không có phân biệt, nhưng đối với người mới phát tâm, chưa được vô sanh pháp nhãn thời có phân biệt. Thí như bốn sông khi chưa hội về biển cả thời có tên gọi riêng, khi đã vào biển cả thời không có sai biệt, Bồ tát cũng như vậy, theo Tục đế thời có sai biệt, theo Đế nhất nghĩa đế thời không có sai biệt.

Xá lợi phát hỏi: Sắc, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và tính vô vi cũng không có phân biệt. Nếu pháp ấy không, không có sai biệt làm sao có sáu đạo chúng sinh sai biệt, làm sao có phân biệt Tu đà hoàn cho đến Phật đạo?

Tu bồ đề đáp: Các pháp tuy rất ráo không, không có phân biệt, mà vì tâm chúng cuồng si điên đảo khởi lên thân, khẩu, ý nghiệp, theo nghiệp thọ báo thân, chính tham dục là gốc, chỉ vì tham dục bức bách nên sanh tâm chấp trước, chứ các pháp không có định tướng. Nghiệp quả báo là sáu nẻo luân hồi. Do vậy nên biết không, không có phân biệt, ấy là gốc thật, chỉ vì điên đảo không thật, nên có sáu nẻo luân hồi sai khác. Lại các bậc Hiền thánh Tu đà hoàn v.v... cũng như pháp rất ráo không, không có phân biệt mà xuất sinh, nghĩa là do dứt ba kiết sử chúng quả Tu đà hoàn, ba kiết sử tức là điên đảo, biết điên đảo trừ hết gọi là dứt, dứt tức là không, không có phân biệt. Theo Thế đế nên giả gọi là người, chúng được pháp ấy nên gọi là Tu đà hoàn. Thế nên biết, người Tu đà hoàn và quả Tu đà hoàn rất ráo không, không có phân biệt; cho đến Phật và Phật đạo cũng như vậy. Trong đây, nói nhân duyên, chẳng phải chỉ hiện tại không có phân biệt mà chư Phật quá khứ nhiều như cát sông Hằng do hết thấy phân biệt đều dứt, nên vào Vô dư Niết bàn, không có một tí pháp có định tướng có thể phân biệt. Hết thấy pháp rất ráo không, vì vào cửa như, pháp tánh, thực tế, thế nên nói pháp nhân duyên thậm thâm, vì vào ba cửa ấy. Bồ tát nên tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt như vậy, tu Bát nhã ba la mật không có phân biệt, nên chúng được pháp không có phân biệt đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cuốn 79

GIẢI THÍCH PHẨM CHÚC LUY THỨ 66

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Thật Ngữ Thứ 65)

KINH: Bảy giờ trời Đế thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói như vậy, đáp như vậy là thuận theo pháp chăng? là đáp đúng chăng? Phật bảo trời Đế thích: Này Kiều thi ca! Lời ông nói và đáp đều thuận theo pháp.

Trời Đế thích thưa: Hy hữu thay! Điều Tu bồ đề vui nói đều là nói về không, vô tướng, vô tác, bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo trời Đế thích: Tỳ kheo Tu bồ đề trong khi tu hạnh "Không", Thí ba la mật còn không thể có được, hưởng gì người hành Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật còn không thể có được, hưởng gì người hành Bát nhã ba la mật. Bốn niệm xứ không thể có được, hưởng gì người tu bốn niệm xứ; cho đến tám phần Thánh đạo không thể có được, hưởng gì người tu tám phần Thánh đạo; thiền, giải thoát, tam muội, định không thể có được, hưởng gì người tu thiền, giải thoát, tam muội, định; mười lực của Phật không thể có được, hưởng gì người tu mười lực của Phật; bốn việc không sợ không thể có được, hưởng gì người được bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại không thể có được, hưởng gì người được bốn trí vô ngại; đại từ, đại bi không thể có được, hưởng gì người thực hành đại từ bi, mười tám pháp không chung không thể có được, hưởng gì người được mười tám pháp không chung; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được, hưởng gì người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; Nhất thiết trí, Như lai không thể có được, hưởng gì người sẽ làm Như lai; pháp vô sinh không thể có được, hưởng gì người chứng pháp vô sinh; ba mươi hai tướng không thể có được, hưởng gì người được ba mươi hai tướng; tám mươi vẻ đẹp tùy hình không thể có được, hưởng gì người được tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Vì có sao? Này Kiều thi ca! Vì Tỳ kheo Tu bồ đề đối với hết thấy pháp tu hạnh ly tướng, đối với hết thấy pháp tu hạnh không có sở đắc, đối với hết thấy pháp tu hạnh không, đối với hết thấy pháp tu hạnh vô tướng, đối với hết thấy pháp tu hạnh vô tác, đó là sở hành của Tỳ kheo Tu bồ đề, muốn sánh với Bồ tát tu hạnh Bát nhã ba la mật trăm phần không kịp một; ngàn, vạn, ức phần cho đến toán số thí dụ không thể sánh kịp, vì sao? Vì trừ Phật hạnh, Bồ tát ấy hành Bát nhã ba la mật đối với các hành của Thanh văn, Bích chi Phật là tối tôn, tối diệu, tối thượng. Vì thế, nên Bồ tát muốn được tối thượng đối với chúng sinh hãy nên tu hành Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật đã vượt quá Thanh văn, Bích

chi Phật mà vào Bồ tát vị, đầy đủ được Phật pháp, được trí Nhất thiết chủng, dứt hết tập khí phiền não, thành Phật.

Trong hội chúng, trời Ba mươi ba lấy hoa trời Mạn đà la rải lên trên Phật và Tăng. Khi ấy 800 Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy lấy hoa rải lên Phật, trạc áo vai phải chấp tay, gối phải quỳ sát đất, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con sẽ tu hạnh vô thượng ấy, hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể tu được. Bấy giờ Phật biết tâm hạnh của các Tỳ kheo bèn mỉm cười. Như pháp của chư Phật có các thứ ánh sáng đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồ thủy, từ miệng Phật phóng ra chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại vào trên đỉnh Phật.

Bấy giờ A nan trịch áo vai bên phải, gối phải quỳ sát đất bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nhân duyên gì nên mỉm cười, chư Phật chẳng vì không có nhân duyên mà cười.

Phật bảo A nan: Tám trăm Tỳ kheo ấy vào kiếp Tinh tú sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Phật ấy đều có danh hiệu Tấn Hoa. Chúng Tỳ kheo Tăng, cõi nước thọ mạng đều đồng nhau, mỗi mỗi trải qua 10 vạn năm, xuất gia làm Phật. Khi ấy các cõi nước thường có mưa hoa trời năm sắc. Vì thế nên Bồ tát muốn tu hạnh tối thượng hãy nên tu Bát nhã ba la mật.

Phật bảo A nan: Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ tu được Bát nhã ba la mật thậm thâm, nên biết Bồ tát ấy đã chết từ trong cõi người và sinh đến đây; hoặc chết ở cõi trời Đâu suất lại sinh đến đây; hoặc ở trong cõi người, hoặc ở trên cõi trời Đâu suất, khi ấy đã rộng nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm. Nay A nan, ta thấy các Bồ tát ấy tu được Bát nhã ba la mật thậm thâm.

Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, thọ trì, đọc tụng, thân cận, nhớ nghĩ đúng, trở lại đem Bát nhã ba la mật dạy người tu đạo Bồ tát, nên biết Bồ tát ấy từng đối diện trước Phật nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến thân cận và gieo trồng căn lành ở chỗ Phật. Kẻ thiện nam người thiện nữ sẽ nghĩ rằng: Chúng ta chẳng phải gieo trồng căn lành đối với Thanh văn, cũng chẳng từ Thanh văn nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm. Nay A nan, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, đọc tụng, thân cận, tu theo nghĩa, theo pháp, nên biết kẻ thiện nam người thiện nữ ấy mặt từng thấy Phật. Nay A nan, nếu có kẻ thiện nam người thiện nữ nghe Bát nhã ba la mật thậm thâm, tín tâm thanh tịnh không thể phá

hoại, nên biết kẻ thiện nam người thiện nữ ấy từng cúng dường Phật, trồng căn lành, đắc ý với thiện tri thức.

Này A nan! Ở nơi ruộng phước của chư Phật trồng căn lành, tuy không hư dối nhưng phải được Thanh văn, Bích chi Phật và Phật mới được giải thoát, nên phải rõ ràng, sâu xa tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng. Nếu Bồ tát rõ ràng, sâu xa tu sáu Ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng, người ấy nếu trụ vào Thanh văn, Bích chi Phật đạo mà không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy. Thế nên A nan! Ta đem Bát nhã ba la mật phó chúc nơi ông, nếu ông thọ trì hết thầy pháp, trừ Bát nhã ba la mật hoặc quên, hoặc mất, lỗi ấy nhỏ nhặt không có tội lớn. Nếu ông thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm nếu quên mất một câu, lỗi ấy rất lớn. Nếu ông thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, sau trở lại quên mất, tội ấy rất nhiều. Thế nên A nan! Ta phó chúc nơi ông Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, ông hãy khéo thọ trì, đọc tụng cho thông suốt. Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, thời là thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này A nan! Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ hiện tại, muốn cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường Ta hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, y phục, phan lọng, hãy nên thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, thuyết giảng, thân cận, cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường hoa hương cho đến phan lọng. Này A nan! Cúng dường Bát nhã ba la mật là đã cúng dường Ta và cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ, nghe nói Bát nhã ba la mật thậm thâm, tín tâm thanh tịnh cung kính, thời là đã tín tâm thanh tịnh cung kính, ưa thích chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Này A nan! Ông ưa thích Phật không rời bỏ, nên ưa thích Bát nhã ba la mật chớ rời bỏ. Bát nhã ba la mật thậm thâm cho đến một câu không nên quên mất.

Này A nan! Ta nói nhân duyên phú chúc rất nhiều, nay chỉ lược nói: Như Ta là Thế Tôn; Bát nhã ba la mật cũng là Thế Tôn. Thế nên có nhiều nhân duyên Ta phó chúc cho ông Bát nhã ba la mật. Này A nan! Nay Ta ở giữa hết thầy thế gian, trời, người, A tu la mà phó chúc cho ông. Những ai muốn không bỏ Phật, không bỏ pháp, không bỏ tăng, không bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thời hãy cẩn thận chớ bỏ Bát nhã ba la mật. Đó là điều Ta giáo hóa đệ tử. Nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại vì người khác mỗi mỗi nói rộng nghĩa ấy; khai thị, diễn giảng, phân biệt làm cho dễ hiểu, kẻ thiện nam, người thiện nữ ấy chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

chóng gần Nhất thiết trí, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật quá khứ, vị lai đều từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh. Nay Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật hiện tại ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng từ Bát nhã ba la mật xuất sinh. Thế nên các Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên học sáu Ba la mật, vì sáu Ba la mật là mẹ của Bồ tát, xuất sinh các Bồ tát. Nếu có Bồ tát học sáu Ba la mật thời đều sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Ta một lần nữa đem sáu Ba la mật phó chúc cho ông. Nay A nan! Sáu Ba la mật ấy là pháp tạng vô tận của chư Phật. Mười phương chư Phật hiện tại thuyết pháp đều từ pháp tạng sáu Ba la mật xuất sinh; chư Phật quá khứ cũng từ trong sáu Ba la mật tu học, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai cũng từ trong sáu Ba la mật tu học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đệ tử của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ trong sáu Ba la mật tu học mà diệt độ, đã được, nay được và sẽ diệt độ.

Này A nan! Ông là hạng Thanh văn mà thuyết pháp khiến cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều chứng được quả A la hán, vẫn chưa phải là việc của đệ tử Ta; nếu ông đem một câu tương ưng với Bát nhã ba la mật dạy hàng Bồ tát, thời là làm việc của đệ tử Ta, Ta cũng hoan hỷ hơn là dạy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, khiến chứng được quả A la hán.

* Lại nữa, này A nan! Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới chẳng trước, chẳng sau, cùng trong một lúc đều chứng được quả A la hán. Các A la hán ấy tu công đức bố thí, trì giới, thiền định, công đức ấy nhiều chăng? - A nan thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Phật dạy: Này A nan! Chẳng bằng đệ tử đem pháp tương ưng với Bát nhã ba la mật giảng nói cho Bồ tát cho đến chỉ một ngày, phước rất nhiều. Không kể một ngày, chỉ nửa ngày; không kể nửa ngày, chỉ khoảng một bữa ăn, chỉ trong một lát giảng nói, phước kia rất nhiều, vì sao? Vì trồng căn lành của Bồ tát hơn hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát tự mình muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng khai thị giáo hóa lợi ích vui mừng cho người khác khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. này A nan! Bồ tát tu sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến trí Nhất thiết chủng như vậy, tăng ích căn lành, nếu không được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời không có lẽ ấy.

Khi nói phẩm Bát nhã ba la mật, Phật ở trước bốn chúng đệ tử và trời, người, rồng, quỷ, thần, Khẩn na la, Ma hầu la già biến hóa thần thông khiến đại chúng đều thấy Phật A súc, với chúng Tỳ kheo Tăng vây quanh Phật nghe thuyết

pháp, đại chúng nhiều như biển cả, đều là A la hán sạch hết lậu hoặc, không còn phiền não, đều được tự tại, được hảo giải thoát, tâm giải thoát, tuệ giải thoát; tâm kia điều hòa nhu nhuyễn như voi lớn; việc cần làm đã làm xong, chóng được lợi mình, sạch hết các thứ kiết sử ba cõi, chánh trí, được giải thoát; được tự tại đối với hết thảy tâm tâm số pháp, và thành tựu vô lượng công đức của các Bồ tát.

Bấy giờ Phật thu nhiếp thần túc, đại chúng không còn thấy Phật A súc, hàng Thanh văn, Bồ tát và cõi nước kia cũng không còn đối hiện trước mắt, vì sao? Vì Phật đã thu nhiếp thần túc.

Bấy giờ Phật bảo A nan: Hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau; như Phật A súc, đệ tử, Bồ tát cõi nước không đối hiện trước mắt. Như vậy, hết thảy pháp không đối hiện trước mắt, pháp pháp không thấy nhau, pháp pháp không biết nhau, vì sao? Vì hết thảy pháp không có biết, không có thấy, không có tác, không có động, không thể nắm bắt, không thể nghĩ bàn, như người huyễn hóa, không có thọ, không có giác, không có chơn thật. Bồ tát tu như vậy là tu Bát nhã ba la mật, cũng không nhiễm đắm các pháp. Bồ tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật. Muốn được các Ba la mật nên học Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì học như vậy là đệ nhất học, tối thượng học, vi diệu học. Học như vậy sẽ lợi ích, an vui cho thế gian, làm nơi cứu hộ cho người không ai cứu hộ. Ấy là sở học của chư Phật, chư Phật ở trong học ấy có thể dùng cánh tay phải cất ba ngàn đại thiên thế giới lên, đem để lại chỗ cũ mà chúng sinh ở trong đó không ai hay biết, vì sao? Vì chư Phật học Bát nhã ba la mật được thí vô ngại, thấy pháp quá khứ, vị lai, hiện tại. Nay A nan! Bát nhã ba la mật là tối tôn đệ nhất, vi diệu vô thượng giữa các môn học. Nếu có người muốn biết được bờ mé Bát nhã ba la mật là không khác gì muốn biết bờ mé hư không, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có hạn lượng, danh nhân, cú thân, văn thân là có lượng; Bát nhã ba la mật không có hạn lượng.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật vì sao không có hạn lượng?

Phật bảo A nan: Vì Bát nhã ba la mật không có tận, không có cùng tận nên không có hạn lượng; vì Bát nhã ba la mật lìa tướng nên không có hạn lượng. Nay A nan! Chư Phật quá khứ đều học Bát nhã ba la mật ấy mà được độ, vì Bát nhã ba la mật nên không cùng tận; chư Phật vị lai cũng học Bát nhã ba la mật mà được độ, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận; mười phương chư Phật hiện tại đều học Bát nhã ba la mật mà được độ, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận.

Đã không tận, nay không tận, sẽ không tận, Này A nan! Muốn tận Bát nhã ba la mật chẳng khác gì muốn tận hư không. Bát nhã ba la mật không thể tận, nay không tận và sẽ không tận. Thiên ba la mật cho đến Thí ba la mật không thể tận, nay không tận, sẽ không tận, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì hết thầy pháp đều vô sinh, nếu pháp vô sinh làm sao có cùng tận!

Bấy giờ, Phật hiện tướng lười rộng dài bảo A nan: Từ ngày nay nên ở giữa bốn chúng diễn rộng, mở bày, phân biệt Bát nhã ba la mật, làm cho rõ ràng, dễ hiểu, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật thậm thâm, nói rộng các pháp tướng. Người cầu Thanh văn, Bích chi Phật, người cầu Phật đạo đều nên học trong đó, học rồi đều được thành tựu. Này A nan! Bát nhã ba la mật thậm thâm là cửa ngõ của hết thầy chữ, tu Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể vào môn đà la ni; các Bồ tát học môn đà la ni ấy được biện tài lạc thuyết (*nghĩa là tài biện luận vui vẻ, giảng nói và làm cho người ta vui vẻ - ND*). Này A nan! Bát nhã ba la mật là diệu pháp của chư Phật ba đời, thế nên Ta vì ông mỗi mỗi nói ra rõ ràng. Nếu có người thọ trì Bát nhã ba la mật thậm thâm, đọc tụng, thân cận, thời người ấy có thể thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật. Này A nan! Ta nói Bát nhã ba la mật là đôi chân của người tu; ông thọ trì Bát nhã ba la mật đà la ni (Tổng trì) thời thọ trì được hết thầy pháp.

LUẬN: Hỏi: Trời Đế Thích có sao nghi lời mình nói rằng: Tôi nói là thuận theo pháp và đáp đúng đắn chẳng?

Đáp: Trời Đế Thích chẳng phải là người Nhất thiết trí, tuy được đạo quả ban đầu mà ba độc tham, sân, si chưa hết, nên còn có sai lầm mà tự suy lường: Ta tuy có nhân duyên phước đức làm chúa tể chư thiên, tuy được ý vị của Thánh đạo mà chưa có Nhất thiết trí, hết thầy lậu hoặc chưa hết, nên nói ra có thể sai lầm, không tự giác tri, vì thế nên hỏi.

* Lại nữa, trong chúng có nhiều vị Bồ tát chẳng thoái chuyển, vị A la hán sạch hết lậu hoặc và hàng chư thiên ly dục, thấy Phật và Tu bồ đề với trời Đế Thích cùng nhau vấn nạn tâm không khiếm nhược, liền nghĩ rằng: Trời Đế Thích lậu hoặc còn chưa hết, làm sao có thể vấn nạn đến cùng tận bờ mé các pháp. Vì việc ấy nên trời Đế Thích hỏi Phật.

* Lại nữa, trời Đế Thích tự biết mình nói các pháp tướng không có sai trái, cầu Phật ấn chứng khiến người nghe tin thọ, nên Phật liền chấp thuận.

Hỏi: Có gì Phật chấp thuận lời trời Đế Thích nói?

Đáp: Tròi Đế thích tuy chẳng phải là người Nhất thiết trí, nhưng vì thường theo Phật nghe pháp, có sức đọc tụng mạnh nên nói ra có lý, Phật bèn chấp thuận. Phật nói có ba thứ tuệ: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Người có văn tuệ, tư tuệ sáng suốt nên có thể cùng người có tu tuệ vấn nạn; thí như có thuyền đi theo dòng nước, không tự dùng sức mà mau hơn đi bộ; như A nan tuy chưa lìa dục, chưa được thiền định thâm sâu mà có thể cùng với Phật và các vị A la hán đã sạch hết lậu hoặc luận nghị, thuận theo pháp không trái.

Tròi Đế thích bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Tu bồ đề ưa nói về không, khéo nói về không, là bậc tối đệ nhất giữa hàng đệ tử Phật, có nói gì cũng đều hướng về không, vô tướng, vô tác; nghĩa là, nói pháp bốn niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều là nhân duyên hòa hợp rốt ráo không. Phật nói với tròi Đế thích: Tu bồ đề là người tu về "rốt ráo không", đời đời tu tập, chẳng phải chỉ đời nay, ông ấy do pháp môn "không giải thoát" mà vào đạo, cũng lấy pháp môn ấy giáo hóa chúng sinh. Ông ấy nếu vào pháp "không" thâm diệu, còn không thấy các pháp, hướng gì thấy có người tu pháp ấy? Như kinh nói: Thí ba la mật không thể có được, hướng gì người tu thí cho đến tám mươi vẻ đẹp tùy hình. Tu bồ đề tu hạnh "không", muốn so sánh với Bồ tát tu hạnh "không", trăm phần chẳng kịp một.

Hỏi: Pháp Không, chúng sinh không, lại còn cái gì không cùng tận mà nói trăm phần chẳng kịp một?

Đáp: Phật dạy: Trừ Phật ra, các Thanh văn, Bích chi Phật không có ai bằng Bồ tát. Thật tướng các pháp có nhiều tên gọi, hoặc gọi là không, hoặc gọi rốt ráo không, hoặc gọi Bát nhã ba la mật, hoặc gọi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn trong đây gọi thật tướng các pháp là Không hành. Như giữa hết thảy các đệ tử Thanh văn, Tu bồ đề tu "không" hành hơn hết. Như vậy, trừ Phật, các Bồ tát tu Không hành hơn Nhị thừa, vì sao? Vì trí tuệ có lợi độ mà thâm nhập có sâu cạn, nên tuy đều gọi là được thật tướng các pháp, nhưng người lợi căn thì được rõ ràng hơn. Thí như muốn phá bóng tối nên đốt đèn, lại có đèn lớn thì ánh sáng càng tỏ hơn. Nên biết, ngọn đèn trước tuy chiếu sáng nhưng bóng tối li ti không hết được; nếu hết được thì ngọn đèn sau trở thành vô dụng. Người tu về Không hạnh cũng như vậy, tuy đều được đạo, song vì trí tuệ có lợi độ nên vô minh có diệt hết và diệt không hết, duy chỉ có trí tuệ Phật mới diệt hết các vô minh.

* Lại nữa, hàng Thanh văn, Bích chi Phật không có tâm từ bi, không có tâm độ sinh, không có ý nguyện nghiêm tịnh cõi Phật, không có vô lượng Phật pháp,

không có chuyển pháp luân độ chúng sinh, cũng không vào Vô dư Niết bàn cho đến không có tâm nguyện lưu lại giáo pháp để độ sinh; không có tâm ba đời độ sinh, là thời kỳ làm Bồ tát, thời kỳ làm Phật và thời kỳ diệt độ, nên chẳng phải chỉ do tu Không hạnh mà bằng Bồ tát được.

* Lại nữa, hàng Nhị thừa ngộ "Không" còn có phân lượng; chư Phật, Bồ tát không có phân lượng; giống như người khát uống nước sông, chẳng qua uống vừa đủ, vậy đâu được nói đều tu Không hạnh mà không thể có sai khác! Lại, như chỗ trống của lỗ chân lông, muốn đem so với lỗ trống giữa mười phương, không có lẽ ấy. Thế nên, Thanh văn so với Phật và Bồ tát ngàn vạn ức phần không kịp một. Phật phân biệt các lỗi tu Không hạnh ấy rồi bảo Đế Thích rằng: Nếu muốn tối thượng giữa hết thảy chúng sinh, nên tu Bát nhã ba la mật. Trong đây, Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát học Không hạnh của Bát nhã ba la mật vì không chấp thủ tướng không, nên hơn Nhị thừa, được vào pháp vô sinh nhập vào Bồ tát vị. Vì vào Bồ tát vị nên được đầy đủ Phật pháp. Phật pháp là Bồ tát đạo, Bồ tát đạo đầy đủ nên được trí Nhất thiết chủng; được trí Nhất thiết chủng nên gọi là Phật, người dứt các phiền não tập khí. Các việc ấy đều lấy Không hạnh làm gốc.

Hỏi: Niết bàn là vô lượng, có sao nói Niết bàn của Nhị thừa chúng được có lượng?

Đáp: Nói trí tuệ có phân lượng chứ không nói thật tánh các pháp có phân lượng. Không nghe nói thí dụ nước lớn ư? Đò đựng có lượng, chẳng phải nước có lượng.

* Lại nữa, lượng, vô lượng đối đãi nhau, đối với người phàm là vô lượng, đối với Phật đều lượng được hết. Ngang bấy nhiêu phần cho đến ngang bấy nhiêu phần là A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, còn lại bao nhiêu phần pháp tính rốt ráo khác là Phật.

Bấy giờ chư thiên ở trong hội chúng lấy hoa trời Mạn đà la rải lên Phật như trong kinh văn nói.

Hỏi: Hoa cúng dường Phật và Tăng, có sao 800 Tỳ kheo đây chỉ lấy cúng dường Phật?

Đáp: Hoa của chư thiên rải, các Tỳ kheo được phần hoa rơi trên áo mình, thấy sắc hương của nó rất tuyệt diệu, nhân đó phát tâm đem cúng dường Phật, bạch rằng: Tôi từ nay sẽ tu hạnh vô thượng ấy, nghĩa là tu rốt ráo không, vô tướng, vô

tác, vì độ hết thầy chúng sinh, nên hàng Nhị thừa không sánh kịp như Phật đã nói.

Bấy giờ Phật mỉm cười như đã nói trong phẩm "Hàng già đẽ bà", 800 Tỷ kheo ấy là thiện tri thức của nhau, hạnh đồng, tâm đồng, đời đời cùng nhau tu tập công đức nên cùng một lúc được làm Phật, đồng một danh hiệu. Do lấy hoa trời năm sắc cúng Phật nên trong cõi nước thường mưa hoa trời Mạn đà la đủ năm sắc. Phật nhân việc ấy tán thán Bát nhã rằng: Người muốn hành đạo Bồ tát tối thượng, hãy hành Bát nhã ba la mật.

Này A nan! Nếu có kẻ thiện nam tu Bát nhã ba la mật thậm thâm ấy, nên biết người ấy đến từ trong nhân đạo, hoặc từ trên trời Đâu suất, vì có sao? Vì trong ba đường ác tội khổ nhiều, không tu Bát nhã thậm thâm được. Trời ở cõi Dục say đắm năm dục tịnh diệu tâm cuồng hoặc, không thể tu, trời cõi Sắc đắm say hương vị thiền định nên không thể tu; cõi Vô sắc không có hình tướng nên không thể tu; quỷ thần có đạo nhãn, căn lợi, vì bị phiền não che tâm nên không thể chuyên tu Bát nhã thậm thâm; chỉ trong nhân đạo khổ ít hơn ba đường ác, vui, không bằng chư thiên; các căn mắt, tai ... ô trược nặng nề, thân phần nhiều thuộc địa đạ, nên có thể chế phục ý khổ vui mà thực hành Bát nhã. Trên trời Đâu suất thường có vị Bồ tát còn một đời bổ xứ làm Phật, chư thiên cõi trời kia thường nghe Bồ tát ấy thuyết Bát nhã nên cái vui ngũ dục tuy nhiều, mà có pháp lực mạnh hơn; thế nên nói đến từ hai nơi; hoặc đến từ cõi Phật ở phương khác hoặc đến từ cõi này, nơi có Bát nhã ba la mật.

* Lại nữa, A nan! Nếu có người cầu Phật đạo, có thể hỏi, có thể tin, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết người ấy Phật thường dùng Phật nhãn trông thấy. Người ấy nên nghĩ rằng: Chúng ta trực tiếp theo Phật thọ trì, theo Phật phát tâm, gieo trồng căn lành, chứ không từ nơi Nhị thừa. Này A nan! Nếu có người tín tâm thanh tịnh không thể phá hoại, nên biết người ấy từng cúng dường vô lượng chư Phật, được thiện tri thức thủ hộ, nên có thể thọ trì.

Hỏi: Phật cũng gọi là báu, cũng gọi là ruộng phước vô thượng; nếu người theo Phật trồng căn lành, chắc chắn do pháp ba thừa mà vào Niết bàn không hư dối; như trong kinh Pháp hoa nói: Có người hoặc lấy một cành hoa, hoặc lấy ít hương cúng dường Phật, cho đến một lần xưng "Nam mô Phật". Những người như vậy đều sẽ thành Phật. Nếu như vậy có người nghĩ rằng: Chỉ cần tu năm Ba la mật, khi muốn làm Phật mới quán Không, cần gì thường tu Bát nhã ba la mật khó biết, khó được Không hạnh?

Đáp: Do việc ấy nên Phật tự đáp với A nan: Nơi ruộng phước của Phật tuy không hư dối nhưng cần phải được pháp ba thừa vào Niết bàn, phải nên rõ ràng tu sáu Ba la mật cho đến rõ ràng tu trí Nhất thiết chủng, mới chóng được thành Phật đạo, chịu khổ sinh tử không còn lâu. Bát nhã có công đức, lợi ích như vậy nên cần phải học.

Này A nan! Vì Bát nhã có công đức, lợi ích như vậy nên ta phó chúc cho ông.

Hỏi: Phật không có tham gì, cho đến trí Nhất thiết chủng, Phật được giải thoát vô ngại, thanh tịnh vi diệu, đối với Phật pháp còn không tham, có gì lại đem Bát nhã ba la mật ân cần phó chúc cho A nan, như tuồng có tham kiết?

Đáp: Chư Phật vì lợi ích chúng sinh nên xuất hiện ở đời, hiện đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, có hào quang vô lượng, biến học thần túc đều vì chúng sinh. Đều làm lợi ích cho chúng sinh nhất không gì hơn Bát nhã ba la mật, vì có thể dứt hết các khổ. Bát nhã ba la mật nhân nơi ngữ ngôn, văn tự, chương cú mà có thể hiểu được nghĩa nó, thế nên Phật đem quyền kinh Bát nhã ân cần phó chúc cho A nan.

* Lại nữa, có người thấy Phật ân cần phó chúc nói rằng: Đại sự Phật đã làm xong, còn tôn trọng Bát nhã, như vậy pháp ấy chắc chắn tôn quý màu nhiệm; thí như trưởng giả giàu lớn, khi sắp mệnh chung đem bảo vật trao cho con, riêng ngọc báu Như ý thời ân cần phó chúc rằng: Người chớ cho thứ châu báu này không có màu sắc nhất định, chất như hư không, nhiệm màu khó biết mà không thủ hộ; nếu các vật báu khác mất có thể được, còn châu báu này không thể để mất. Vị trưởng giả giàu lớn là Phật, đem châu báu Bát nhã ba la mật phó chúc cho A nan: Ông khéo giữ gìn, thủ hộ, đừng để mất. Ngoại trừ Bát nhã ba la mật, 12 bộ kinh tuy đều mất hết, lỗi ấy còn ít, nếu mất một câu Bát nhã, lỗi ấy rất nhiều, vì sao? Vì pháp tạng Bát nhã thậm thâm là mẹ của ba đời mười phương chư Phật, hay khiến người mau đạt đến Phật đạo, như trong kinh này nói: Ba đời chư Phật đều từ Bát nhã mà được, cho đến vì hàng Thanh văn thuyết pháp, trong ấy đều là việc tán thán Bát nhã.

Hỏi: Thuyết pháp làm cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều được thành A la hán, tại sao không bằng đem một câu Bát nhã dạy cho Bồ tát?

Đáp: Việc ấy trước đã đáp rồi, nay sẽ lược nói: Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới tuy đều được thành A la hán mà chỉ tự độ mình, không nhằm làm Phật; nếu nói một câu Bát nhã, người nghe sẽ được làm Phật. Như người trồng

nhiều cây quả có nhiều quả, chẳng bằng một người trồng một cây Như ý, tùy sở nguyện của người đều được như ý.

Trong pháp nói cho hàng Thanh văn không có đại từ bi, trong pháp Đại thừa, một câu tuy ít mà có tâm đại từ bi. Trong pháp Thanh văn đều vì lợi mình, trong pháp Đại thừa rộng vì chúng sinh; trong pháp Thanh văn không có tâm muốn biết rộng các pháp, chỉ muốn mau lìa khổ già, bệnh, chết; trong pháp Đại thừa muốn mỗi mỗi rõ ràng biết hết thầy pháp; trong pháp Thanh văn công đức có hạn lượng; trong pháp Đại thừa bao gồm hết các công đức không có bỏ sót. Đại tiểu sai khác nhau như vậy; thí như kim cương tuy nhỏ song có thể hơn tất cả châu báu, chẳng được nói ít không bằng nhiều. Phước đức của các vị A la hán trong ba ngàn đại thiên thế giới so với đem một câu Bát nhã dạy cho Bồ tát trong một ngày, cho đến trong giây lát, phước kia rất nhiều. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bồ tát tự muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khiến được; tự tu sáu Ba la mật, cũng dạy người tu. Bồ tát có hai công đức như vậy mà không thành Phật đạo, thì không có lẽ ấy.

Bấy giờ Phật muốn làm rõ việc ấy nên dẫn chứng, cũng muốn chứng hết thầy pháp không, không đấm trước hết thầy pháp không ấy, mà chỉ vì thương xót hết thầy chúng sinh nên phó chúc cho A nan. Như Phật A súc và đại chúng trang nghiêm không đối hiện trước mắt, hết thầy pháp không đối hiện trước mắt cũng như vậy. Pháp mà mắt thịt, mắt trời trông thấy đều là pháp tác vi hư dối không thật; còn pháp mà mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật trông thấy đều là pháp vô tướng, vô vi nên không thể thấy; nếu không thể thấy cũng không thể biết. Pháp không tác vi cũng như vậy. Chúng hội Phật A súc được trông thấy đều như huyễn, như mộng. Quán các pháp được như vậy gọi là Bồ tát tu Bát nhã, gọi là không đấm trước. Điều Phật phó chúc cũng không đấm trước, chỉ vì tâm đại từ bi nên tán thán Bát nhã. Tướng hết thầy pháp tuy không thể nghĩ bàn, song vì lợi ích chúng sinh nên tán thán rằng: Học như vậy là học Bát nhã; nếu muốn được hết thầy Ba la mật nên học Bát nhã ba la mật như kinh đã nói rộng.

Phật dùng nghĩa vô lượng tán thán Bát nhã, trí tuệ Phật không thể cùng tận, công đức Bát nhã cũng không thể cùng tận, vì sao? Vì tướng Bát nhã ba la mật không có hạn lượng; danh từ, ngôn ngữ, chương cú, quyển số có hạn lượng như các câu chữ trong các quyển kinh Tiểu phẩm Bát nhã, Phóng quang Bát nhã, Quang tán Bát nhã v. v... có hạn lượng, còn nghĩa lý Bát nhã không có hạn lượng. A nan hỏi: Tại sao Bát nhã không có hạn lượng? - Phật đáp: Vì Bát nhã tự lìa tướng, lìa tướng nên từ trước lại đây không sinh không nhóm; không sinh không nhóm nên không tận không diệt. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Vô

lượng vô số chư Phật và đệ tử quá khứ dùng Bát nhã ba la mật chiếu sáng mười phương, độ vô lượng chúng sinh đều vào Vô dư Niết bàn, vì Bát nhã ba mật nên không cùng tận; chư Phật vị lai, hiện tại cũng như vậy. Thí như có người muốn đi cùng tận hư không, hư không không thể cùng tận, công đức của Bát nhã ba la mật, cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy, đã không tận, nay không tận sẽ không tận. Có người biết quá khứ không cùng tận, nhưng cho vị lai, hiện tại có cùng tận, thế nên nói ba đời không thể cùng tận, vì sao? Vì các pháp vốn vô sinh, làm sao cùng tận! Phật biết Bát nhã ba la mật là không cùng tận nên phó chúc. Như người đem bình dầu thơm phó chúc cho đệ tử, tuy không phải vì tiếc cái bình mà chỉ vì để giữ gìn dầu thơm. Ngôn ngữ, văn tự hay giữ gìn nghĩa lý cũng như vậy; nếu mất ngôn ngữ, văn tự thời nghĩa lý chẳng còn.

Bấy giờ Phật vì người tín thọ Bát nhã, nên hiện tướng lưới dài phủ lên mặt, hỏi A nan rằng: Ta nay ở giữa bốn chúng phó chúc Bát nhã cho ông, ông hãy vì chúng sinh giải nói, hiển bày, phân biệt, làm cho dễ hiểu.

Sở dĩ hiện tướng lưới rộng dài là theo tướng pháp của thế gian. Lưới có thể phủ lên mũi là tướng không vọng ngữ, hướng gì phủ lên mặt, thế nên Phật chỉ cho chúng sinh rằng: Thân ta từ cha mẹ sinh ra đã có tướng lưới ấy, nay muốn đem Bát nhã ba la mật khiến ông tin hiểu, vì các ông chưa được Nhất thiết trí, không thể biết khắp, vì muốn khiến các ông tin nên hiện tướng lưới, chứ chẳng phải dùng thần thông hiện ra.

Phật đối với pháp thậm thâm, trí tuệ, thiên định còn không dám trước, hướng gì tám pháp thế gian (*lợi, suy, hủy, dự, xưng cơ, đắc, thất - ND*), vì cái lợi cúng dường mà lại làm việc hư dối! Ở giữa hết thấy pháp như chim bay giữa hư không không bị chướng ngại. Phật chỉ vì bản nguyện độ sinh, tâm đại bi thương xót hết thấy nên đem cái lợi đệ nhất là Bát nhã ba la mật, ân cần phó chúc cho ông.

* Lại nữa, A nan! Người tu Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể vào môn Đà la ni Văn tự, nhân nơi một chữ mà liền chứng nhập rốt ráo không, nên gọi là Đà la ni Văn tự. Như các văn tự đều từ Bát nhã ba la mật mà có được; ngoài ra như Văn trì Đà la ni (*là nghe được rồi, giữ gìn không mất - ND*) cũng đều do Bát nhã ba la mật mà có được. Bồ tát có được Pháp Đà la ni rồi, được môn biện tài như đã nói trước, trải vô lượng vô số kiếp nói một câu, một nghĩa mà không bao giờ hết; ấy gọi là chơn pháp của chư Phật ba đời, lại không có pháp khác.

* Lại nữa, A nan! Bát nhã là diệu pháp của ba đời mười phương chư Phật; như thành chỉ có một cửa, người bốn phương đi đến không có cửa khác đi vào. Nay A nan! Ta nay vì ông mỗi mỗi nói rõ ràng: Nếu có người thọ trì Bát nhã, chẳng phải chỉ thọ trì pháp Ta, mà cũng thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật ba đời. Nay A nan! Nơi nơi ta đều nói Bát nhã ba la mật là đôi chân của hành giả, vì có sao? Vì Bồ tát được Bát nhã thời có thể hành đạo Bồ tát. Nay A nan! Ông được Bát nhã Đà la ni nên có thể giữ gìn hết thầy Phật pháp.

Hỏi: Do sức Văn trì Đà la ni nên có thể giữ gìn, có sao lại nói có được Bát nhã nên có thể giữ gìn hết thầy Phật pháp?

Đáp: Văn trì Đà la ni có thể giữ gìn pháp có số lượng, Đà la ni thế gian cũng có, như Tu thi ma ngoại đạo cũng được Văn trì Đà la ni, tuy được trong ít lúc, lâu ngày quên mất, còn từ Bát nhã được Đà la ni thời thọ trì rộng rãi các pháp, không bao giờ quên mất, đó là chỗ sai khác.

Hỏi: Bát nhã là Ba la mật, có gì còn gọi là Đà la ni?

Đáp: Thật tướng các pháp là Bát nhã có nhiều lợi ích, được chúng sinh ái niệm, nên có nhiều danh xưng; như Phật có mười hiệu. Văn tự Bát nhã ba la mật cũng như vậy, hay dẫn đến bờ mé hết thầy trí tuệ, nên gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ tát tu Bát nhã được thành Phật, đổi lại gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như ở trong tâm Tiểu thừa thời chỉ gọi là Ba mươi bảy pháp trợ đạo, ba cửa giải thoát; nếu người muốn được nghe rồi không quên, thời ở trong tâm người ấy gọi là Đà la ni. Thế nên Phật nói thí dụ ngọc Như ý, tùy theo màu sắc của vật ở trước nó mà thay đổi tên gọi. Phật nói mỗi mỗi công đức của Đại Bát nhã cũng như vậy.

(Hết cuốn 79 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 80

GIẢI THÍCH PHẨM VÔ TẬN THỨ 67

(Kinh Ma Ha Bát Nhã Ghi: Phẩm Bất khả tận)

KINH: - Bấy giờ Tu bồ đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi Phật. Nghĩ rồi bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật có thể cùng tận chăng?

Phật dạy: hư không không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật không thể cùng tận.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao có thể phát sinh Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Sắc không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thọ, tưởng, hành, thức không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; Thí ba la mật không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh, cho đến trí Nhất thiết chủng không thể cùng tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh.

* Lại nữa, Tu bồ đề! Vô minh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; hành không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thức không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; danh sắc không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sáu nhập không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sáu xúc không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thọ không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; ái không, không thể cùng tận nên Bồ tát bát nhã ba la mật có thể phát sinh; thủ không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; hữu không, không thể cùng tận, nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; sinh không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; già, chết, lo, buồn, khổ, não không, không thể cùng tận nên Bồ tát Bát nhã ba la mật có thể phát sinh ... Như vậy, Tu bồ đề! Mười hai nhân duyên đây là pháp riêng của Bồ tát hay trừ các điên đảo biên kiến. Khi ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được trí Nhất thiết chủng.

Này Tu bồ đề! Nếu có Bồ tát vì hư không không thể cùng tận mà tu Bát nhã, quán mười hai nhân duyên, thời không rơi vào Nhị thừa mà an trú Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Nếu cầu đạo Bồ tát mà bị thoái chuyển trở lại, là vì niệm lìa Bát nhã ba la mật. Người ấy chẳng biết thế nào là tu Bát nhã ba la mật, do hư không không cùng tận để quán mười hai nhân duyên. Tu bồ đề! nếu người cầu đạo Bồ tát mà thoái chuyển trở lại là vì không có sức phương tiện nên thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu bồ đề! Nếu Bồ tát không thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là đều vì có đủ sức phương tiện.

Này Tu bồ đề! Bồ tát nên do hư không, không thể cùng tận mà quán Bát nhã ba la mật, nên do hư không, không thể cùng tận mà phát sinh Bát nhã ba la mật. Như vậy, khi Bồ tát quán mười hai nhân duyên, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, không thấy pháp nào thường trú bất diệt, không thấy pháp nào có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, mạng giả, cho đến kẻ biết, kẻ thấy; không thấy pháp vô thường; không thấy pháp khổ; không thấy pháp vô ngã; không thấy pháp tịch diệt chẳng phải tịch diệt. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật nên quán mười hai nhân duyên như vậy. Tu bồ đề! Nếu Bồ tát tu Bát nhã ba la mật được như vậy, khi ấy không thấy sắc hoặc thường hoặc vô thường, hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc chẳng phải tịch diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Khi ấy cũng không thấy Bát nhã ba la mật, cũng không thấy do pháp ấy thấy Bát nhã ba la mật, không thấy Thiên ba la mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy Tu bồ đề! Vì hết thấy pháp không thể có được ấy là nên tu Bát nhã ba la mật. Nếu Bồ tát khi tu Bát nhã không có gì sở đắc, thời ác ma sáu căn như bị mũi tên bắn vào tim, như người có cha mẹ mới chết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chỉ có một ma sáu căn hay các ma trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng sáu căn.

Phật bảo Tu bồ đề: Ác ma trong ba ngàn đại thiên thế giới đều sáu căn như bị mũi tên bắn vào tim, không thể ngồi yên. Tu bồ đề! Bồ tát tu Bát nhã được như vậy, khi ấy hết thấy thế gian trôi, người, A tu la không thể tìm được thuận tiện để làm cho người kia ưu não. Vì vậy, Bồ tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hãy nên tu Bát nhã ba la mật.

Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật là đầy đủ tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, làm sao đầy đủ tu Thí Ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, như vậy, Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật đầy đủ tu Thí Ba la mật; Bồ tát tu Trì giới đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Giới ba la mật. Bồ tát tu Nhẫn nhục đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Nhẫn ba la mật. Bồ tát tu Tinh tấn đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Tấn ba la mật. Bồ tát tu Thiền định đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Thiền ba la mật. Bồ tát tu Trí tuệ đều hồi hướng đến Nhất thiết trí, thế là đầy đủ Bát nhã ba la mật. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát tu Bát nhã ba la mật đầy đủ sáu Ba la mật.

LUẬN: Tu bồ đề theo Phật nghe nói mỗi mỗi tướng của Bát nhã ba la mật, ban đầu nghe nói tướng rất ráo không; giữa nghe lời phú chúc thì tuồng như có; sau lại nghe nói không, đó là vì nghĩa của Bát nhã ba la mật vô lượng mà danh tự, chương cú của Bát nhã ba la mật thì có lượng. Khi ấy, Tu bồ đề nghĩ rằng: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật rất sâu, ta sẽ hỏi Phật vì sao rất sâu. Phật nói cho Tu bồ đề một ít phần, chỉ để phá tâm điên đảo của chúng sinh nên không nói đầy đủ, vì có sao? Vì không có người lãnh thọ được. Nếu người chấp thủ tướng Như, Phật nói Như cũng không, vì không có sinh, trụ, diệt; nếu pháp không có sinh, trụ, diệt, pháp ấy tức là không có; pháp tính, thật tế cũng như vậy.

Nếu có người chấp thủ rất ráo không, Phật cũng nói không phải, vì sao? Vì nếu rất ráo không là định tướng có thể thủ, thế là chẳng phải rất ráo không. Thế nên nói rất sâu. Ta sẽ lại hỏi Phật, Tu bồ đề nghĩ như vậy rồi, như lời Phật tự nói: Chư Phật ba đời đều dùng Bát nhã ba la mật mà đắc đạo, vì Bát nhã ba la mật không cùng tận; đã không tận, nay không tận, và sẽ không tận. Thế nên ta nay chỉ hỏi nghĩa không tận. Phật đáp: Như hư không không tận, nên Bát nhã cũng không tận, như hư không không có thật pháp, chỉ có danh tự; Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Bát nhã ba la mật như hư không, không có gì của chính nó, nên không thể tận, làm sao Bồ tát có thể phát sinh Bát nhã ba la mật ấy? nếu có thể phát sinh, làm sao trong tâm Bồ tát lại phát sinh việc tu được, chứng được? Phật đáp: Vì sắc vô tận nên Bát nhã ba la mật có thể phát sinh; như sắc lúc đầu, lúc sau, lúc giữa sinh không thể có được, vì sắc sinh sắc, không thể có được; là sắc sinh sắc, không thể có được, sinh không thể có được, sinh không thể có được, như đã phá tướng sinh ở trước. Vì sinh không thể có được, nên sắc cũng không thể có được, vì sắc không thể có được nên sắc sinh không thể có được; vì hai pháp không thể có được nên sắc như huyễn, như mộng, chỉ đối gạt mắt

người. Nếu sắc có sinh ắt có tận, vì sắc không sinh nên cũng không có tận; sắc chơn tướng tức là Bát nhã ba la mật. Thế nên nói sắc không thể tận, Bát nhã ba la mật cũng không tận, Thọ, tưởng, hành, thức, Thí ba la mật cho đến trí Nhất thiết chủng cũng như vậy.

* Lại nữa, Kinh nói: " Có thể sinh Bát nhã" là vì vô minh hư không không thể cùng tận. Nếu người chỉ quán rốt ráo không, thời phần nhiều đọa vào bên đoạn diệt; nếu quán có thời phần nhiều đọa vào bên thường. Lìa hai bên ấy nên nói mười hai nhân duyên không. Vì sao? Vì nếu pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, pháp ấy không có định tính; nếu pháp không có định tính tức là pháp tịch diệt rốt ráo không; lìa hai bên ấy nên giả gọi là trung đạo. Thế nên nói mười hai nhân duyên như hư không, không có pháp, nên không tận. Vô minh cũng do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tướng; không có tự tướng nên rốt ráo "không", như hư không.

* Lại nữa, vì nhân duyên sinh nên không thật, như kinh nói: Nhân mắt duyên sắc sinh giác xúc, giác xúc từ vô minh sinh. Giác xúc không ở trong mắt, không ở trong sắc, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chặng giữa; cũng không từ mười phương ba đời đến, định tướng của pháp ấy không thể có được. Vì sao? Vì hết thảy pháp vào Như. Nếu nắm bắt được định tướng vô minh, tức là trí tuệ, không gọi là vô minh; thế nên tướng vô minh, tướng trí tuệ không khác nhau, thật tướng của vô minh tức trí tuệ, chấp trước tướng trí tuệ tức vô minh. Thế nên, thật tướng vô minh rốt ráo thanh tịnh như hư không, không sinh, không diệt. Vì thế nói rằng: Có được quán ấy mà hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức gọi là Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu không có vô minh, cũng không có các hành v.v... làm sao nói mười hai nhân duyên?

Đáp: Nói mười hai nhân duyên có 3 loại: Một là đối với phàm phu, dùng mắt thịt trông thấy, tâm điên đảo chấp ngã khởi các phiền não nghiệp, qua lại trong đường sinh tử.

Hai là đối với hiền thánh, dùng mắt pháp phân biệt các pháp; thấy già, bệnh, chết sinh tâm nhàm chán, muốn ra khỏi thế gian. Tìm nguyên nhân của già, chết do sinh; sinh ấy do các phiền não nghiệp, vì sao? Vì người không có phiền não thời không sinh, nên biết phiền não làm nhân duyên cho sinh. Làm nhân duyên cho phiền não là vô minh, vì vô minh, nên điều đáng bỏ lại lấy, đáng lấy lại bỏ. Đáng bỏ gì? Đáng bỏ già, bệnh, khổ và phiền não; nhưng vì điên đảo cho khổ

làm vui nên lấy. Trì giới, thiền định, trí tuệ là gốc của sự lành, là nhân duyên của cái vui Niết bàn, việc ấy đáng lấy lại bỏ. Trong ấy không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, vì sao? Vì pháp ấy không có định tướng, chỉ do nhân duyên hư dối tương tục sinh ra. Hành giả biết là hư dối không thật thời không sinh hý luận, chỉ vì muốn diệt khổ vào Niết bàn, không cứu xét cùng tận tướng các khổ.

Ba là đối với các đại Bồ tát, là người đại trí, lợi căn nên chỉ cứu xét cùng tận tướng cội gốc của mười hai nhân duyên, không vì lo sợ mà tự thoái thất. Bấy giờ không thấy có định tướng, già và chết rất ráo không, chỉ do hư dối, giả gọi là có, vì cớ sao? Vì người phân biệt tướng các pháp thì nói già, chết là pháp tâm bất tương ưng hành, tướng ấy không thể có được. Đầu bạc v.v... là tướng màu sắc, không phải tướng già; hai việc không thể có được nên không có tướng già.

* Lại nữa, người đời gọi tướng già là tóc bạc; răng long, mặt nhăn, thân cong, gầy gò, sức yếu, các căn mờ ám, nhưng việc ấy không đúng, vì sao? Vì tóc bạc chẳng phải chỉ người già; có người tuổi trẻ tóc lại bạc, người già tóc lại đen; gầy gò, thân cong, mặt nhăn ... cũng như vậy. Có người già mà các căn sáng suốt, lanh lợi; người trẻ mà mờ ám; lại uống thuốc hoàn đồng tuy già mà trẻ. Như vậy, tướng già không có định tướng, chỉ do các pháp hòa hợp giả gọi là già; lại như mượn bánh, trục, thùng, cưa ... gọi là xe, đó chỉ là giả danh, chẳng phải thật.

* Lại nữa, trong các pháp rất ráo không, tướng sinh không thể có được, huống gì có già! Do các nhân duyên như vậy, tìm pháp già không thể có được. Vì không thể có được nên không có tướng, như hư không không thể tận; cũng như già cho đến vô minh cũng như vậy. Pháp tướng vô minh như trên nói. Bồ tát quán thực tướng các pháp rất ráo không, không có gì của chính nó, không có sở đắc; cũng vì không chấp trước việc ấy nên đối với chúng sinh sanh tâm đại bi: chúng sinh vì vô minh nên đối với pháp hư dối điên đảo không thật, chịu các khổ não. Mười hai nhân duyên nói đầu chỉ là vì người phàm phu không tìm phải trái trong đó; mười hai nhân duyên nói thứ hai là chỗ quán sát của hàng Nhị thừa và Bồ tát chưa được vô sinh pháp nhẫn; mười hai nhân duyên nói thứ ba là chỗ quán sát của các Bồ tát từ được vô sinh pháp nhẫn cho đến khi ngồi đạo tràng. Thế nên nói, vô minh hư không không thể tận cho đến lo, buồn, khổ, não hư không không thể tận, nên Bồ tát tu Bát nhã ba la mật.

Quán sâu về pháp nhân duyên như vậy, xa lìa các bên và điên đảo. Bên là bên thường, bên đoạn, bên có bên không, bên thật, bên hư, bên thế gian hữu biên, bên thế gian vô biên; điên đảo là nơi vô thường khởi lên phiền não chấp thường v.v... Quán mười hai nhân duyên ấy thời các bên và điên đảo dứt. Các phiền não

có hai phần; Một là theo người ngoại đạo tà kiến gọi là bên; hai là theo các chúng sinh khác, phiền não gọi là điên đảo. Quán mười hai nhân duyên thời hai thứ phiền não ấy đều dứt. Đó là quán mười hai nhân duyên thứ ba rất sâu, chỉ các Bồ tát ngồi đạo tràng mới có thể quán; trước tuy nói có thể quán nhưng chưa đầy đủ. Như trong kinh Thành Dụ, Phật nói: Khi Ta chưa đắc đạo, suy nghĩ như vậy: Chúng sinh đáng thương, đi sâu vào đường hiểm, thường thường sinh, thường thường già, thường thường chết, qua lại ba cõi không biết đường ra. Ta liền nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì có già chết? Trong khi tìm cầu như vậy được trí tuệ chơn thật, biết rằng sinh làm nhân duyên cho già, chết v.v... Thế nên, biết lối quán mười hai nhân duyên nói lần thứ ba, khi ngồi đạo tràng mới có được, như Kinh nói rộng.

* Lại nữa, quán mười hai nhân duyên như vậy, vượt quá hàng Nhị thừa, được trí Nhất thiết chủng. Nếu có người thoái lui đối với Phật đạo, là vì không được lối quán sâu xa ấy, nếu được lối quán ấy thời không thoái lui, vì sao? Vì đã sâu vào rốt ráo không thời không thấy Thanh văn, Bích chi Phật địa; vì không thấy nên không trú ở trong đó.

* Lại nữa, người quán nhân duyên được như vậy thời không thấy có một pháp nào chắc chắn, tự tại, không do nhân duyên sinh, hết thấy pháp không tự tại đều thuộc nhân duyên sinh, có người tuy thấy hết thấy pháp từ nhân duyên sinh, nhưng lại cho là từ tà nhân duyên sinh. Tà nhân duyên là cho rằng vi trần, thể tánh v.v... làm nhân duyên sinh các pháp. Thế nên nói, không thấy pháp nào không do nhân duyên sinh, cũng không thấy pháp nào từ thường nhân duyên như vi trần, thể tánh sinh. Như hư không thường, thường thời không có sinh; hư không cũng không làm nhân cho vật khác sinh, vì thế nên không có pháp nào từ thường nhân duyên sinh.

* Lại nữa, Bồ tát quán hết thấy pháp thuộc nhân duyên sinh như vậy không tự tại, vì không tự tại nên không có ta, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy. Bây giờ Bồ tát an trú trong mười hai nhân duyên rốt ráo không, không thấy một pháp nào hoặc có hoặc không v.v... không thấy Bát nhã, cũng không thấy dùng pháp ấy tu Bát nhã, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy; ấy gọi là Bát nhã ba la mật không có sở đắc của Bồ tát. Được Bát nhã ba la mật không có sở đắc ấy, đối với hết thấy pháp bèn được Bát nhã không có chướng ngại gì. Bây giờ ác ma rất sầu khổ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy sâu vào mười hai nhân duyên rốt ráo không, không vướng vào trong lưới ma về 62 tà kiến chấp có, chấp không, chấp chẳng phải có chẳng phải không v.v... Ta nay không có cách thuận tiện để phá Bồ tát. Thí như người bắt cá, thấy một con cá lặn sâu trong dòng

nước lớn, lưới câu không tới kịp thời tuyệt vọng ưu sầu và cũng như người mới mất cha mẹ.

* Lại nữa, Bồ tát tu Bát nhã ba la mật không có sở đắc, được như vậy thời đầy đủ Thí ba la mật v.v... vì sao? Vì tu pháp ấy thời các phiền não làm chướng ngại Bát nhã đều bị bẻ gãy; ma chừa, ma dân không tìm được thuận tiện để phá, nên các Ba la mật được đầy đủ; từ trước lại đây tuy tu sáu Ba la mật nhưng chưa thể được đầy đủ như vậy.

Tu bồ đề hỏi: Bạch Thế Tôn! Bồ tát làm sao tu Bát nhã ba la mật được như vậy, có thể đầy đủ Thí ba la mật v.v...?

Phật đáp: Nếu Bồ tát có bố thí gì đều hồi hướng đến Nhất thiết trí. Có hai hạng người: độn căn và lợi căn. Người độn căn có bố thí nhiều ít đều chấp thủ tướng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người lợi căn phá chấp thủ tướng những hý luận sai lầm về pháp "không", tín lực cạn mỏng, không dùng Nhất thiết trí, chỉ tìm thật tướng các pháp. Hai hạng người ấy đều không thể đầy đủ Thí ba la mật. Một là hạng người vì tín lực nhiều, tuệ lực ít; hai là người vì tuệ lực nhiều, tín lực ít. Nay Phật nói tín lực, tuệ lực bằng nhau nên có thể hồi hướng đến Nhất thiết trí. Tưởng niệm Nhất thiết trí là tín lực; đúng như Nhất thiết trí mà hồi hướng là trí lực, cho đến Bát nhã ba la mật cũng lại như vậy.

GIẢI THÍCH: PHẨM SÁU ĐỘ TƯƠNG NHIẾP THỨ 68

(Kinh Đại Bát Nhã Phần 2 ghi: Phẩm Tương Nhiếp thứ 67)

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí Ba la mật mà được Giới ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát khi bố thí, đem công đức bố thí ấy hồi hướng đến Nhất thiết trí, đối với chúng sinh giữ thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ; ấy là trú trong Thí ba la mật mà được Giới ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật mà được Nhẫn ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát khi bố thí bị người lãnh thọ thí sân giận, mắng nhục, nói lời hung dữ, khi ấy Bồ tát nhẫn nhục không sinh tâm giận, ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Nhẫn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật mà được Tấn ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí bị người lãnh thọ sân giận, mắng nhục, nói lời hung dữ, Bồ tát càng bố thí thêm và tâm nghĩ rằng: Ta nên cấp thí, không nên tiếc gì, tức thời thân tinh tấn, tâm tinh tấn; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Tấn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! làm sao Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Thiền ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí chỉ hồi hướng đến Nhất thiết trí, không hồi hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, chỉ nhất tâm quán niệm Nhất thiết trí; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Thiền ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao trú trong Thí ba la mật được Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát khi bố thí biết việc bố thí là không, như huyễn, không thấy vì bố thí cho chúng sinh là hữu ích, vô ích; ấy là Bồ tát trú trong Thí ba la mật được Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thí ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát trú trong Giới ba la mật, thân, miệng, ý sinh phước đức bố thí, giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; với công đức ấy không thủ chúng Thanh văn, Bích chi Phật địa; trú trong Giới ba la mật không cướp mạng sống kẻ khác, không cướp tài vật kẻ khác, không hành tà dâm, không nói dối, không nói hai lưỡi, không miệng dữ, không nói thêu dệt, không tham lam tạt đổ, không sân giận, không tà kiến. Thực hành bố thí, người đói cho ăn, người khát cho uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần hương cho hương, cần chuỗi anh lạc cho chuỗi anh lạc; hương xoa, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, các vật cần nuôi sống đều cấp cho hết. Dem công đức bố thí ấy chia sẻ cho chúng sinh cùng hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Hồi hướng như vậy không đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa. Tu bồ đề! Ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thí ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Nhẫn ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát trú trong Giới ba la mật, nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻ từng mảnh, Bồ tát không sinh tâm sân giận, cho đến chỉ trong một giây lát, tự nói

rằng: Ta được lợi lớn, chúng sinh đi đến lấy từng chi tiết thân ta để dùng, ta không một niệm sân giận; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Nhẫn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Tấn ba la mật?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thân tinh tấn, tâm tinh tấn thường không bỏ, nghĩ rằng: Hết thấy chúng sinh ở trong sinh tử, ta sẽ cứu vớt đem đặt trên đất cam lồ, ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Tấn ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thiên ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát vào Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, không tham vào Thanh văn, Bích chi Phật địa, nghĩ rằng: Ta sẽ trú trong Thiên ba la mật, độ hết thấy chúng sinh khỏi sinh tử; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Thiên ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Làm sao Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Bát nhã ba la mật?

Phật dạy: Bồ tát trú trong Giới ba la mật không có pháp có thể thấy, hoặc tác pháp, hoặc hữu vi pháp, hoặc số pháp, hoặc tướng pháp, hoặc có, hoặc không; chỉ thấy các pháp không ngoài tướng Như. Vì có Bát nhã ba la mật và sức phương tiện nên không đọa vào Thanh văn, Bích chi Phật địa; ấy là Bồ tát trú trong Giới ba la mật được Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Cuối phẩm trước nói: Làm sao Bồ tát tu Bát nhã ba la mật đầy đủ sáu Ba la mật? Phật đã mỗi mỗi đáp. Trong phẩm này Tu bồ đề hỏi: Làm sao Bồ tát tu một Ba la mật mà thu nhiếp năm Ba la mật. Hỏi rằng: Sáu Ba la mật mỗi tướng khác nhau làm sao tu một Ba la mật mà thu nhiếp năm Ba la mật? Đáp rằng: Bồ tát do sức phương tiện nên tu một Ba la mật có thể thu nhiếp năm Ba la mật.

* Lại nữa, pháp hữu vi vì nhân duyên quả báo tiếp tục nhau nên tạo thành nhau; thiện pháp làm nhân duyên cho thiện pháp; các Ba la mật đều là thiện pháp, nên tu một thời nhiếp được năm; lấy một Ba la mật làm chủ, các Ba la mật khác làm chi phần. Có Bồ tát tu sâu về Thí ba la mật, an trú trong Thí Ba la mật, khi bố thí cho chúng sinh, được có tâm từ, từ tâm từ khởi lên thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ khi ấy Bồ tát liền được Giới ba la mật, vì sao? Vì nghiệp từ là ba thiện đạo, căn bản của Giới ba la mật là không tham, không sân và chánh kiến. Ba nghiệp

từ ấy sinh ra ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng. Từ tức là thiện nghiệp, vì lợi ích chúng sinh nên gọi là từ.

Được Tấn ba la mật là Bồ tát vì Nhất thiết trí nên bố thí.

Bị người lãnh thọ giận là nếu thí chủ xưng rằng: Ta có thể bố thí hết thầy, nhưng người lãnh thọ không được vừa ý liền nói rằng: Ai bảo ông mời ta đến mà không theo ý ta? Giận là ý nghiệp ác, mắng là khẩu nghiệp ác, đánh hại là thân nghiệp ác. Giận có thượng, trung, hạ. Thượng là giết hại; trung là mắng nhiếc; hạ là tâm giận. Bấy giờ Bồ tát không sinh ba thứ ác nghiệp, ý nghiệp là gốc nên chỉ nói ý nghiệp, nghĩ rằng: Đó là tội của ta. Ta mời người kia đến mà không thể làm vừa ý họ, do ta phước mỏng nên không thể bố thí đầy đủ. Nếu ta sân giận thì đã mất tài vật lại mất luôn phước đức, thế nên không nên giận.

Được Tấn ba la mật là nếu Bồ tát khi bố thí bị người lãnh thọ đánh hại, tâm không thoái thất, không bỏ. Vì bố thí nên thân tâm siêng năng tinh tấn, nghĩ rằng: Ta đời trước không cố gắng bố thí nên nay không thể làm vừa lòng người lãnh thọ, hãy nên siêng bố thí, không nên tính kể các việc nhỏ khác.

Được Thiền ba la mật là Bồ tát bố thí không cầu phước lạc đời nay, không cầu làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, vua người đời sau; cũng không cầu cái vui thiên định thế gian, vì chúng sinh nên không cầu cái vui Niết bàn. Chỉ thu nhiếp các ý vào trong trí Nhất thiết chủng không cho tán loạn.

Được Bát nhã ba la mật là Bồ tát trong khi bố thí, thường quán hết thầy pháp hữu vi tạo tác đều hư dối không kiên cố, như huyễn, như mộng. Khi bố thí cho chúng sinh, không thấy có ích, không ích, vì sao? Vì vật bố thí chẳng phải nhất định là nhân duyên của vui, hoặc có khi được ăn no bụng sinh trưởng mà chết; hoặc có khi được của cải mà bị giặc hại; hoặc cũng vì được của cải nên sinh tâm xan tham mà đọa vào ngã quý. Lại, tài vật là tướng hữu vi, niệm niệm sinh diệt vô thường, là nhân duyên sinh ra khổ.

* Lại nữa, của cải vào trong các pháp thật tướng rốt ráo không, không phân biệt có lợi, không lợi. Thế nên, Bồ tát đối với người lãnh thọ không cầu báo ân, đối với việc bố thí không mong quả báo. Giả sử cầu quả báo, nếu người kia không đền đáp thì sinh oán hận. Bồ tát nghĩ rằng: Các pháp rốt ráo không, nên ta không có cho gì; nếu cầu quả báo, hãy nên cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo không. Như tướng bố thí, nên không thấy có ích; vì rốt ráo không nên cũng không thấy có ích. Như ấy, ở nơi Thí ba la mật có được năm Ba la mật.

Bồ tát lấy Giới ba la mật làm chủ, có thân, miệng, ý thiện nghiệp, bố thí, đa văn, tư duy, trì giới giúp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì sức trì giới lớn nên tổng quát gọi là Giới ba la mật, vì sao? Vì ở trong cõi Dục, việc trì giới là trên hết, còn việc bố thí, đa văn, tư duy, tu tập trí tuệ, vì tâm ở cõi Dục tán loạn nên đắc lực mỏng manh. Như trong A tỳ đàm nói: Pháp để ra khỏi sự trói buộc vào cõi Dục, Sắc và Vô Sắc chính là thiền định thanh tịnh; pháp học, vô học, và Niết bàn, Bồ tát cho việc trì giới v.v... ấy không hướng đến Thanh văn, Bích chi Phật địa, chỉ an trú trong Giới ba la mật, không cướp mạng sống của chúng sinh cho đến giới không tà kiến; đó là Giới trợ đạo, đầy đủ mười giới thiện đạo. Bồ tát trú trong hai thứ giới ấy mà bố thí cho chúng sinh. Nếu ân cần cho ăn v.v... như trong phẩm đầu đã nói rõ. Điều đem phước ấy hồi hướng đến Phật đạo, không hướng đến Nhị thừa, vì sao? Vì Bồ tát có hai thứ phá giới: Một là làm mười bất thiện đạo; hai là hướng tới Thanh văn, Bích chi Phật địa, trái với hai thứ ấy là hai thứ trì giới.

Được Nhẫn ba la mật là Bồ tát ở trong Giới ba la mật muốn đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật. Nếu có chúng sinh đi đến cắt xẻo thân thể từng mảnh đem đi, cho đến Bồ tát không sinh một niệm giận, hướng gì khởi lên thân, khẩu, ác nghiệp.

Hỏi: Nhẫn nhục là đối với hết thảy việc xâm hại đều nhẫn được, có gì chỉ nói nhẫn trước việc cắt xẻo thân thể?

Đáp: Vật được ưa đắm có trong, có ngoài. Trong là tự thân đầu, mắt, tủy, não v.v...; ngoài là vợ con, châu báu v.v... tuy đều là vật ưa đắm, nhưng vật ưa đắm bên trong sâu hơn. Có người nói đắm đuối theo của cải mà chết, ấy cũng là thân. Lại, người ta phần nhiều tiếc thân, có khi tiếc của, vì tiếc của ít nên không nói. Lại, người ấy còn không tiếc thân, hướng gì tiền của! Thế nên chỉ nói việc lớn là đủ nhiếp việc nhỏ.

Hỏi: Bồ tát cho đến không sinh một niệm giận, đó là đối với thân biến hóa hay là đối với thân cha mẹ sinh? Nếu đối với thân biến hoá thì không có gì kì lạ; nếu đối với thân cha mẹ sinh thì người chưa kiết sử, làm sao không sinh một niệm giận được?

Đáp: Có người nói: Do phiền não nghiệp làm nhân duyên sinh thân, Bồ tát trong vô lượng kiếp vì chúng sinh mà ưa tu tập từ tâm, dầu có bị cắt xẻ cũng không giận, như cha mẹ lành nuôi con dại, tuy nó đá ỉa trên thân, vì lòng quá thương yêu mà không giận, lại thương nó không biết gì, Bồ tát đối với chúng sinh cũng như vậy, những người chưa được Thánh đạo đều như trẻ nít, ta là Bồ tát, nên

sinh tâm từ như cha mẹ, dầu chúng sinh có gây ác đến với ta, ta không nên giận, vì sao? Vì chúng sinh bị phiền não sai sử, không được tự tại.

* Lại nữa, Bồ tát từ vô lượng kiếp, lại đây thường tu pháp rất ráo không, không thấy người hại, người máng, người lành, người dữ, hết thấy đều như huyễn, như mộng; những người sân giận đều là vô minh; nếu ta đáp trả họ, thì ta với họ không khác.

* Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Chỗ đáng giận mà ta không giận thì là lợi lớn.

Được Tinh tấn ba la mật là ở trong Giới ba la mật phần nhiều là hạng người xuất gia, thỉnh thoảng có hạng người tại gia. Hết thấy người xuất gia đều được vô lượng giới luật nghi, đầy đủ bốn mươi thứ thiên đạo, sâu vào thật tướng các pháp, vượt quá Thanh văn, Bích chi Phật địa. ba thứ giới ấy gọi là Giới ba la mật. Người tại gia không có vô lượng giới luật nghi, thế nên không đầy đủ ở trong Giới ba la mật. Bồ tát nghĩ rằng: Ta nay bỏ cái vui thế gian mà vào đạo, không thể chỉ trú ở trì giới, vì trì giới là trú xứ của các công đức khác; nếu chỉ được trú xứ, không được các công đức khác thì được lợi rất ít; thí như người ở trong hòn đảo châu báu mà chỉ lấy được ngọc thủy tinh thì lợi rất ít. Vì thế nên, Bồ tát muốn đủ năm Ba la mật nên thân tâm siêng năng tinh tấn. Thân tinh tấn là đúng như pháp làm ra của cải dùng đem bố thí; tâm tinh tấn là các ác tâm xan, tham v.v... hiện đến phá sáu Ba la mật, không để cho vào. Được hai thứ tinh tấn ấy rồi, nên nghĩ rằng: Hết thấy chúng sinh chìm đắm trong sinh tử, ta nên cứu vớt, đặt lên chỗ cam lồ, người Thanh văn chỉ độ một thân còn không nên giải đãi, huống gì Bồ tát độ mình, độ chúng sinh mà giải đãi; vì lẽ ấy nên ta không nên giải đãi, phế bỏ; tuy thân khổ nhọc mà tâm không nên ngừng, vì có sao? Vì pháp Đại thừa này nếu không vận dụng thì bị bại hoại.

Được Thiên ba la mật là Bồ tát ở trong Giới ba la mật hoặc vì chưa được pháp vô sinh nhẫn nên gió phiền não thổi động cây đại nguyện, muốn phá hoại Giới ba la mật ấy. Bấy giờ nên cầu cái vui thiên định, trừ bỏ cái vui năm dục lạc; cái vui năm dục trừ, nên giới được thanh tịnh, phiền não tuy chưa dứt hết, cũng đã bị nhiếp phục nên không thể gây loạn. Thí như rắn độc, vì bị sức chú thuật nên độc không thể phun nhằm. Thiên là bốn thiên, bốn định vô sắc, bốn tâm vô lượng. Bồ tát được thiên, tâm tuy mềm dịu song vì an trú trong Giới ba la mật nên cũng không thủ lấy Thanh văn, Bích chi Phật địa. Bồ tát nghĩ rằng: Ta nên tu Thiên ba la mật, không vì Niết bàn Tiểu thừa, cũng không vì quả báo, chỉ vì độ chúng sinh nên nói thật tướng các pháp. Trí thật tướng ấy từ thiên định sinh, tâm ấy không bị giác quán làm lay động, cũng không bị tham dục, sân nhuế làm ô

trước, buộc tâm một nơi thanh tịnh, mềm dịu, thời phát sinh thật trí. Như nước đứng lặn thời chiếu sáng phân minh. Bồ tát ở trong Giới ba la mật được thiền ấy, được thiền định nên tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh nên biết các pháp như thật. Pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp sinh, hư dối. Bồ tát lấy mắt tuệ quán sát không thấy pháp hữu vi ấy có thật. Pháp hữu vi có nhiều tên gọi là tác pháp, hữu vi, số pháp, tướng pháp, hoặc có hoặc không, vì hữu vi nên có thể nói vô vi; tướng hữu vi còn không thể có được, hướng gì vô vi.

Hỏi: Pháp hữu vi là có tướng, pháp vô vi là không tướng, nay sao trong pháp hữu vi lại nói không có tướng?

Đáp: Vô vi có hai thứ: Một là tịch diệt không có tướng, không có hý luận, như Niết bàn; hai là đối đãi nhau, không có hơn nơi có mà sanh. Như ở tại miếu đường không có con ngựa, thời có thể sinh vô tâm, vô tâm ấy là nhân duyên sinh phiền não, làm sao là pháp vô vi được? Vì Bồ tát không thấy pháp có không, chỉ thấy các pháp như như, pháp tánh, thật tế.

Hỏi: Ông trước nói là "có" thời không có "không" nay sao nói thấy như như, pháp tánh thực tế?

Đáp: Không thấy pháp hữu vi hoặc thường, lạc, ngã, tịnh, pháp hư dối ấy nếu không có, tức là pháp thật. Vì thấy pháp vô sinh nên có thể xa lìa pháp hữu sinh; pháp vô sinh ấy không có định tướng có thể thủ đắc, chỉ có khả năng khiến người ta xa lìa pháp hữu sinh hư dối, nên gọi là vô sinh. Nếu có được trí tuệ như vậy, lại do sức phương tiện và bản nguyện bi tâm nên không thủ chứng Nhị thừa mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ tát ở trong Giới ba la mật được đầy đủ năm Ba la mật.

(Hết cuốn 80 theo bản Hán)

- Hết tập 04 -

--oOo --